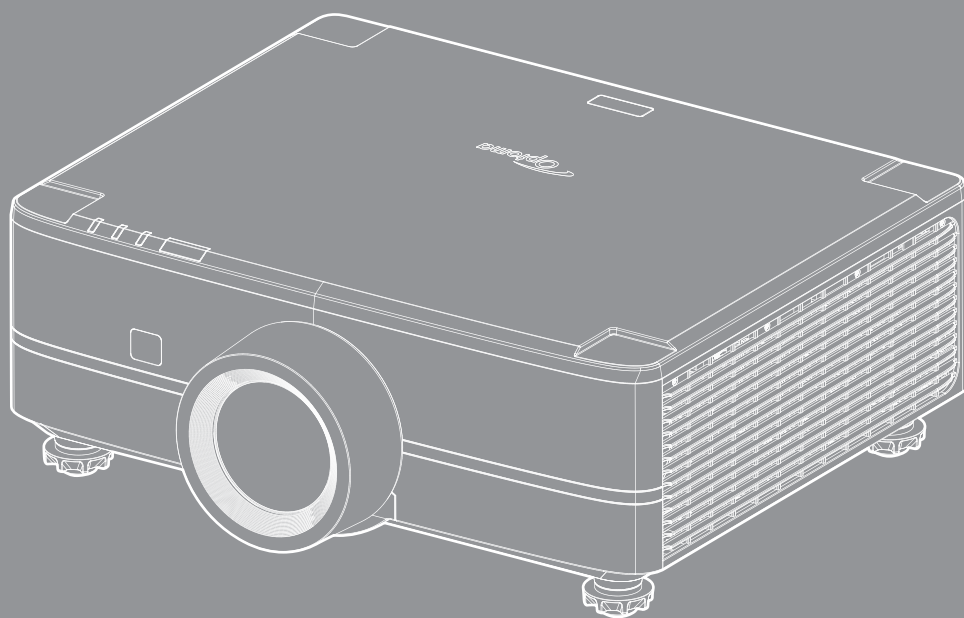




Máy chiếu DLP®



Sổ hướng dẫn
sử dụng



MỤC LỤC

AN TOÀN	4
<i>Hướng dẫn về an toàn quan trọng</i>	<i>4</i>
<i>Hướng dẫn an toàn về pin</i>	<i>6</i>
<i>Lau ống kính</i>	<i>6</i>
<i>Thông tin an toàn bức xạ laser</i>	<i>7</i>
<i>FCC</i>	<i>8</i>
<i>Tuyên bố tuân thủ quy định của các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu</i>	<i>8</i>
<i>WEEE</i>	<i>9</i>
<i>CTUVUS</i>	<i>9</i>
<i>Thông số kỹ thuật và nhãn cảnh báo</i>	<i>9</i>
<i>Bản quyền</i>	<i>10</i>
<i>Khước từ trách nhiệm</i>	<i>10</i>
<i>Nhận biết thương hiệu</i>	<i>10</i>
GIỚI THIỆU	11
<i>Tổng quan về gói sản phẩm</i>	<i>11</i>
<i>Phụ kiện chuẩn</i>	<i>11</i>
<i>Phụ kiện tùy chọn</i>	<i>11</i>
<i>Tổng quan về Sản phẩm</i>	<i>12</i>
<i>Các đầu nối</i>	<i>13</i>
<i>Bàn phím</i>	<i>14</i>
<i>Điều khiển từ xa</i>	<i>15</i>
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT	16
<i>Lắp đặt máy chiếu</i>	<i>16</i>
<i>Kết nối các nguồn tín hiệu với máy chiếu</i>	<i>18</i>
<i>Điều chỉnh Hình ảnh chiếu</i>	<i>19</i>
<i>Điều chỉnh độ dịch chuyển hình ảnh chiếu</i>	<i>20</i>
<i>Điều chỉnh Thu phóng và Tiêu cự máy chiếu</i>	<i>22</i>
<i>Thiết lập điều khiển từ xa</i>	<i>23</i>
SỬ DỤNG MÁY CHIẾU	25
<i>Bật/tắt nguồn máy chiếu</i>	<i>25</i>
<i>Chọn nguồn vào</i>	<i>28</i>
<i>Tổng quan về màn hình Khởi chạy</i>	<i>29</i>
<i>Điều hướng menu và các tính năng</i>	<i>30</i>
<i>Sơ đồ menu OSD</i>	<i>31</i>
<i>Menu hình</i>	<i>39</i>
<i>Menu hiển thị</i>	<i>44</i>
<i>Menu thiết lập</i>	<i>47</i>
<i>Menu Âm thanh</i>	<i>51</i>

Menu Điều khiển.....	52
Menu thông tin.....	65
Cài đặt hệ thống	66
Chọn nguồn đầu vào thủ công	71
Chọn ứng dụng.....	71

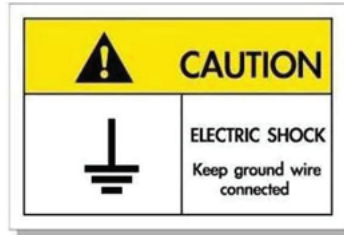
THÔNG TIN BỔ SUNG 74

Độ phân giải tương thích	74
Cỡ hình và khoảng cách chiếu	80
Kích thước máy chiếu và lắp đặt giá treo trần	81
Mã điều khiển từ xa hồng ngoại	82
Khắc phục sự cố.....	84
Chỉ báo cảnh báo	86
Thông số kỹ thuật.....	87
Văn phòng toàn cầu của Optoma.....	89

AN TOÀN

	Biểu tượng ánh chớp có đầu mũi tên trong tam giác đều nhằm mục đích cảnh báo người dùng về "điện thế nguy hiểm" không được cách điện trong vỏ ngoài của sản phẩm và độ lớn có thể đủ mạnh dẫn đến nguy cơ điện giật cho người.
	Dấu than trong tam giác đều nhằm mục đích cảnh báo người dùng về các hướng dẫn bảo dưỡng (bảo trì) và vận hành quan trọng trong tài liệu đi kèm thiết bị.

Vui lòng thực hiện theo mọi cảnh báo, thận trọng và bảo dưỡng được khuyến nghị trong sách hướng dẫn sử dụng này.



- Để tránh bị điện giật, máy và các thiết bị ngoại vi phải được nối đất đúng cách (đã nối đất).
- Thiết bị này được trang bị phích cắm nguồn loại tiếp mát 3 chân.
- Không được tháo chân tiếp mát của phích cắm nguồn.
- Đây là một tính năng bảo đảm an toàn. Nếu bạn không thể cắm phích cắm vào ổ, hãy liên hệ cho thợ điện.
- Không được khiến cho phích cắm tiếp mát trở thành vô ích.

Hướng dẫn về an toàn quan trọng



- Giống như mọi nguồn sáng khác, không được nhìn thẳng vào chùm tia sáng trực tiếp, RG2 IEC 62471-5:2015.
- Máy chiếu này là sản phẩm laser cấp độ 1 của IEC/EN 60825-1:2014 và nhóm rủi ro 2 với các yêu cầu của IEC 62471-5:2015.
- Giám sát trẻ nhỏ: không được nhìn thẳng và tránh sử dụng thiết bị hỗ trợ quang học!
- Thông báo được đưa ra để giám sát trẻ em và không bao giờ cho phép trẻ em nhìn thẳng vào chùm tia sáng của máy chiếu từ bất kỳ khoảng cách nào.
- Thông báo được đưa ra để thận khi sử dụng điều khiển từ xa để bật máy chiếu khi đứng trước ống kính máy chiếu.
- Thông báo được đưa ra cho người dùng để tránh sử dụng thiết bị hỗ trợ quang học như ống nhòm hoặc kính viễn vọng lên chùm tia sáng
- Không chặn các lỗ thông khí. Để đảm bảo hoạt động đáng tin cậy của máy chiếu và để bảo vệ chống quá nhiệt, bạn nên đặt máy chiếu ở vị trí không chặn lỗ thông khí. Ví dụ, không đặt máy chiếu trên bàn cà phê, ghế sofa, giường, v.v. chật chội. Không đặt máy chiếu ở nơi bí như giá sách hoặc ngăn kéo hạn chế luồng khí.
- Để giảm nguy cơ cháy và/hoặc điện giật, không để máy chiếu dính nước hoặc hơi ẩm. Không đặt gần các nguồn nhiệt như bộ tản nhiệt, máy sưởi, lò sấy hoặc bất kỳ thiết bị nào khác như bộ khuếch đại có tỏa nhiệt.
- Không để đồ vật hoặc chất lỏng lọt vào máy chiếu. Chúng có thể chạm vào các điểm điện thế nguy hiểm và làm ngắn mạch các bộ phận có thể dẫn đến cháy hoặc điện giật.
- Không sử dụng trong các điều kiện sau:

- Trong môi trường nóng, lạnh hoặc ẩm khắc nghiệt.
 - (i) Đảm bảo nhiệt độ xung quanh phòng là 0°C ~ 40°C
 - (ii) Độ ẩm tương đối lên tới 80%
- Ở khu vực dễ có nhiều bụi bặm.
- Gần một thiết bị phát ra từ trường mạnh.
- Dưới ánh nắng trực tiếp.
- Không sử dụng thiết bị nếu nó đã bị hỏng hoặc lạm dụng về mặt vật lý. Hư hỏng/lạm dụng vật lý có thể là (nhưng không giới hạn ở):
 - Thiết bị đã bị rơi.
 - Dây nguồn hoặc phích cắm bị hỏng.
 - Chất lỏng bị đổ vào máy chiếu.
 - Máy chiếu bị dính nước mưa hoặc hơi ẩm.
 - Một số vật rơi vào trong máy chiếu hoặc một số chi tiết bên trong bị lỏng.
- Không đặt máy chiếu trên bề mặt không ổn định. Máy chiếu có thể rơi và gây chấn thương cho mọi người hoặc máy chiếu có thể bị hỏng.
- Đừng che kín ánh sáng thoát ra từ ống kính máy chiếu khi đang hoạt động. Ánh sáng sẽ làm nóng vật dụng và có thể nóng chảy, gây bỏng hoặc phát cháy.
- Vui lòng không mở hoặc tháo rời máy chiếu vì việc này có thể dẫn đến điện giật.
- Không cố tự bảo dưỡng thiết bị. Mở hoặc tháo vỏ có thể làm bạn bị điện giật hoặc gặp rủi ro khác. Vui lòng liên hệ với Optoma trước khi bạn gửi thiết bị để sửa chữa.
- Xem vỏ ngoài của máy chiếu để biết các ký hiệu liên quan.
- Thiết bị chỉ được sửa chữa bởi nhân viên bảo dưỡng ủy quyền.
- Chỉ sử dụng phụ tùng/phụ kiện do nhà sản xuất chỉ định.
- Không nhìn thẳng vào ống kính máy chiếu trong khi sử dụng. Ánh sáng chói có thể làm mắt bạn bị tổn thương.
- Máy chiếu này sẽ tự phát hiện tuổi thọ đèn.
- Khi tắt máy chiếu, vui lòng đảm bảo hoàn tất chu kỳ làm mát trước khi ngắt điện. Chờ 90 giây để máy chiếu nguội.
- Tắt máy và rút phích cắm khỏi ổ cắm AC trước khi lau sản phẩm.
- Dùng khăn khô mềm với chất tẩy rửa nhẹ để lau hốc hiển thị. Sử dụng các chất tẩy rửa ăn mòn, chất sáp hoặc dung môi để vệ sinh thiết bị.
- Ngắt phích cắm khỏi ổ cắm AC nếu không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài.
- Không lắp đặt máy chiếu ở những nơi có thể bị rung động hoặc va đập.
- Không chạm vào ống kính bằng tay trần.
- Tháo (các) cục pin ra khỏi điều khiển từ xa trước khi cất giữ. Nếu (các) cục pin vẫn để lại trong điều khiển từ xa trong thời gian dài, chúng có thể rò rỉ.
- Nguy cơ nổ hoặc cháy nếu thay thế loại pin không thích hợp.
- Không sử dụng hoặc cất giữ máy chiếu ở những nơi có thể xuất hiện khói từ dầu hoặc thuốc lá, vì khói có thể ảnh hưởng bất lợi đến chất lượng hoạt động của máy chiếu.
- Hãy tuân thủ cách lắp đặt hướng máy chiếu thích hợp vì lắp đặt không quy chuẩn có thể ảnh hưởng đến hiệu suất máy chiếu.
- Sử dụng bộ ổ cắm điện và/hoặc bộ chống sốc điện. Vì sự cố cúp điện và nguồn yếu có thể LÀM HỎNG các thiết bị.
- Không sử dụng tia laser hoặc thiết bị chiếu sáng cường độ cao để chiếu vào máy chiếu nhằm tránh làm hỏng các linh kiện điện và quang học bên trong.

Hướng dẫn an toàn về pin

⚠ WARNING	
• INGESTION HAZARD: This product contains a button cell or coin battery. • DEATH or serious injury can occur if ingested. • A swallowed button cell or coin battery can cause Internal Chemical Burns in as little as 2 hours. • KEEP new and used batteries OUT OF REACH of CHILDREN • Seek immediate medical attention if a battery is suspected to be swallowed or inserted inside any part of the body.	

Lau ống kính

- Trước khi vệ sinh ống kính, đảm bảo tắt máy chiếu và rút dây nguồn ra để nó nguội hoàn toàn.
- Sử dụng bình khí nén để loại bỏ bụi bẩn.
- Sử dụng loại khăn đặc biệt để lau ống kính nhẹ nhàng. Không chạm tay vào ống kính.
- Không sử dụng chất tẩy rửa có tính kiềm/axit hoặc dung môi dễ bay hơi như cồn để lau ống kính. Nếu ống kính bị hỏng do quá trình lau chùi, nó không được bảo hành.

CHÚ Ý! Bề mặt nóng, không được chạm vào



- Không đặt tay, mặt hoặc đồ vật khác trước ống kính máy chiếu khi máy chiếu đang hoạt động. Làm như vậy có thể khiến vật thể trở nên cực kỳ nóng và gây ra hỏa hoạn hoặc hư hỏng do nhiệt tỏa ra từ đầu phát ánh sáng. Những vật đặt trước ống kính có thể bị quá nóng và gây cháy hoặc hỏa hoạn.
- Không xịt khí để cháy để loại bỏ bụi bẩn tích tụ trong ống kính. Làm như vậy có thể gây ra hỏa hoạn.



Cảnh báo: Không dùng bình xịt chứa khí dễ cháy để loại bỏ bụi bẩn khỏi ống kính. Điều này có thể gây ra hỏa hoạn do nhiệt quá cao bên trong máy chiếu.



Cảnh báo: Không vệ sinh ống kính nếu máy chiếu nóng lên vì điều này có thể khiến lớp bề mặt ống kính bị bong ra.



Cảnh báo: Không lau hoặc chạm vào ống kính bằng vật cứng.

Thông báo Laser

IEC 60825-1:2014/EN 60825-1+A11/EN50689:2021 SẢN PHẨM LASER TIÊU DÙNG LOẠI 1, IEC 62471-5:2015 NHÓM RỦI RO 2.

Sản phẩm này có mục đích sử dụng là sản phẩm laser tiêu dùng và tuân thủ theo EN 50689:2021.

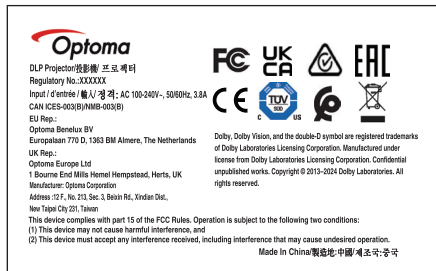
SẢN PHẨM LASER TIÊU DÙNG LOẠI 1

EN 50689:2021

Thông tin an toàn bức xạ laser

- Tuân thủ 21 CFR 1040.10 và 1040.11 ngoại trừ quy định theo Nhóm Rủi ro 2 LIP được định nghĩa trong IEC 62471-5:Ed.1.0. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Thông cáo Laser Số 57, ngày 8 tháng 5 năm 2019.
- IEC 60825-1:2014/EN 60825-1+A11/EN50689:2021 SẢN PHẨM LASER TIỂU DÙNG LOẠI 1, IEC 62471-5:2015 NHÓM RỦI RO 2

IEC 60825-1:2014, EN 60825-1:2014+A11:2021, EN 50689:2021 CLASS 1 CONSUMER LASER PRODUCT RISK GROUP 2, Complies with 21 CFR 1040.10 and 1040.11 except for conformance as a Risk Group 2 LIP as defined in IEC 62471-5:Ed.1.0. For more information see Laser Notice No. 57, dated May 8, 2019.
IEC 60825-1:2014 等級1雷射產品RG2危險等級
IEC 60825-1:2014 1類激光產品RG2危險等級



WARNING: MOUNT ABOVE THE HEADS OF CHILDREN!
Do not look into the beam less than 1m.
No direct eye exposure to the beam is permitted.

“AVERTISSEMENT: INSTALLER AU-DESSUS DE LA TÊTE DES ENFANTS.”
Avertissement supplémentaire contre l'exposition oculaire pour des expositions à une distance de moins de 1m.

「警告：安裝高於兒童頭頂！」

請勿在距離小於1米的範圍內直視光束，嚴禁眼睛直接暴露於光束中。

「警告：安裝高於兒童頭頂！」

請勿在距離小於1米的範圍內直視光束，嚴禁眼睛直接暴露於光束中。

- Các hướng dẫn bổ sung để trông coi trẻ nhỏ, không được nhìn thẳng và không được sử dụng thiết bị hỗ trợ quang học.
- Hướng dẫn bổ sung về cách lắp đặt xa tầm tay trẻ em.
- CẢNH BÁO: LẮP Ở VỊ TRÍ PHÍA TRÊN ĐẦU CỦA TRẺ EM.** Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng giá treo trần cho sản phẩm này để đặt ở vị trí phía trên tầm mắt của trẻ em.
- Thận trọng - việc sử dụng biện pháp kiểm soát, điều chỉnh hoặc thực hiện quy trình khác với những quy định được nêu ở đây có thể dẫn đến phơi nhiễm bức xạ nguy hiểm.
- Khi bật máy chiếu, đảm bảo không có ai trong phạm vi chiếu đang nhìn vào ống kính.
- Để bất cứ những đồ vật nào (như kính lúp v.v...) tránh khỏi đường ánh sáng của máy chiếu. Đường ánh sáng được chiếu từ ống kính rất mạnh, nên mọi vật thể lạ đều có thể phản chiếu ánh sáng từ ống kính, gây nên hậu quả khôn lường như cháy hoặc tổn thương mắt.
- Bất kỳ thao tác hay điều chỉnh nào không được chỉ dẫn cụ thể qua sổ tay sử dụng sẽ tạo ra rủi ro phơi nhiễm phóng xạ laser nguy hiểm.
- Không được mở hoặc tháo rời máy chiếu vì điều này có thể gây ra thiệt hại do phơi nhiễm bức xạ laser.
- Không nhìn thẳng vào chùm tia sáng khi máy chiếu đang bật. Ánh sáng này có thể gây thiệt hại mắt vĩnh viễn.

Nếu không tuân thủ quy trình điều khiển, điều chỉnh hoặc thao tác có thể gây ra thiệt hại do phơi nhiễm bức xạ laser.

FCC

Thiết bị này đã được kiểm thử và chứng tỏ tuân thủ các giới hạn đối với thiết bị kỹ thuật số loại B chiếu theo Phần 15 của quy định FCC. Các giới hạn này nhằm cung cấp sự bảo vệ hợp lý trước nhiễu sóng có hại trong lắp đặt tại gia đình. Thiết bị này tạo ra, sử dụng và có thể phát ra năng lượng có tần số radio và, nếu không được lắp đặt và sử dụng theo đúng hướng dẫn, nó có thể làm nhiễu sóng có hại đối với liên lạc bằng radio.

Tuy nhiên, không có đảm bảo rằng nhiễu sóng sẽ không xuất hiện ở một cách lắp đặt cụ thể nào. Nếu thiết bị này gây ra nhiễu sóng có hại đối với việc tiếp nhận radio hoặc truyền hình, có thể xác định điều này bằng cách bật và tắt thiết bị, người dùng nên cố khắc phục nhiễu sóng bằng một hoặc các biện pháp sau:

- Đổi hướng hoặc đổi vị trí ăng ten nhận tín hiệu.
- Tăng khoảng cách giữa thiết bị và bộ nhận tín hiệu.
- Cắm thiết bị vào ổ cắm của mạch điện khác với nơi cắm bộ nhận tín hiệu.
- Tham khảo ý kiến của đại lý hoặc kỹ thuật viên radio/truyền hình có kinh nghiệm để được trợ giúp.

Thông báo: Cáp có vỏ bọc

Mọi kết nối tới các thiết bị máy tính phải sử dụng cáp có vỏ bọc để tuân thủ các quy định FCC.

Chú ý

Các thay đổi hoặc chỉnh sửa không được thông qua trực tiếp bởi nhà sản xuất có thể khiến cho người dùng mất quyền sử dụng máy chiếu này vốn được cấp phép bởi Ủy ban Truyền thông Liên bang.

Điều kiện hoạt động

Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của quy định FCC. Hoạt động phải tuân theo hai điều kiện sau:

1. Thiết bị này có thể không gây nhiễu sóng có hại và
2. Thiết bị này phải chấp nhận mọi nhiễu sóng được nhận, bao gồm nhiễu sóng có thể dẫn đến hoạt động không mong muốn.

Thông báo: Người dùng Canada

Thiết bị kỹ thuật số loại B này tuân thủ tiêu chuẩn ICES-003 của Canada.

Remarque à l'intention des utilisateurs canadiens

Cet appareil numérique de la classe B est conforme à la norme NMB-003 du Canada.

Tuyên bố tuân thủ quy định của các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu

- Chỉ thị EMC 2014/30/EU (bao gồm các sửa đổi)
- Chỉ thị 2014/35/EU về điện thế thấp
- RED 2014/53/EU (nếu sản phẩm có chức năng RF)

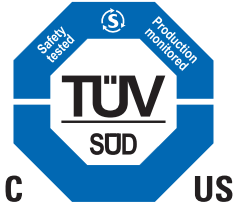
WEEE



Hướng dẫn thải bỏ

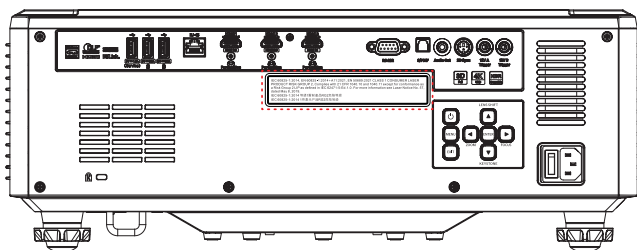
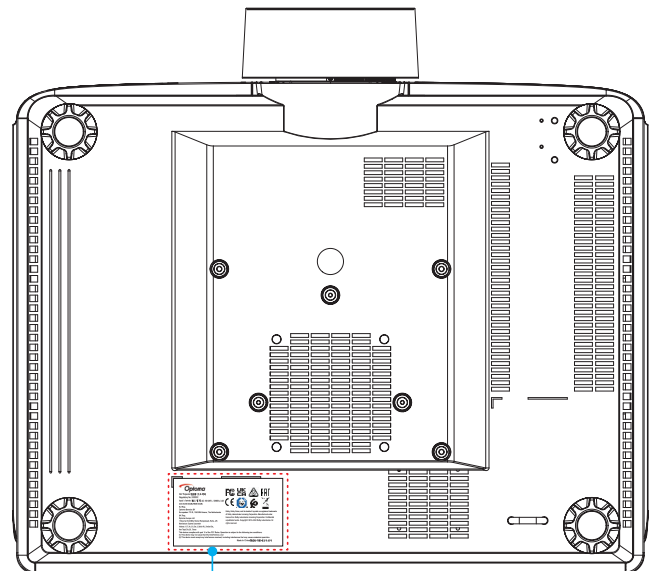
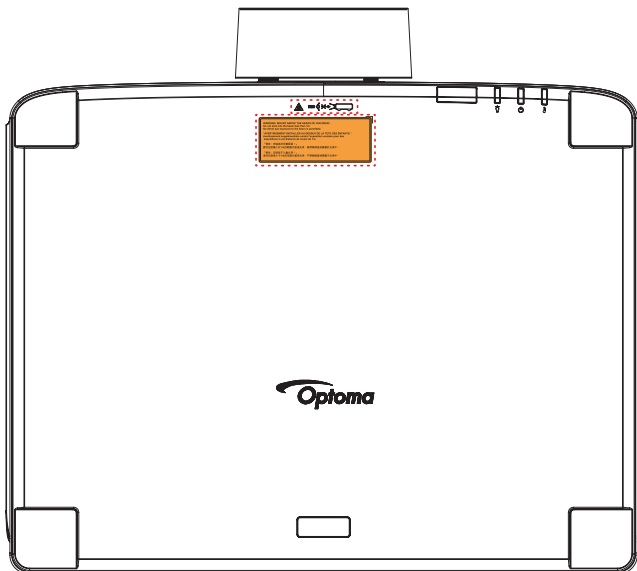
Không vứt thiết bị điện tử này vào thùng rác khi thải bỏ. Để giảm thiểu ô nhiễm và đảm bảo sự bảo vệ tối đa cho môi trường toàn cầu, hãy tái chế thiết bị này.

CTUVUS



Thông số kỹ thuật và nhãn cảnh báo

Thông số kỹ thuật và nhãn cảnh báo được đặt ở vị trí sau:



Lưu ý: Để biết về nguồn điện, định mức công suất và thông tin sản phẩm, vui lòng xem nhãn ở bên dưới của sản phẩm.

Bản quyền

Ấn bản này, kể cả mọi hình ảnh, minh họa và phần mềm, được bảo vệ theo các luật bản quyền quốc tế với mọi bản quyền được bảo lưu. Cấm tái bản sổ tay này cũng như bất cứ phần nào chứa bên trong mà không có sự đồng ý bằng văn bản của tác giả.

© Bản quyền 2025

Khước từ trách nhiệm

Thông tin trong tài liệu này có thể chịu sự thay đổi mà không cần thông báo trước. Nhà sản xuất không đưa ra bất cứ tuyên bố hoặc chính sách bảo hành nào đối với các nội dung liên quan và đặc biệt khước từ mọi chính sách bảo hành gián tiếp về tính thương mại hay khả năng tương thích của sản phẩm cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Nhà sản xuất có quyền sửa đổi ấn bản này và thỉnh thoảng thay đổi nội dung liên quan mà không có trách nhiệm thông báo cho bất cứ cá nhân nào về những chỉnh sửa hay thay đổi đó.

Nhận biết thương hiệu

Kensington là thương hiệu đã đăng ký tại Mỹ của ACCO Brand Corporation với các số đăng ký đã được cấp và các ứng dụng đang chờ cấp bằng sáng chế ở những nước khác trên toàn thế giới.

HDMI, Biểu tượng HDMI và High-Definition Multimedia Interface (Giao diện đa phương tiện độ nét cao) là các thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của HDMI Licensing LLC ở Mỹ và các nước khác.

DLP®, DLP Link và logo DLP là các thương hiệu đã đăng ký của Texas Instruments và BrilliantColor™ là thương hiệu của Texas Instruments.

Dolby, Dolby Vision và biểu tượng chữ D kép là các nhãn hiệu đã đăng ký của Dolby Laboratories Licensing Corporation. Được sản xuất theo giấy phép của Dolby Laboratories Licensing Corporation. Sản phẩm mật chưa công bố. Bản quyền © 2013–2024 Dolby Laboratories. Bảo lưu mọi quyền.

Sản phẩm này tuân thủ Thiết bị máy chiếu HDR10+ Phiên bản 1.1. Logo HDR10+™ là nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của HDR10+ Technologies, LLC tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

Logo FILMMAKER MODE™ là nhãn hiệu của UHD Alliance, Inc.

IMAX® là nhãn hiệu đã đăng ký của IMAX Corporation

Được sản xuất theo giấy phép của IMAX Corporation. IMAX® là nhãn hiệu đã đăng ký của IMAX Corporation tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác. Để biết thêm thông tin về bằng sáng chế của DTS, hãy truy cập <http://patents.dts.com>. Được sản xuất theo giấy phép của DTS, Inc. (dành cho các công ty có trụ sở chính tại Hoa Kỳ/Nhật Bản/Đài Loan) hoặc theo giấy phép của Công ty TNHH Cấp phép DTS (dành cho tất cả các công ty khác). DTS và logo DTS là nhãn hiệu đã đăng ký hoặc nhãn hiệu của DTS, Inc. tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác © 2020 DTS, Inc. MỌI QUYỀN ĐƯỢC BẢO LƯU.

ĐỂ BIẾT THÊM THÔNG TIN VỀ BẰNG SÁNG CHẾ CỦA DTS, HÃY TRUY CẬP [HTTP://XPERI.COM/DTS-PATENTS/](http://XPERI.COM/DTS-PATENTS/). SẢN XUẤT THEO GIẤY PHÉP CỦA DTS, INC. VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT. DTS, DTS-HD MASTER AUDIO VÀ LOGO DTS-HD LÀ NHÃN HIỆU ĐÃ ĐƯỢC ĐĂNG KÝ HOẶC NHÃN HIỆU CỦA DTS, INC. VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT TẠI HOA KỲ VÀ/HOẶC CÁC QUỐC GIA KHÁC. © DTS, INC. VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT.

Tất cả các tên sản phẩm khác sử dụng trong sổ hướng dẫn này là tài sản của các công ty sở hữu riêng và đã được công nhận.

GIỚI THIỆU

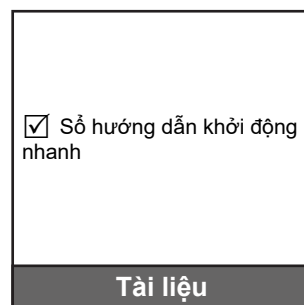
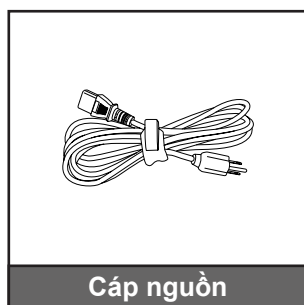
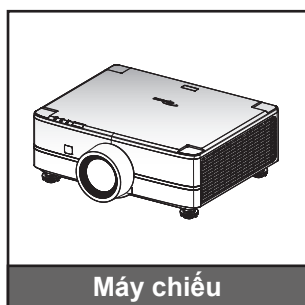
Cảm ơn bạn đã mua máy chiếu laser Optoma. Để biết danh sách tính năng đầy đủ, vui lòng ghé thăm trang sản phẩm trên trang web của chúng tôi. Tại đây bạn sẽ được nhận thêm nhiều thông tin và tài liệu hơn, ví dụ như về các câu hỏi thường gặp.

Tổng quan về gói sản phẩm

Cẩn thận mở hộp đựng và xác nhận là bạn đã nhận các mặt hàng như liệt kê dưới đây thuộc phụ kiện chuẩn. Một số mặt hàng thuộc phụ kiện chuẩn có thể không có sẵn tùy theo mẫu sản phẩm, thông số kỹ thuật và khu vực mua hàng của bạn. Hãy kiểm tra với nơi mua hàng của bạn. Một số phụ kiện có thể khác nhau tùy theo khu vực.

Thẻ bảo hành chỉ được kèm theo ở một số khu vực cụ thể. Hãy liên hệ với đại lý bán hàng để có thông tin chi tiết.

Phụ kiện chuẩn

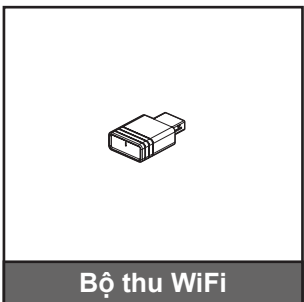
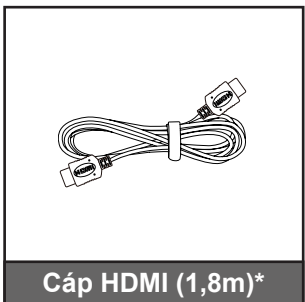


Lưu ý:

- Để xem thông tin cài đặt, hướng dẫn sử dụng, thông tin bảo hành và cập nhật sản phẩm - vui lòng quét Mã QR này hoặc truy cập URL sau:
<https://www.optoma.com/support/download>
- Cáp nguồn và các phụ kiện tùy chọn có thể khác nhau tùy theo quốc gia.



Phụ kiện tùy chọn

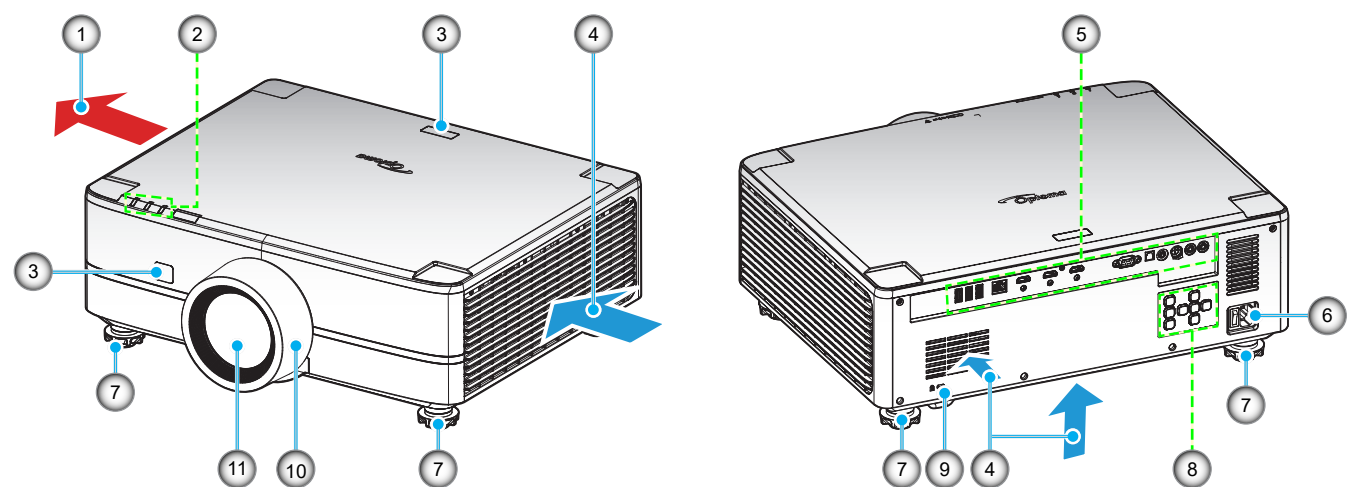


Lưu ý:

- Các phụ kiện tùy chọn có thể khác nhau tùy theo khu vực và model máy chiếu đã mua.
- *Vui lòng sử dụng "Cáp HDMI tốc độ cực cao" có chứng nhận HDMI 2.1a.

GIỚI THIỆU

Tổng quan về Sản phẩm



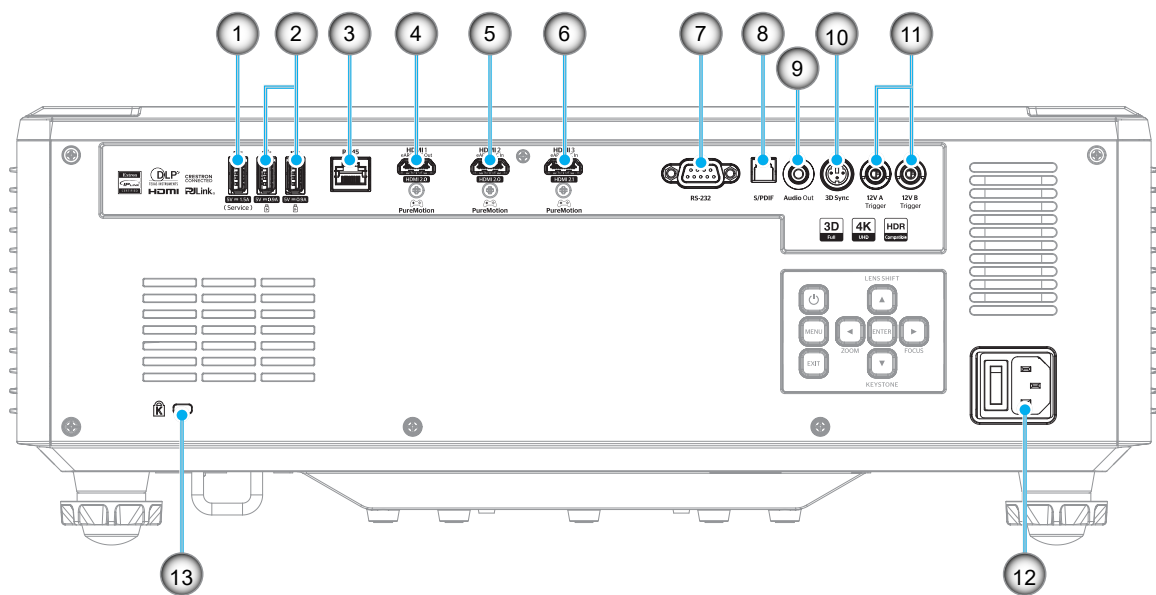
Lưu ý:

- Không chặn bít đầu vào và lỗ thông khí của máy chiếu.
- Khi sử dụng máy chiếu trong không gian kín, hãy chừa khoảng cách ít nhất 50 cm quanh đầu vào và lỗ thông khí của máy chiếu.

STT	Mục	STT	Mục
1.	Thông khí (cửa thoát)	7.	Chân chỉnh độ nghiêng
2.	Đèn báo LED	8.	Bảng điều khiển
3.	Bộ thu Hồng ngoại	9.	Cổng khóa Kensington™
4.	Thông khí (cửa nạp)	10.	Vòng trang trí
5.	Đầu vào/Đầu ra	11.	Ống kính máy chiếu
6.	Ổ cắm điện / Công tắc nguồn		

GIỚI THIỆU

Các đầu nối

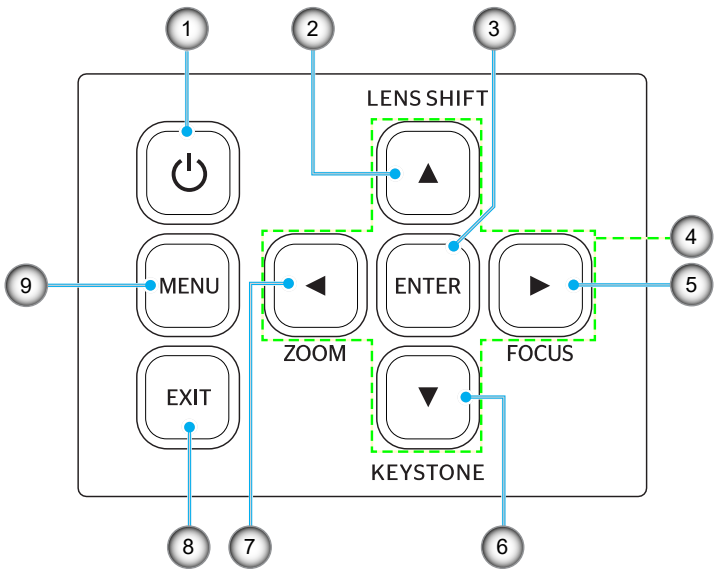


STT	Mục	STT	Mục
1.	Đầu cắm bảo trì và USB (Nguồn 5V---1.5A)*1	8.	Đầu cắm S/PDIF
2.	Đầu cắm USB (Nguồn điện 5V---0.9A)*2	9.	Đầu ra âm thanh
3.	Đầu cắm mạng LAN 10/100 Mbps*3	10.	Đầu cắm Đồng bộ 3D
4.	Đầu cắm HDMI 1 (v2.0) *4	11.	Đầu cắm ra 12V
5.	Đầu cắm HDMI 2 (v2.0) *4	12.	Ổ cắm điện / Công tắc nguồn
6.	Đầu cắm HDMI 3 (v2.1) *5	13.	Cổng khóa Kensington™
7.	Đầu cắm RS-232C		

Lưu ý: (*1) Dùng cho bảo dưỡng. Không có nguồn điện ở chế độ chờ.
(*2) Hỗ trợ đa phương tiện và bộ thu phát WiFi.
(*3) Hỗ trợ điều khiển LAN, điều khiển IoT và FOTA (nâng cấp FW).
(*4) Hỗ trợ đầu vào lên đến 3840x2160/60Hz, hỗ trợ HDR10+ và hỗ trợ đầu ra ARC/eARC.
(*5) Hỗ trợ đầu vào lên đến 3840x2160/120Hz, hỗ trợ HDR10+ và hỗ trợ đầu vào ARC/eARC. Vui lòng sử dụng "Cáp HDMI tốc độ cực cao" (chiều dài tối đa 5m) có chứng nhận HDMI 2.1a.

GIỚI THIỆU

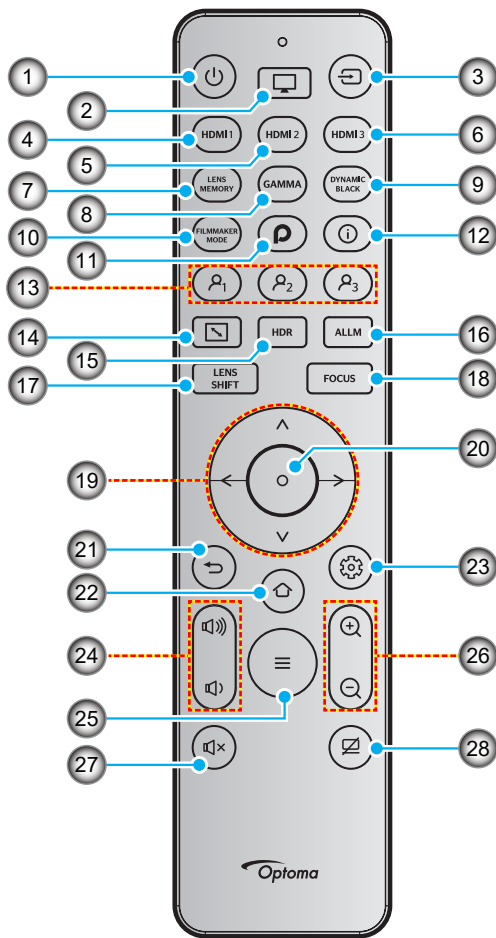
Bàn phím



STT	Mục	STT	Mục
1.	Nút nguồn	6.	Hiệu chỉnh độ méo
2.	Dịch chuyển ống kính	7.	Thu phóng
3.	Nhập	8.	Thoát
4.	Bốn phím chọn điều hướng	9.	Menu
5.	Tiêu điểm		

GIỚI THIỆU

Điều khiển từ xa



STT	Mục	STT	Mục
1.	Nguồn	15.	HDR
2.	Chế độ hình ảnh	16.	ALLM
3.	Nguồn tín hiệu	17.	Dịch chuyển ống kính
4.	HDMI1	18.	Tiêu điểm
5.	HDMI2	19.	Bốn phím chọn điều hướng
6.	HDMI3	20.	Nhập
7.	Bộ nhớ thấu kính	21.	Quay lại
8.	Gamma	22.	Trang chủ/ Trình khởi chạy
9.	Mức đen động	23.	Menu Thiết lập Thiết bị
10.	CHẾ ĐỘ LÀM PHIM	24.	Tăng/giảm âm lượng
11.	PureEngine Ultra	25.	Menu
12.	Thông tin	26.	Zoom kỹ thuật số +/-
13.	Người dùng1 / Người dùng2 / Người dùng3 (Có thể gán)	27.	Tắt tiếng
14.	Tỉ lệ khung hình	28.	Chặn AV

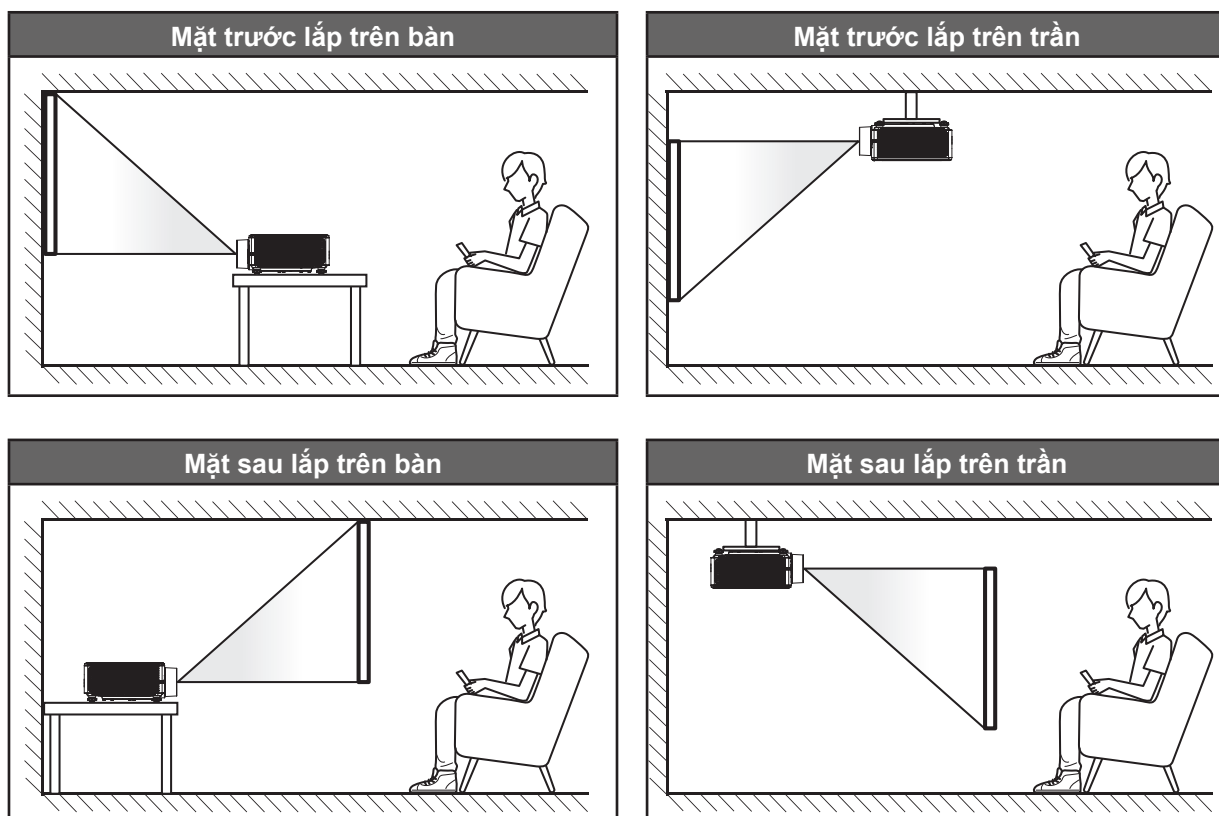
Lưu ý: Một số phím có thể không có chức năng cho những mẫu máy không hỗ trợ các tính năng này.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Lắp đặt máy chiếu

Máy chiếu của bạn được thiết kế để lắp đặt tại một trong bốn vị trí khả dụng.

Cách bố trí phòng hoặc sở thích riêng sẽ quyết định địa điểm nào bạn cần chọn. Xem xét đến kích thước và vị trí màn hình, vị trí ổ cắm điện thích hợp, cũng như địa điểm và khoảng cách giữa máy chiếu và các trang thiết bị còn lại.



Phải đặt máy chiếu bằng phẳng trên bề mặt với một góc 90 độ và vuông góc với màn hình.

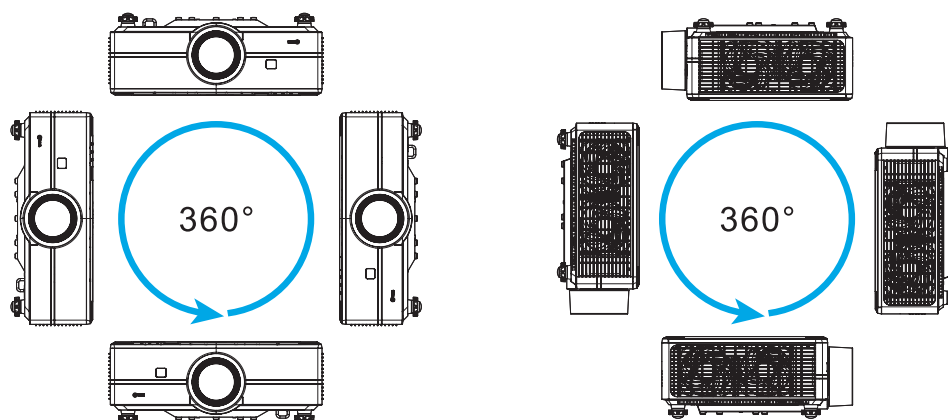
- Để biết cách xác định vị trí máy chiếu cho một kích thước màn hình nhất định, vui lòng tham khảo bảng khoảng cách ở trang 80.
- Để biết cách xác định kích thước màn chiếu theo khoảng cách cụ thể, vui lòng tham khảo bảng khoảng cách ở trang 80.

Lưu ý: Máy chiếu đặt càng xa màn hình thì kích thước hình chiếu càng tăng và độ bù chiều dọc cũng tăng theo tỷ lệ.

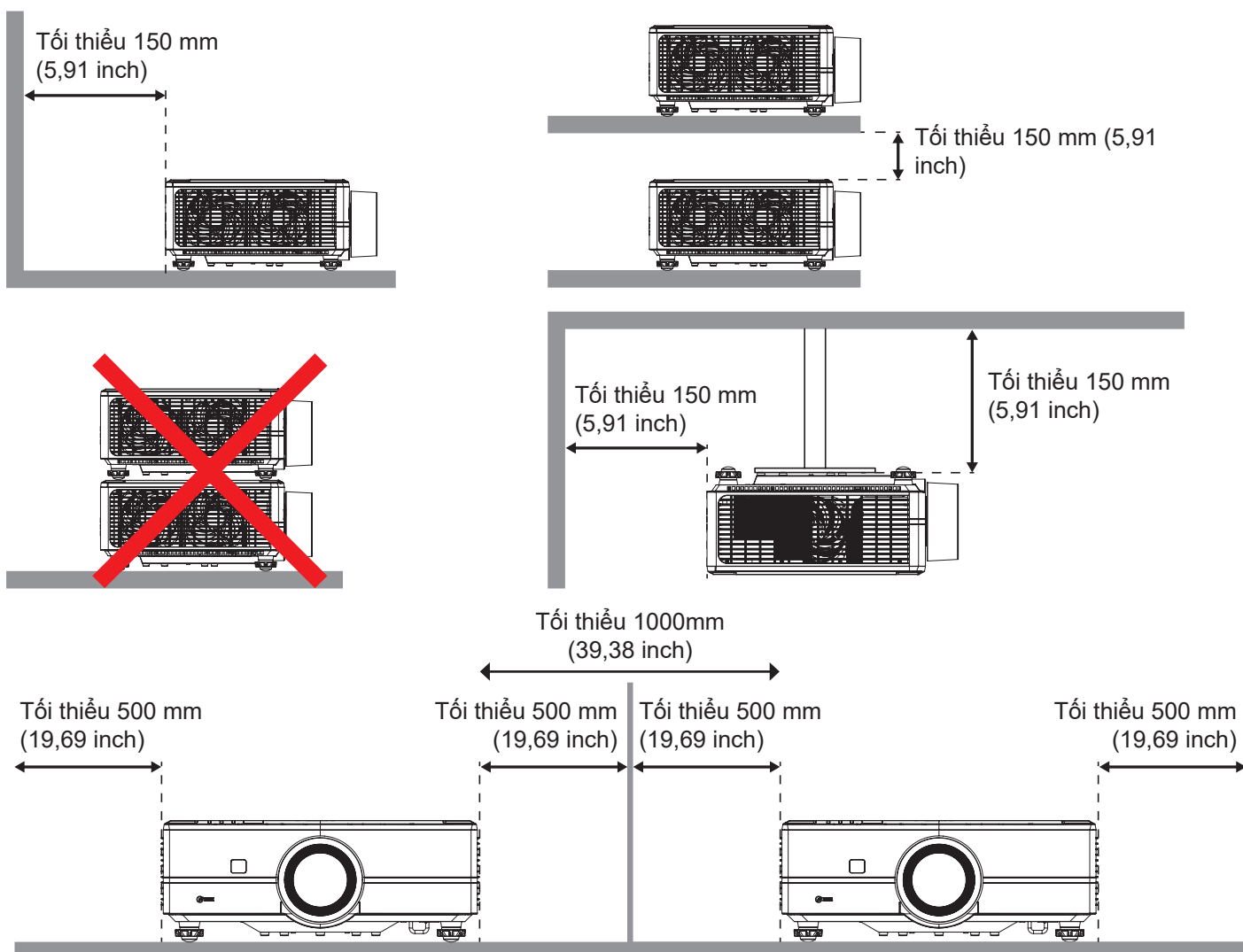
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Lưu ý lắp đặt máy chiếu

- Hướng chiếu tự do 360°



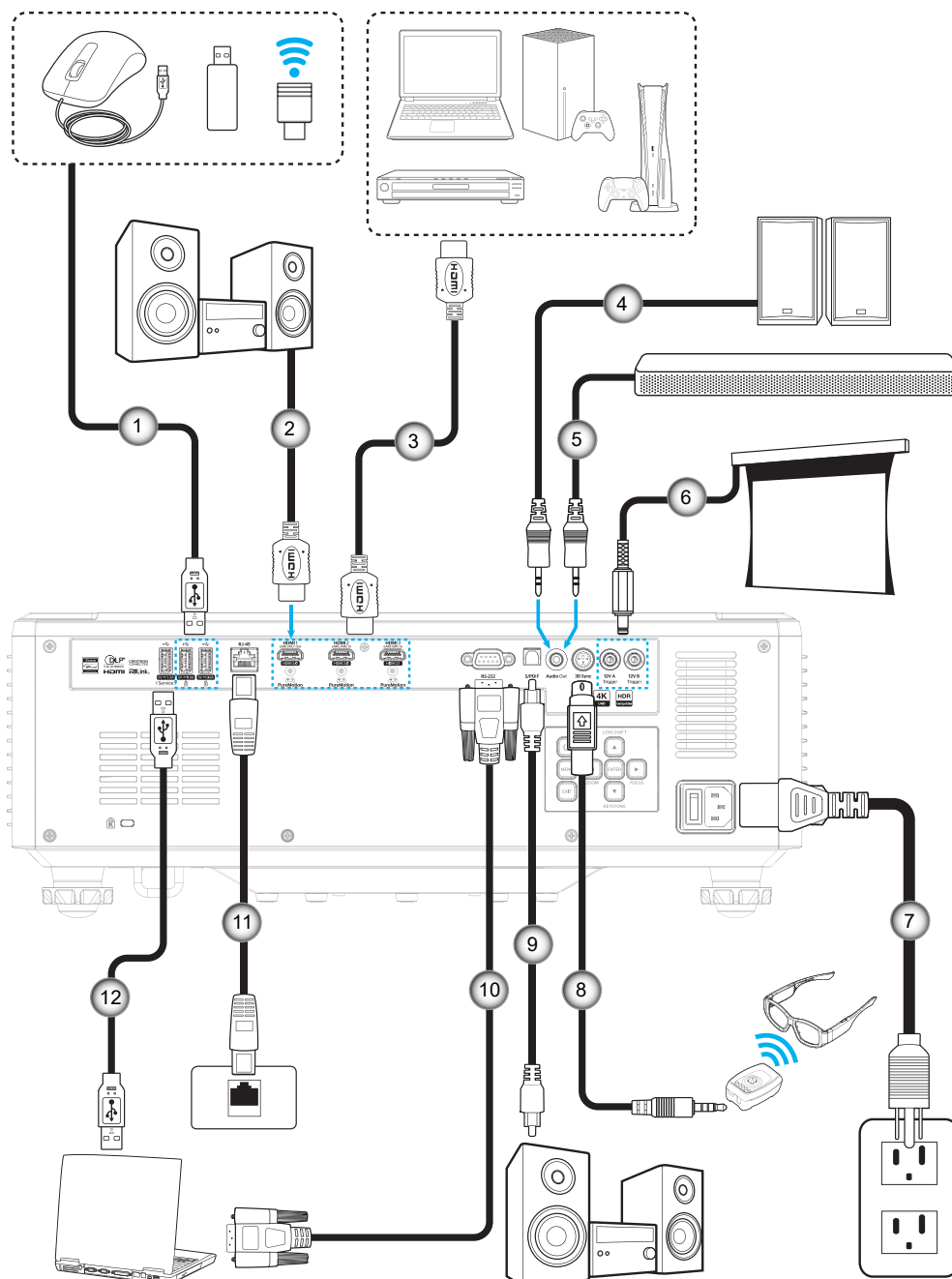
- Để khoảng trống tối thiểu 30 cm xung quanh quạt xả khí.



- Đảm bảo quạt hút khí không tái sử dụng khí nóng từ quạt xả khí.
- Khi sử dụng máy chiếu trong không gian khép kín, đảm bảo nhiệt độ không khí xung quanh trong khu vực khép kín này không vượt quá nhiệt độ hoạt động khi máy chiếu đang chạy, và các lỗ hút khí và xả khí phải luôn thông suốt.
- Mọi khu vực khép kín phải vượt qua quy trình đánh giá về nhiệt được chứng nhận để đảm bảo máy chiếu không tái sử dụng khí thải vì điều này có thể khiến cho thiết bị ngưng hoạt động dù nhiệt độ xung quanh nằm trong phạm vi nhiệt độ hoạt động chấp nhận.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Kết nối các nguồn tín hiệu với máy chiếu



STT	Mục	STT	Mục
1.	Cáp USB	7.	Dây nguồn
2.	Cáp HDMI	8.	Cáp bộ phát 3D
3.	Cáp HDMI	9.	Cáp đầu ra S/PDIF
4.	Cáp loa	10.	Cáp RS232
5.	Cáp âm thanh	11.	Cáp RJ-45
6.	Giắc cắm điện DC 12V	12.	Cáp USB

Lưu ý: Để đảm bảo chất lượng hình ảnh tốt nhất và tránh các lỗi kết nối, bạn nên sử dụng các loại cáp HDMI Tốc Độ Cao hoặc Được Chứng Nhận Cao Cấp với chiều dài tối đa 5 mét.

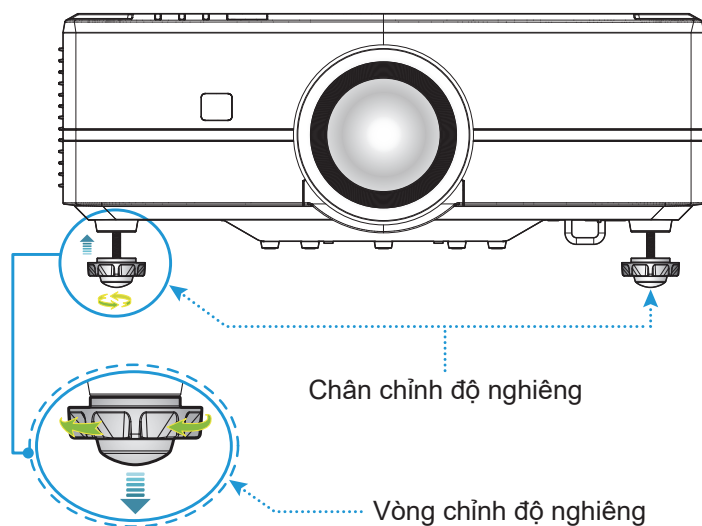
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Điều chỉnh Hình ảnh chiếu

Chiều cao hình

Máy chiếu được trang bị chân nâng để điều chỉnh độ cao của hình ảnh.

1. Xác định bánh điều chỉnh bạn muốn chỉnh ở mặt dưới máy chiếu.
2. Vặn bánh chân để tùy chỉnh theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ để nâng hoặc hạ máy chiếu.

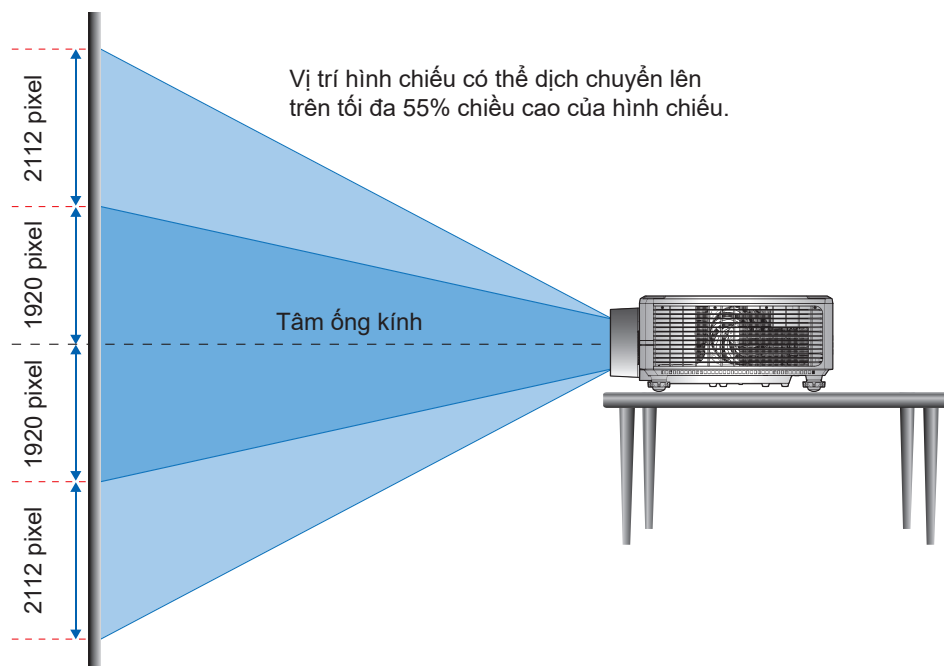


THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

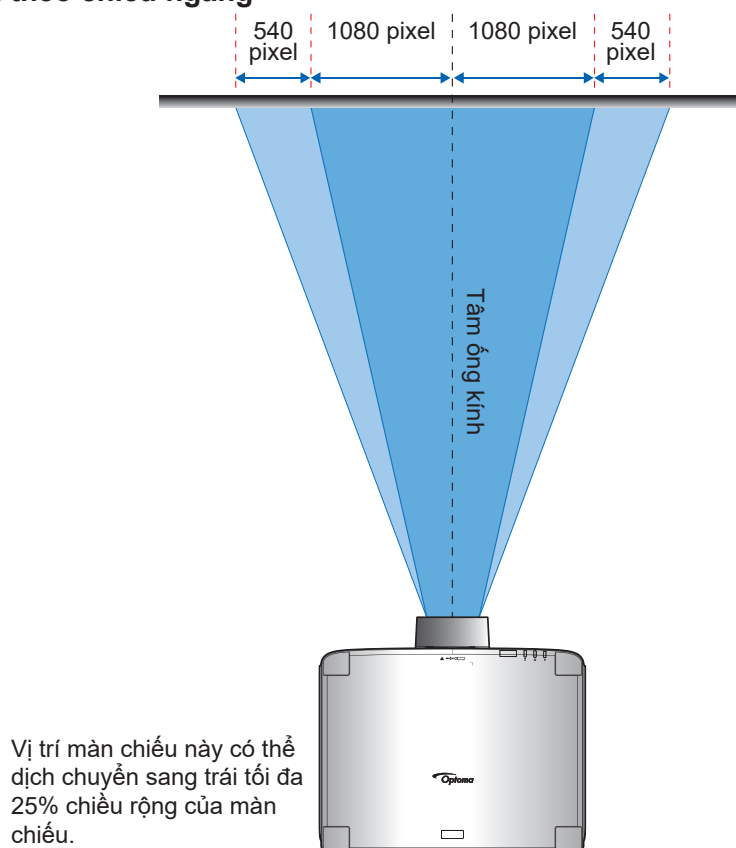
Điều chỉnh độ dịch chuyển hình ảnh chiếu

Có thể di chuyển ống kính máy chiếu lên, xuống, sang phải và sang trái bằng chức năng dịch chuyển ống kính bằng động cơ. Chức năng này giúp dễ dàng chọn vị trí hình ảnh trên màn hình. Độ dịch chuyển ống kính thường được thể hiện dưới dạng số phần trăm của chiều cao và chiều rộng hình ảnh, xem hình minh họa phía dưới.

Dịch chuyển ống kính theo chiều dọc



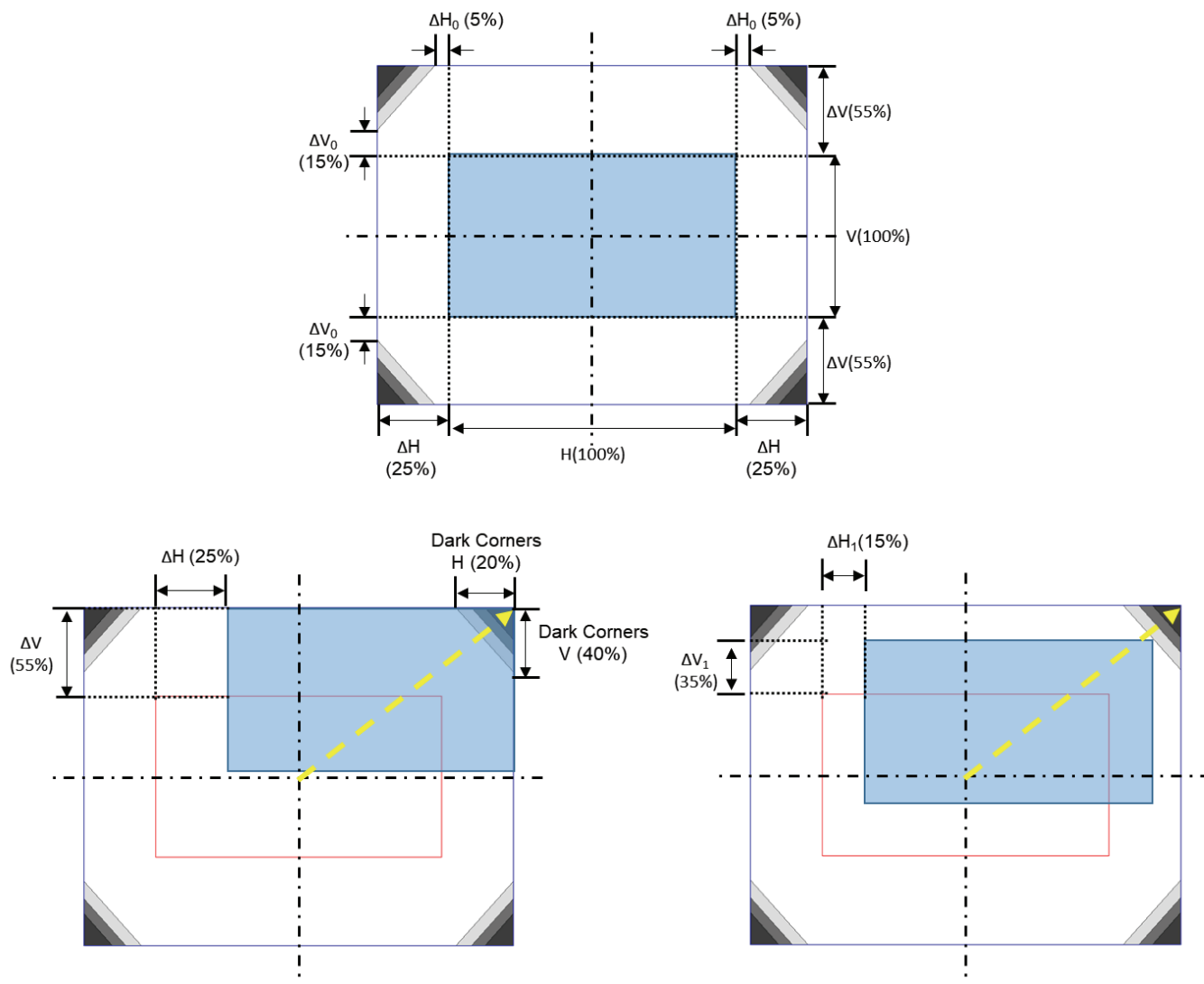
Dịch chuyển ống kính theo chiều ngang



THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Phạm vi dịch chuyển ống kính

Loại ống kính	Phạm vi dịch chuyển ống kính (1/2 hình ảnh)			
	ΔH	ΔV	ΔH_0	ΔV_0
Những mẫu ống kính 1,6x	25%	55%	5%	15%



Lưu ý:

- ΔH : Phạm vi dịch chuyển ống kính theo chiều ngang khi ống kính đang ở chính giữa.
- ΔV : Phạm vi dịch chuyển ống kính theo chiều dọc khi ống kính đang ở chính giữa.
- ΔH_0 : Phạm vi dịch chuyển ống kính mà không mờ ảnh theo chiều ngang khi ống kính nằm vị trí giữa bên trên hoặc giữa bên dưới.
- ΔV_0 : Phạm vi dịch chuyển ống kính mà không mờ ảnh theo chiều dọc khi ống kính nằm vị trí giữa bên phải hoặc giữa bên trái.
- V : Chiều cao của hình ảnh chiếu.
- H : Chiều rộng của hình ảnh chiếu.
- $\square$ Hình ảnh chiếu.
- Chúng tôi không khuyến nghị sử dụng dịch chuyển ống kính vượt quá phạm vi hoạt động được mô tả ở trên.. Việc dịch chuyển quá nhiều sẽ dẫn đến viền màn hình bị tối hoặc hình ảnh bị bất thường (chẳng hạn như tiêu điểm kém).

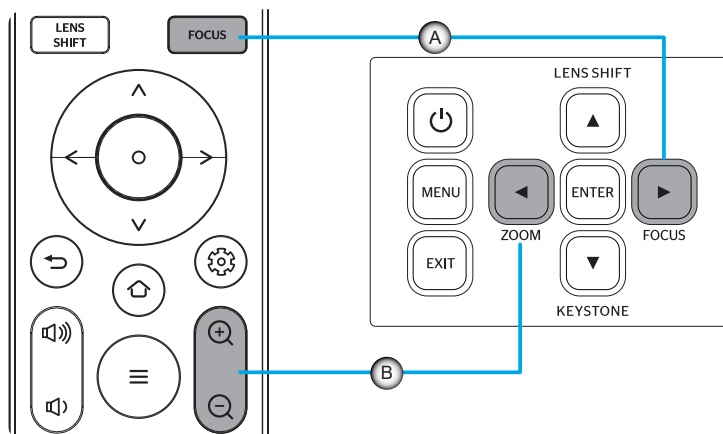
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Điều chỉnh Thu phóng và Tiêu cự máy chiếu

Sử dụng điều khiển từ xa hoặc bàn phím máy chiếu để điều chỉnh thu phóng và tiêu cự của hình ảnh được chiếu.

- Để điều chỉnh tiêu cự của hình ảnh, nhấn nút **FOCUS**, sau đó nhấn các nút ◀▶ cho đến khi hình ảnh sắc nét và dễ đọc. (A)
- Để điều chỉnh kích thước hình ảnh, nhấn nút **ZOOM**, sau đó nhấn ◀▶ trên bàn phím máy chiếu để có được kích thước hình ảnh mong muốn. (B)

Lưu ý: Bạn cũng có thể nhấn nút 🔍 🔍 trên điều khiển từ xa để điều chỉnh kích thước hình ảnh.



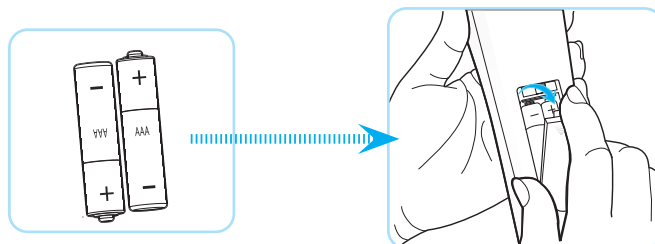
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Thiết lập điều khiển từ xa

Lắp đặt/thay thế pin cho điều khiển từ xa

Hai cục pin cỡ AAA được kèm theo điều khiển từ xa.

1. Tháo nắp đậy pin ở mặt sau điều khiển từ xa.
2. Lắp các cục pin AAA vào khoang chứa pin như hình minh họa.
3. Lắp lại nắp đậy phía sau vào điều khiển từ xa.



Lưu ý: Chỉ nên thay mới bằng loại pin giống nhau hoặc tương đương.

CHÚ Ý: Để đảm bảo hoạt động an toàn, hãy tuân thủ các lưu ý phòng ngừa sau:

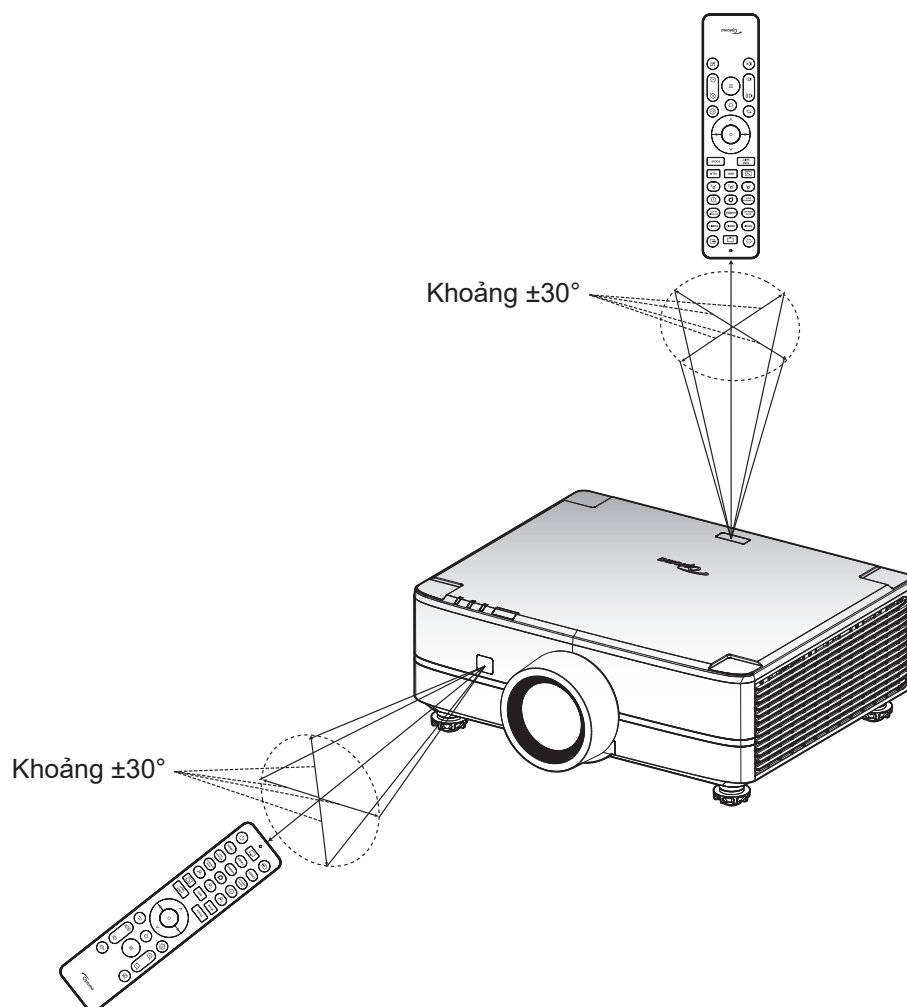
- Thay thế loại pin không chính xác có thể làm hỏng hệ thống bảo vệ (loại pin cỡ AAA).
- Thải bỏ pin vào lửa, lò nóng, nghiền hoặc cắt pin bằng máy móc có thể gây nổ.
- Để pin ở môi trường xung quanh có nhiệt độ quá cao có thể dẫn đến nổ hoặc rò rỉ chất lỏng hoặc khí dễ cháy.
- Pin chịu áp suất không khí quá thấp có thể dẫn đến nổ hoặc rò rỉ chất lỏng hoặc khí dễ cháy.
- Không được kết hợp pin cũ với pin mới. Việc dùng cả pin cũ và pin mới có thể làm giảm tuổi thọ của pin mới hoặc gây rò rỉ hóa chất trong pin cũ.
- Tháo pin ra ngay khi chúng bị dùng cạn. Hóa chất rò rỉ từ pin khi tiếp xúc với da có thể gây phát ban. Nếu bạn phát hiện có bất kỳ rò rỉ hóa chất nào, hãy lau kỹ bằng khăn.
- Pin kèm theo sản phẩm này có thể có tuổi thọ dự kiến ngắn hơn do các điều kiện bảo quản.
- Nếu bạn không dùng điều khiển từ xa trong thời gian dài, vui lòng tháo pin để giảm nguy cơ rò rỉ hóa chất.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Phạm vi hoạt động

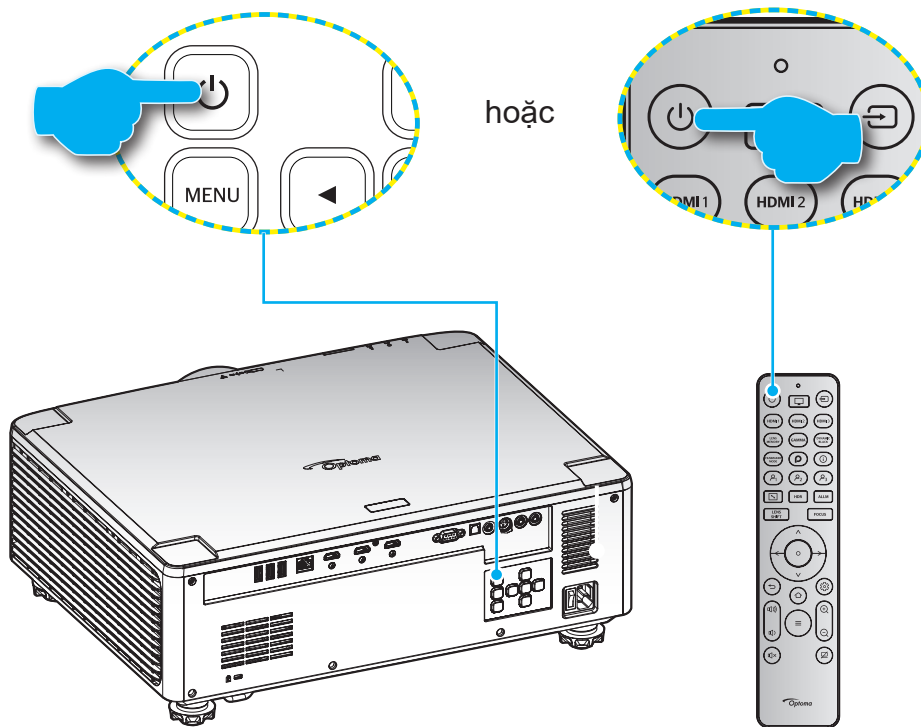
Cảm biến điều khiển từ xa hồng ngoại (IR) nằm ở phía trên và phía trước máy chiếu. Đảm bảo giữ điều khiển từ xa ở một góc 30 độ vuông góc với cảm biến điều khiển từ xa hồng ngoại trên máy chiếu để hoạt động thích hợp. Khoảng cách từ điều khiển từ xa đến cảm biến không được quá 6 mét (19,7 feet) không quá 8 mét (26,3 foot) khi hướng cảm biến ở góc 0°.

- Đảm bảo không có các vật cản giữa điều khiển từ xa và cảm biến IR trên máy chiếu vốn có thể cản trở chùm tia hồng ngoại.
- Đảm bảo bộ truyền phát IR trên máy chiếu/điều khiển từ xa không bị chiếu vào trực tiếp bởi ánh sáng mặt trời hoặc đèn huỳnh quang.
- Hãy giữ xa điều khiển từ xa khỏi các đèn huỳnh quang với khoảng cách hơn 2 mét; nếu không, điều khiển từ xa có thể bị hỏng.
- Nếu đặt gần các đèn huỳnh quang Loại Bộ đảo điện, điều khiển từ xa thỉnh thoảng có thể không hoạt động.
- Nếu điều khiển từ xa và máy chiếu nằm trong khoảng cách rất gần, điều khiển từ xa có thể không hoạt động.
- Khi nhắm vào màn chiếu, khoảng cách hoạt động ngắn hơn 5 mét so từ điều khiển từ xa đến màn chiếu và phản chiếu các tia IR trở lại máy chiếu. Tuy nhiên, phạm vi hoạt động có thể thay đổi theo các màn hình.



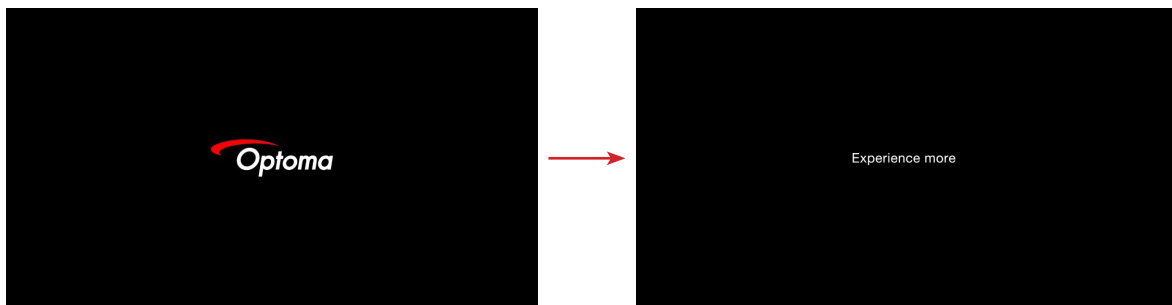
SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Bật/tắt nguồn máy chiếu



Bật nguồn

1. Cắm chặt dây nguồn và cáp tín hiệu/cáp nguồn. Khi được kết nối, đèn LED nguồn sẽ chuyển sang màu hồng phách ổn định.
2. Bật máy chiếu bằng cách nhấn nút  trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa. Đèn LED nguồn sẽ chuyển sang màu xanh lam và hồng phách liên tục. Logo khởi động của Optoma và hình ảnh động sẽ hiển thị trên màn hình.

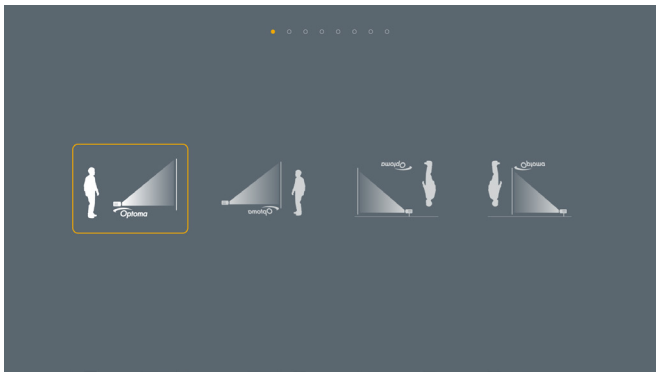


3. Màn hình khởi chạy sẽ xuất hiện sau khoảng 10 giây và đèn LED nguồn sẽ chuyển sang màu xanh lam cố định.



SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Lần đầu bật máy chiếu, bạn sẽ được nhắc thực hiện thiết lập ban đầu bao gồm việc chọn hướng chiếu, ngôn ngữ ưu tiên, định cấu hình cài đặt mạng và nhiều tùy chọn khác. Một khi màn hình **Cài đặt hoàn tất!** hiển thị, điều này cho biết máy chiếu đã sẵn sàng sử dụng.



[Màn hình chiếu]



[Màn hình ngôn ngữ]



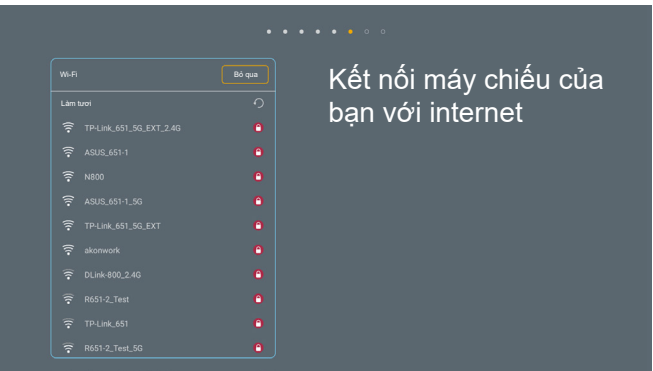
[Màn hình điều chỉnh lấy nét]



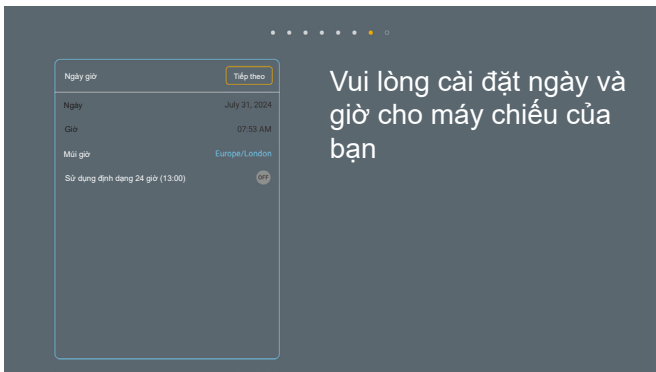
[Màn hình cài đặt bộ thu phát Wi-Fi]



[Màn hình cài đặt bộ thu phát Wi-Fi (tiếp tục)]



[Màn hình mạng]



[Màn hình ngày giờ]

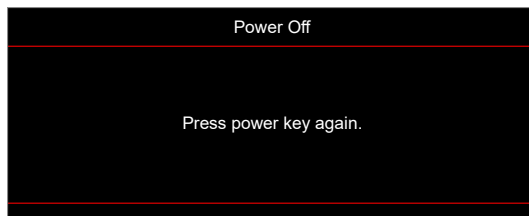


[Màn hình quy định]

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Tắt nguồn

1. Tắt máy chiếu bằng cách nhấn nút  trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.
2. Thông báo sau đây sẽ hiển thị:



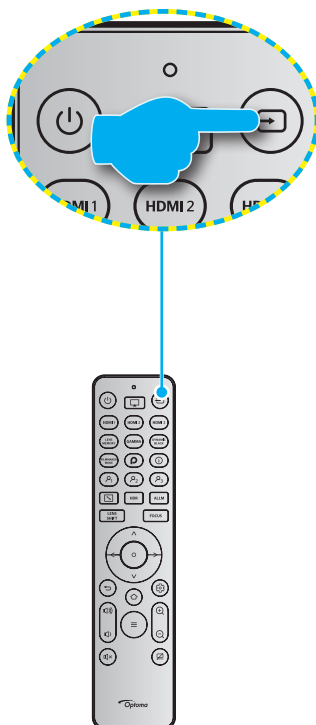
3. Nhấn lại nút  để xác nhận, nếu không thông báo đó sẽ biến mất sau 15 giây. Khi bạn nhấn nút  trong một giây, máy chiếu sẽ tắt.
4. Khi máy chiếu ở chế độ chờ, chỉ cần nhấn lại nút  để bật máy chiếu.
5. Rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện và máy chiếu.

Lưu ý: *Bạn không được bật máy chiếu ngay sau quy trình tắt nguồn.*

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Chọn nguồn vào

Bật nguồn tín hiệu vừa kết nối mà bạn muốn hiển thị trên màn hình, như máy vi tính, máy tính xách tay, đầu xem video, v.v.... Máy chiếu sẽ tự dò tìm nguồn tín hiệu. Nếu đã kết nối nhiều nguồn tín hiệu, hãy nhấn nút "↵" trên điều khiển từ xa để chọn đầu vào mong muốn.



SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Tổng quan về màn hình Khởi chạy

Màn hình Khởi chạy là màn hình chính để khởi động máy chiếu. Màn hình này chứa trạng thái hệ thống, phím tắt để truy cập nhiều ứng dụng khác nhau và nhiều thông tin khác.

Để di chuyển trên màn hình Khởi chạy, bạn chỉ cần sử dụng các nút trên điều khiển từ xa.

Bạn có thể trở về màn hình chính bất cứ lúc nào bằng cách nhấn “” trên điều khiển từ xa, bất kể bạn đang ở vị trí nào trong giao diện người dùng.



Lưu ý: Menu hoặc mục đã chọn sẽ được đánh dấu màu vàng, ví dụ "Cài đặt" trên hình ảnh ở trên.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

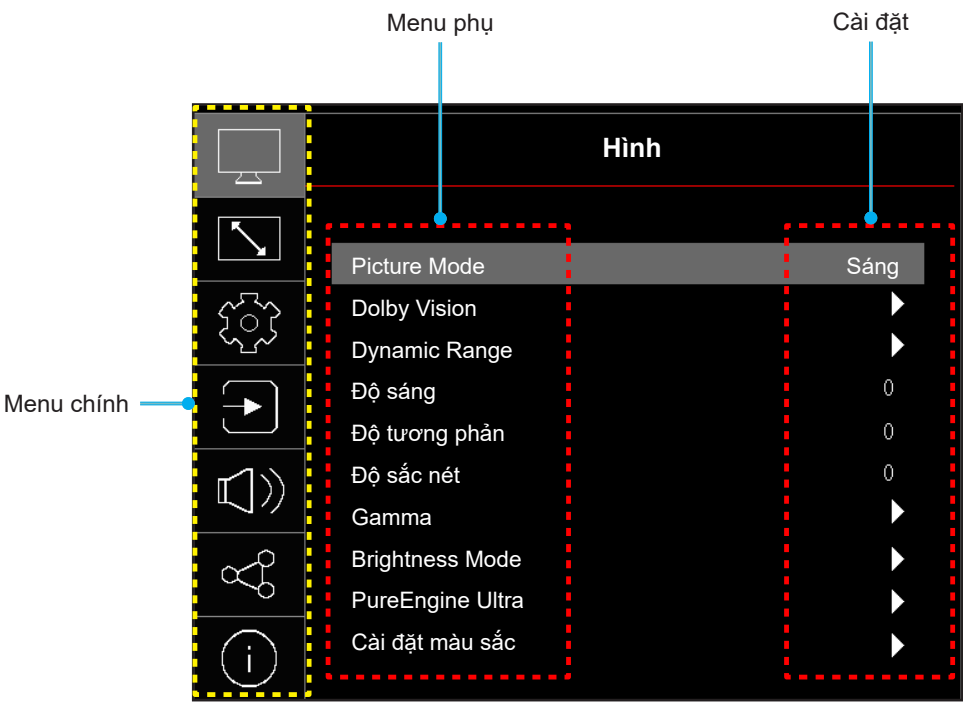
Điều hướng menu và các tính năng

Máy chiếu có các menu Hiển thị trên màn hình đa ngữ cho phép bạn điều chỉnh hình ảnh và thay đổi nhiều cài đặt.

Điều hướng menu chung

Hoạt động	Sử dụng điều khiển từ xa	Sử dụng bàn phím máy chiếu
Mở menu OSD	Nhấn nút ≡	Nhấn nút MENU
Chọn một mục	Nhấn nút ▲/▼	Nhấn nút ▲/▼
Vào menu phụ	Nhấn nút ○	Nhấn nút ENTER
Điều chỉnh cài đặt	Nhấn nút ▲/▼/◀/▶	Nhấn nút ▲/▼/◀/▶
Xác nhận lựa chọn	Nhấn nút ○	Nhấn nút ENTER
Chuyển tới mục trước đó	Nhấn nút ↶	Nhấn nút MENU
Đóng menu OSD	Nhấn nút ≡	Nhấn nút MENU

Lưu ý: Bạn cũng có thể mở menu OSD bằng cách chọn **menu OSD** (ⓘ) trên Màn hình chính.



SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Sơ đồ menu OSD

Lưu ý: Các mục và tính năng sơ đồ menu OSD tùy thuộc vào mẫu và khu vực. Optoma bảo lưu quyền thêm hoặc bỏ mục để cải thiện hiệu năng của sản phẩm mà không cần báo trước.

Menu chính	Menu phụ	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị
Hình	Picture Mode				Sống động
					HDR
					HLG
					Rạp chiếu
					Trò chơi
					Tham khảo
					WCG
					Sáng
					Dolby Vision Bright
					Dolby Vision Dark
					Dolby Vision Vivid
					Dolby Vision Cinema
					HDR10+
					Mô phỏng chơi gọn.
					AI-PQ
					3D
					FILMMAKER MODE
					IMAX tăng cường
					ISF Day
					ISF Night
					ISF Day HDR
					ISF Night HDR
					ISF 3D
	Dolby Vision	Kích thước màn hình			100"/120"/140"/160"/180"
		Độ phóng đại màn hình			0,5/1,0/1,5/2,0
	Dynamic Range	HDR / HLG			Tự động / Tắt
		Độ sáng HDR			1 ~ 5
	Độ sáng				-50 ~ 50
	Độ tương phản				-50 ~ 50
	Độ sắc nét				1 ~ 15
	Gamma				Phim
					Đồ họa
					1,8
					2,0
					2,2
					2,4
	Brightness Mode				BT.1886
					Đen động 1
					Đen động 2
					Đen động 3
					Power = 100% / 95% / 90% / 85% / 80% / 75% / 70% / 65% / 60% / 55% / 50%

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị
Hình	PureEngine Ultra		PureContrast		Tắt / 1 / 2 / 3
			PureLight		Tắt / 1 / 2 / 3
			PureColor		Tắt / 1 / 2 / 3
			PureMotion		Tắt / 1 / 2 / 3
			PureDetail		Tắt / 1 / 2 / 3
	Cài đặt màu sắc	Màu sắc			-50 ~ 50
		Sắc thái			-50 ~ 50
		Mức độ màu			Ấm
					Tiêu chuẩn
					Mát
					Lạnh
		11 Points RGB Balance			-50 ~ 50
		Color Gamut			Tự nhiên
					DCI-P3
					Rec.709
					BT2020
		CMS	Màu sắc		Trắng / Đỏ / Lục / Lam / Xanh ngọc / Đỏ thẫm / Vàng
			Màu sắc		-50 ~ 50
			Độ bão hòa		-50 ~ 50
			Luminance		-50 ~ 50
			Thiết lập lại		Không
					Có
		Tăng cường/Lệch RGB	Tăng đỏ		-50 ~ 50
			Tăng lục		-50 ~ 50
			Tăng lam		-50 ~ 50
			Red Bias		-50 ~ 50
			Green Bias		-50 ~ 50
			Blue Bias		-50 ~ 50
			Thiết lập lại		No (Không)
					Có
		Không gian màu			Tự động / RGB (0-255) / RGB(16~235)
	Wall Color				Tắt
					Bảng đen
					Light Yellow
					Light Green
					Light Blue
					Pink
					Gray
	3D	Chế độ 3D			Tắt
					Bật
		Đồng bộ hóa 3D			DLP-Link
					3D Sync

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị	
Hình	3D	Định dạng 3D			Tự động	
					Hình bên cạnh hình	
					Top and Bottom	
					Khung tuần tự	
					Đóng gói khung	
		Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D			Tắt	
					Bật	
		Thiết lập lại			No (Không)	
				Có		
	Thiết lập lại					
HIỂN THỊ	Low Latency Mode				Bật	
					ALLM	
					Tắt	
	Tỉ lệ khung hình				4:3	
					16:9	
					V-Stretch	
					Full [Video]	
					21:9	
					32:9	
					Tự nhiên	
					Tự động	
		Geometric Correction	Chỉnh hình chiều dọc			-30 ~ 30
	H Keystone				-30 ~ 30	
	Điều chỉnh bốn góc					
	Warping				Tắt	
					Bật	
	Warping Adjustment				“Lên”/ “Xuống”/ “Trái”/ “Phải”	
	Màu khung lưới				Lục	
					Đỏ thắm	
					Đỏ	
				Xanh ngọc		
		Thiết lập lại				
	Mặt nạ biên				0 ~ 10	
	Zoom kỹ thuật số	Thu phóng			2K: -20~50 / UHD: -5~20	
	Dịch chuyển hình	Vị trí ảnh phương ngang 			-100 ~ 100	
		Vị trí ảnh phương dọc 			-100 ~ 100	
		Thiết lập lại				

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị
CÀI ĐẶT	Cài đặt ống kính	Thu phóng			(Nhấn Trái hoặc Phải)
		Tiêu điểm			(Nhấn Trái hoặc Phải)
		Chức năng ống kính			Khóa /Mở khóa
		Dịch chuyển ống kính			Lên/Xuống/Trái/Phải
		Hiệu chỉnh ống kính			
		Bộ nhớ thấu kính	Áp dụng vị trí		1~5
			Lưu vị trí hiện tại		1~5
			Thiết lập lại		Không / Có
	Mẫu thử				Khung lưới xanh
					Khung lưới đỏ thẫm
					Khung lưới trắng
					Trắng
					Tất
	Vị trí chiếu				Mặt trước
					Rear
					Trên-phía trên
					Phía sau-phía trên
	Ngôn ngữ				English
					عربي
					Čeština
					Dansk
					Nederlands
					فارسی
					Suomi
					Français
					Deutsch
					ελληνικά
					Magyar
					Bahasa Indonesia
					Italiano
					日本語
					한국어
					Norsk
					Polski
					Português
					Română
					Русский
					简体中文
					Español
					Svenska
					ไทย
					繁體中文
					Türkçe
					Tiếng Việt

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị
CÀI ĐẶT	Tùy chỉnh Menu	Vị trí thực đơn			Trái trên 
					Phải trên 
					Giữa 
					Trái dưới 
					Phải dưới 
		Menu Timer			Tắt
					5s
					10 giây
					20 giây
					30 giây
		Ẩn thông tin			Tắt
					Bật
	Điều chỉnh tốc độ quạt				Tắt
					Bật
	Điều chỉnh nguồn	Bật nguồn trực tiếp			Tắt
					Bật
		Bật nguồn điện			Tắt
					Bật
		Tắt nguồn tự động (phút)			0, 2 ~ 180 (tăng thêm 1 phút)
		Hẹn giờ tắt máy (phút)			0 ~ 990 (tăng thêm 30 phút)
		Chế độ chờ			Eco.
					Truyền tin
					Communication (20 mins)
		12V Trigger A			Tắt
		12V Trigger B			Bật
					Tắt
	Bảo mật	Bảo mật			Bật
					Tắt
		Bộ đếm thời gian an toàn	Tháng		
			Ngày		
			Giờ		
		Đổi mật khẩu			
	Cài đặt bàn phím	Khóa bàn phím			Tắt
					Bật
	Màu nền				Không
					Lam
					Đỏ
					Lục
					Gray

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị
CÀI ĐẶT	Thiết lập điều khiển	Người dùng 1			(không)/Độ sáng/ Độ tương phản/ Độ sắc nét/ Màu sắc/ Mức độ màu/ 11 Points RGB Balance/ Color Gamut/ CMS/ Tăng cường/Lệch RGB/ Geometric Correction/ Mẫu thử/ Vị trí chiếu/ LAN/ Điều Khiển/ Hẹn giờ tắt máy/ Chỉnh hình chiếu dọc/ H Keystone/ Bốn góc
		Người dùng 2			(không)/Độ sáng/ Độ tương phản/ Độ sắc nét/ Màu sắc/ Mức độ màu/ 11 Points RGB Balance/ Color Gamut/ CMS/ Tăng cường/Lệch RGB/ Geometric Correction/ Mẫu thử/ Vị trí chiếu/ LAN/ Điều Khiển/ Hẹn giờ tắt máy/ Chỉnh hình chiếu dọc/ H Keystone/ Bốn góc
		Người dùng 3			(không)/Độ sáng/ Độ tương phản/ Độ sắc nét/ Màu sắc/ Mức độ màu/ 11 Points RGB Balance/ Color Gamut/ CMS/ Tăng cường/Lệch RGB/ Geometric Correction/ Mẫu thử/ Vị trí chiếu/ LAN/ Điều Khiển/ Hẹn giờ tắt máy/ Chỉnh hình chiếu dọc/ H Keystone/ Bốn góc
	Device Reset	Cài đặt OSD			No (Không)
		Reset All Settings			Có
					No (Không)
					Có
Đầu vào	Tự động tìm nguồn tín hiệu				Tắt
					Bật
	Đặt lại tên nguồn đầu vào	HDMI 1 / HDMI 2 / HDMI 3 / HOME (Màn hình chính)			Chế độ mặc định
					Hải quan
	Input Hide	HDMI 1 / HDMI 2 / HDMI 3 / HOME (Màn hình chính)			No (Không)
					Có
	Cài đặt HDMI CEC	Liên kết HDMI			Tắt
					Bật
		Liên kết cho bật nguồn			Liên kết tương hỗ
					PJ --> Thiết bị
					Thiết bị --> PJ
		Liên kết cho tắt nguồn			Liên kết tương hỗ
					PJ --> Thiết bị
					Thiết bị --> PJ
	Thiết lập lại				No (Không)
					Có

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị
Âm thanh	Âm lượng				0 ~ 10
	Tắt tiếng				Tắt
					Bật
	Audio Output Settings				Analog
					SPDIF
					eARC
	Định dạng đầu ra kỹ thuật số				Bitstream
					PCM
Điều Khiển	Thiết lập lại				No (Không)
					Có
	Mã nhận dạng (ID)				0 ~ 99
	LAN	Tình trạng mạng			(chỉ đọc; Đã kết nối / Ngắt kết nối)
		Địa chỉ MAC			
		DHCP			Tắt / Bật
		Địa chỉ IP			192.168.0.100
		Mặt nạ mạng con			255.255.255.0
		Gateway			192.168.0.254
		DNS 1			192.168.0.51
		DNS 2			0.0.0.0
		Thiết lập lại			
	Điều Khiển	Crestron			Tắt
					Bật
		Extron			Tắt
					Bật
		Liên kết PJ			Tắt
					Bật
		Phát hiện thiết bị AMX			Tắt
					Bật
		Telnet			Tắt
					Bật
		HTTPS			Tắt
					Bật
	Thiết lập lại	Điều khiển 4			Tắt
					Bật
	Thiết lập lại				No (Không)
					Có

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị
Thông tin	Điều khiển				
	Số Seri				
	Source Info.				Nguồn tín hiệu
					Độ phân giải (00x00)
					Tần số quét (0,00Hz)
	Picture Mode				
	thông tin màu sắc				Color bit depth
					Color Gamut
					Không gian màu
	Bộ giải mã Âm thanh				
	Chế độ chờ				Truyền tin/Eco.
	Light Source Hours				
	Brightness Mode				
	Mã nhận dạng (ID)				00 ~ 99
	Địa chỉ IP				
	Tình trạng mạng				
	Địa chỉ MAC				
	Phiên bản FW	DDP			
		MCU			
		Vô hướng			
		MCU (Bộ điều khiển vi xử lý) ống kính			

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu hình

Tìm hiểu cách thiết lập cài đặt hình ảnh

Menu phụ

- Picture Mode
- Dolby Vision
- Dynamic Range
- Độ sáng
- Độ tương phản
- Độ sắc nét
- Gamma
- Brightness Mode
- PureEngine Ultra
- Cài đặt màu sắc
- Wall Color
- 3D

Picture Mode

Bạn có thể chọn một vài chế độ hiển thị được định sẵn để có hình ảnh phù hợp với bạn. Mỗi chế độ đều được tinh chỉnh kỹ càng bởi đội ngũ chuyên gia màu sắc của chúng tôi để đảm bảo hiệu năng màu ưu việt cho nhiều loại nội dung đa dạng.

- **Sống động:** Chọn chế độ này sẽ cân bằng độ bão hòa màu và độ sáng để hình chiếu sáng hơn. Chọn chế độ này để thiết lập với ánh sáng môi trường hoặc khi cần hình ảnh/trình chiếu sáng hơn.
- **HDR / HLG:** Mã hóa và hiển thị nội dung Dải Động Cao (HDR)/Hybrid Log Gamma (HLG) đối với các màu đen sâu nhất, màu trắng sáng nhất và màu sắc điện ảnh sống động bằng gam màu DCI-P3. Chế độ này sẽ tự động được bật nếu HDR/HLG được đặt thành Bật (và nội dung HDR/HLG được gửi đến máy chiếu - 4K UHD Blu-ray, trò chơi 1080p / 4K UHD HDR/HLG, video phát trực tuyến 4K UHD). Trong khi chế độ HDR/HLG hoạt động, bạn không thể chọn các chế độ hiển thị khác (Điện ảnh, Tham chiếu, v.v...) vì HDR/HLG cung cấp màu sắc có độ chính xác cao, vượt quá hiệu suất màu của các chế độ hiển thị khác.
- **Rạp chiếu:** Đem đến cân bằng hoàn hảo nhất giữa chi tiết và màu sắc khi xem phim.
- **Trò chơi:** Tối ưu hóa máy chiếu của bạn để có độ tương phản tối đa và màu sắc rực rỡ, để bạn có thể nhìn thấy chi tiết bóng khi chơi game.
- **Tham khảo:** Chế độ này tái tạo màu sắc theo sát ý tưởng mà đạo diễn phim mong muốn nhất. Các cài đặt màu, mức độ màu, độ sáng, độ tương phản và gamma đều được định cấu hình theo gam màu Rec.709. Chọn chế độ này để có được màu sắc chuẩn xác nhất để xem phim.
- **WCG (Gam màu rộng – WCG):** Cung cấp dải màu rộng hơn. WCG là chế độ hiển thị không phải HDR và chỉ có thể sử dụng với nội dung SDR. WCG cùng với Chế độ hình ảnh tham chiếu là các Chế độ hình ảnh không phải HDR (SDR) thể hiện màu sắc chính xác nhất.
- **Sáng:** Chế độ này phù hợp cho môi trường mà cần có mức sáng rất cao, như dùng máy chiếu trong căn phòng nhiều ánh sáng.
- **Dolby Vision Bright:** Dolby Vision giải mã và hiển thị hình ảnh HDR tuyệt đẹp bằng cách giải mã siêu dữ liệu động cho phép ánh xạ tông màu tuyệt vời trên từng cảnh cùng độ sâu bit màu và độ tương phản vượt trội. Dolby Vision Bright có độ sáng hình ảnh cao hơn Dolby Vision Dark, mang lại màu trắng sáng hơn đồng thời tăng cường tông màu ấm và tông màu da.
- **Dolby Vision Dark:** Dolby Vision giải mã và hiển thị hình ảnh HDR tuyệt đẹp bằng cách giải mã siêu dữ liệu động cho phép ánh xạ tông màu tuyệt vời trên từng cảnh cùng độ sâu bit màu và độ tương phản vượt trội. Dolby Vision Dark tập trung vào độ sáng hình ảnh tối hơn so với Dolby Vision Bright, mang lại độ tương phản mạnh hơn bao gồm dải màu đen sâu hơn.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Lưu ý: Nội dung gốc (Video phát trực tuyến, Blu-ray 4K HDR và Game 4K) và Trình phát gốc (FireTV 4K Stick/Cube, Shield TV 4K, Xbox Series X, Đầu phát Blu-ray 4K HDR) **phải** hỗ trợ Dolby Vision. PS5 không hỗ trợ Dolby Vision.

- **Dolby Vision Vivid:** Dolby Vision giải mã và hiển thị hình ảnh HDR tuyệt đẹp bằng cách giải mã siêu dữ liệu động cho phép ánh xạ tông màu tuyệt vời trên từng cảnh cùng độ sâu bit màu và độ tương phản vượt trội. Dolby Vision Vivid áp dụng thuật toán quang học sáng hơn và sống động hơn, mang lại độ sáng cao hơn và hiệu suất hình ảnh sống động hơn.
- **Dolby Vision Cinema:** Cung cấp sự cân bằng tốt nhất về chi tiết và màu sắc so với Dolby Vision Vivid khi xem phim.
- **HDR10+:** Giải mã và hiển thị nội dung HDR10+ bằng cách giải mã siêu dữ liệu động theo từng khung hình, tăng cường chi tiết ở các vùng sáng và tối của nội dung HDR10+ cũng như mang lại trải nghiệm hình ảnh HDR vượt trội so với HDR10.

Lưu ý: Nội dung gốc (Video phát trực tuyến, Blu-ray 4K HDR và Game 4K) và Trình phát gốc (FireTV 4K Stick/Cube, Shield TV 4K, Xbox Series X, Đầu phát Blu-ray 4K HDR) **phải** hỗ trợ HDR10+. PS5 không hỗ trợ HDR10+.

- **Mô phỏng chơi gôn. (Chế độ mô phỏng Golf):** Tăng cường màu sắc và độ tương phản để tạo ra trải nghiệm chơi golf chân thực và giải trí với bầu trời xanh hơn, bóng tối sẫm hơn và màu xanh lá cây chân thực.
- **AI-PQ (Chất lượng hình ảnh AI – AI-PQ):** Nhận diện khuôn mặt và cảnh theo thời gian thực bằng bộ xử lý AI tích hợp để mang lại trải nghiệm hình ảnh tốt nhất. AI-PQ tối ưu hóa chất lượng hình ảnh trên tất cả các màn hình cùng một lúc.
- **3D:** Các cài đặt được tối ưu để xem nội dung 3D.

Lưu ý: Để trải nghiệm hiệu ứng 3D, bạn cần có kính tương thích DLP Link 3D. Xem phần 3D để có thêm thông tin.

- **FILMMAKER MODE:** Thông qua vô hiệu hóa mọi xử lý hậu kỳ (ví dụ: làm mịn chuyển động) và giữ nguyên tỷ lệ khung hình, màu sắc và tốc độ khung hình chính xác, Chế độ Nhà làm phim cho phép máy chiếu hiển thị nội dung video chính xác như ý đồ của nhà làm phim. Để biết thêm thông tin về Chế độ FILMMAKER, vui lòng truy cập: <https://filmmakermode.com/>.
- **IMAX tăng cường:** Cung cấp hiệu suất hình ảnh IMAX® 4K HDR cao cấp và trải nghiệm âm thanh DTS® sống động.

Lưu ý: Cũng giống như phiên bản chiếu rạp của nội dung được chiếu tại các rạp IMAX®, các cảnh quay IMAX® có thể khác nhau vì nội dung có thể được quay một phần hoặc toàn bộ bằng máy quay IMAX®.

- **ISF Day:** Tối ưu hóa hình ảnh với chế độ ISF Day (ISF ngày) cần hiệu chỉnh hoàn hảo và chất lượng hình ảnh cao.
- **ISF Night:** Tối ưu hóa hình ảnh với chế độ ISF Night (ISF đêm) cần hiệu chỉnh hoàn hảo và chất lượng hình ảnh cao.
- **ISF Day HDR:** Tối ưu hóa hình ảnh với chế độ ISF Day HDR để có kết quả tinh chỉnh hoàn hảo và chất lượng hình ảnh cao.
- **ISF Night HDR:** Tối ưu hóa hình ảnh với chế độ ISF Night HDR để có kết quả tinh chỉnh hoàn hảo và chất lượng hình ảnh cao.
- **ISF 3D:** Tối ưu hóa hình ảnh với chế độ ISF 3D cần hiệu chỉnh hoàn hảo và chất lượng hình ảnh cao.

Lưu ý: Khi sử dụng HDR, HDR10+, Dolby Vision và eARC, vui lòng dùng Cáp HDMI 2.1 4K120/8K30 (vì đây là cáp chất lượng cao và ít hoặc không có hiện tượng suy giảm tín hiệu).

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Dolby Vision

Kích thước màn hình

Đặt kích thước màn hình ở chế độ Dolby Vision.

Độ phóng đại màn hình

Đặt độ sáng màn hình ở chế độ Dolby Vision.

Dynamic Range

HDR / HLG

Định cấu hình cài đặt Dải Động Cao (HDR) / Nhật ký lai Gamma (HLG) và hiệu ứng liên quan khi hiển thị video từ đầu đĩa Blu-ray 4K và thiết bị truyền video.

- **Tự động:** Tự động phát hiện tín hiệu HDR/HLG/HDR10+/Dolby Vision.
- **Tắt:** : Tắt Xử lý HDR/HLG/HDR10+/Dolby Vision. Khi đặt thành Tắt, máy chiếu sẽ KHÔNG giải mã nội dung HDR/HLG/HDR10+/Dolby Vision.

Độ sáng HDR

Điều chỉnh cường độ HDR nếu Dynamic Range được đặt thành **Tự động**.

Độ sáng

Điều chỉnh độ sáng của hình ảnh.

Độ tương phản

Độ tương phản điều chỉnh mức độ khác nhau giữa các phần sáng nhất và tối nhất của hình.

Độ sắc nét

Điều chỉnh độ sắc nét hình ảnh.

Gamma

Cài đặt dạng cong gamma. Sau khi hoàn thành thiết lập ban đầu và tinh chỉnh, hãy sử dụng các bước Điều chỉnh gamma để tối ưu hóa đầu ra hình ảnh của bạn.

- **Phim:** Cho nhà hát tại gia.
- **Đồ họa:** Cho nguồn PC/Ảnh.
- **1,8 / 2,0 / 2,2 / 2,4 / BT.1886:** Cho nguồn PC/Ảnh cụ thể.

Brightness Mode

Chỉnh cài đặt chế độ độ sáng.

- **Đen động 1/ Đen động 2/ Đen động 3:** Dùng để tự động chỉnh độ sáng hình ảnh nhằm đạt hiệu suất độ tương phản tối ưu.
- **Power:** Chọn tỷ lệ nguồn điện cho chế độ sáng.

PureEngine Ultra

Chỉnh thông số PureEngine.

- **PureContrast:** Dùng để tự động tối ưu hóa độ sáng màn hình trong các cảnh phim tối/sáng để hiển thị chi tiết rõ nét bất ngờ.
- **PureLight:** Sử dụng để tăng cường vùng sáng cho SDR/HDR. Chọn trong số Tắt, 1, 2, 3 cho các mức độ khác nhau trên vùng sáng.
- **PureColor:** Dùng để tăng đáng kể độ sinh động cho hình chiếu.
- **PureMotion:** Dùng để giúp hình chiếu luôn chuyển động tự nhiên.
- **PureDetail:** Sử dụng để tăng đáng kể độ sắc nét của hình ảnh.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Cài đặt màu sắc

Màu sắc

Điều chỉnh hình ảnh video từ đen trắng sang màu bảo hạ hoàn toàn.

Sắc thái

Điều chỉnh độ cân bằng màu đỏ và xanh lục.

Mức độ màu

Chọn mức độ màu từ Ấm, Tiêu chuẩn, Mát hoặc Lạnh.

11 Points RGB Balance

Chỉnh độ cân bằng màu của đỏ, xanh lục và xanh lam.

Color Gamut

Điều chỉnh gam màu từ Tự nhiên, DCI-P3, Rec.709, và BT2020.

CMS

Chọn các tùy chọn sau:

- **Màu sắc:** Chỉnh mức Đỏ, Lục, Đen, Xanh ngọc, Vàng, Đỏ thẫm và Trắng cho hình ảnh.
- **Màu sắc:** Điều chỉnh độ cân bằng màu đỏ và xanh lục.
- **Độ bão hòa:** Điều chỉnh hình ảnh video từ đen trắng sang màu bảo hạ hoàn toàn.
- **Luminance:** Chỉnh độ sáng cho màu được chọn.
- **Thiết lập lại:** Trở về cài đặt mặc định gốc để chỉnh màu.

Tăng cường/Lệch RGB

Cài đặt này cho phép đặt cấu hình độ sáng (tăng cường) và độ tương phản (độ lệch) của hình.

- **Đỏ / Xanh lục / Tăng lam:** Chỉnh màu sắc của vùng sáng trong ảnh.
- **Đỏ / Xanh lục / Blue Bias:** Chỉnh màu sắc của vùng tối trong ảnh.
- **Thiết lập lại:** Trở về cài đặt mặc định của nhà sản xuất để chỉnh thang độ xám (cân bằng trắng).

Không gian màu

Chọn loại khuôn màu thích hợp từ tùy chọn sau: Tự động, RGB (0-255), hoặc RGB(16~235).

Wall Color

Được thiết kế để điều chỉnh màu của hình ảnh được trình chiếu lên tường mà không có tấm nền. Mỗi chế độ đều được tinh chỉnh kỹ càng bởi đội ngũ chuyên gia màu sắc của chúng tôi để đảm bảo hiệu năng màu ưu việt.

Bạn có thể chọn một vài chế độ được định sẵn để có hình ảnh phù hợp màu tường của bạn. Chọn giữa Tắt, Bảng đen, Light Yellow, Light Green, Light Blue, Pink, và Gray.

Lưu ý: Để có màu sắc chính xác, chúng tôi khuyến nghị nên sử dụng màn chiếu.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

3D

Lưu ý:

- Máy chiếu này là máy chiếu 3D hoàn chỉnh với giải pháp DLP-Link 3D.
- Vui lòng đảm bảo kính 3D của bạn được sử dụng cho nội dung 3D DLP-Link trước khi xem video.
- Máy chiếu này hỗ trợ trình chiếu 3D tuần tự theo khung hình (lật trang) qua cổng HDMI1/HDMI2/HDMI3.
- Để đạt hiệu suất tối ưu, bạn nên sử dụng độ phân giải 1920x1080; xin lưu ý rằng độ phân giải 4K (3840x2160) không được hỗ trợ ở chế độ 3D.

Chế độ 3D

Dùng chức năng này để bật hoặc tắt chức năng 3D.

- **Tắt:** Chọn “Tắt” để tắt chế độ 3D.
- **Bật:** Chọn “Bật” để bật chế độ 3D.

Đồng bộ hóa 3D

Sử dụng lựa chọn này để chọn công nghệ 3D.

- **DLP-Link:** Chọn để sử dụng cài đặt tối ưu cho Kính 3D DLP.
- **3D Sync:** Chọn để sử dụng cài đặt tối ưu cho Kính 3D phân cực, IR hoặc RF.

Định dạng 3D

Dùng tùy chọn này để chọn nội dung định dạng 3D thích hợp.

- **Tự động:** Khi tín hiệu nhận dạng 3D được phát hiện, định dạng 3D sẽ được chọn tự động.
- **Hình bên cạnh hình:** Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng "Bên cạnh".
- **Top and Bottom:** Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng “Top and Bottom”.
- **Khung tuần tự:** Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng “Khung tuần tự”.
- **Đóng gói khung:** Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng “Đóng gói khung”.

Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D

Dùng tùy chọn này để bật/tắt chức năng Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D.

Thiết lập lại

Phục hồi về cài đặt mặc định gốc cho mọi cài đặt 3D.

- **No (Không):** Chọn để hủy Cài lại.
- **Có:** Chọn để trở về cài đặt mặc định gốc cho 3D.

Thiết lập lại

Trở về các cài đặt mặc định gốc cho cài đặt hình ảnh.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu hiển thị

Tìm hiểu cách thiết lập cài đặt để chiếu hình ảnh phù hợp tùy theo tình huống lắp đặt của bạn.

Menu phụ

- Low Latency Mode
- Tỷ lệ khung hình
- Geometric Correction
- Mặt nạ biên
- Zoom kỹ thuật số
- Dịch chuyển hình

Low Latency Mode

Bật tính năng này để giảm thời gian phản hồi (độ trễ đầu vào) khi chơi game bằng máy tính, Xbox Series X|S, PS4, PS5, Switch, Steam Deck, Asus Ally X, v.v. Tất cả cài đặt hình học (ví dụ: Điều chỉnh vuông hình, Chỉnh méo hình) sẽ bị tắt khi bật Low Latency Mode. Cài đặt hình học cần được xử lý và quá trình xử lý sẽ gây ra "độ trễ tác động".

Định giờ nguồn phát	Độ trễ đầu vào
1080p60	~20ms
1080p120	~12,5ms
1080p240	~8,5ms
4K60	~20ms

ALLM cho phép Máy chơi game được hỗ trợ (Xbox Series X|S, PS5 và máy tính (có GPU – Bộ xử lý đồ họa được hỗ trợ) gửi tín hiệu đến máy chiếu, từ đó máy chiếu sẽ tự động bật chế độ độ trễ thấp để chơi game. Để sử dụng ALLM, hãy đặt cài đặt ALLM trong mục Hiển thị trên menu chính trong OSD thành “ALLM”. Khi ALLM được bật, không cần phải bật và tắt độ trễ thấp.

Tỷ lệ khung hình

Chọn tỷ lệ khung hình của hình chiếu trong số các tùy chọn sau:

- **4:3:** Định dạng này áp dụng cho nguồn đầu vào 4:3.
- **16:9:** Định dạng này dành cho nguồn đầu vào 16:9, như HDTV và DVD nâng cao cho TV màn hình rộng.
- **V-Stretch:** Chế độ này kéo giãn hình ảnh 2,35:1/2,4:1 theo chiều dọc, loại bỏ các thanh màu đen.
- **Full [Video]:** Dùng tỷ lệ khung hình 2,0:1 để hiển thị phim ở tỷ lệ 16:9 lẫn 2,35:1 mà không có các thanh đen ở phía trên và phía dưới màn hình.
- **21:9:** Định dạng này dành cho nguồn đầu vào 21:9, như HDTV và DVD nâng cao cho TV màn hình rộng.
- **32:9:** Định dạng này dành cho nguồn đầu vào 32:9, như HDTV và DVD nâng cao cho TV màn hình rộng.
- **Tự nhiên:** Định dạng này hiển thị hình ảnh gốc mà không chia bất kỳ tỷ lệ.
- **Tự động:** Tự động chọn định dạng hiển thị phù hợp.

Lưu ý:

- *Thông tin chi tiết về chế độ V-Stretch:*
 - Một số DVD định dạng hộp thư không được nâng cao cho tivi khổ 16x9. Trong trường hợp này, hình ảnh trông sẽ không ổn khi hiển thị ở chế độ 16:9. Trong trường hợp này, hãy thử dùng chế độ 4:3 để xem DVD. Nếu nội dung không phải là 4:3 thì sẽ có các thanh đen hiển thị xung quanh hình ảnh ở màn hình 16:9. Đối với loại nội dung này, bạn có thể sử dụng chế độ V-Stretch để lấp đầy hình ảnh trên màn hình 16:9
 - Nếu bạn sử dụng thấu kính giãn hình lắp ngoài, chế độ V-Stretch này cũng cho phép bạn xem

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

nội dung 2.35:1 (bao gồm nguồn phim DVD và HDTV giãn hình). Chế độ này hỗ trợ tính năng giãn hình rộng được nâng cao cho Hiển thị 16x9 ở hình ảnh rộng 2.35:1. Trong trường hợp này sẽ không có thanh đen nào. Nguồn ánh sáng và độ phân giải dọc được sử dụng đầy đủ

- Để sử dụng định dạng Toàn màn hình, hãy làm như sau:
 - a) Đặt tỷ lệ khung hình màn hình thành 2.0:1.
 - b) Lựa chọn định dạng "Full".
 - c) Căn chỉnh chính xác hình ảnh máy chiếu trên màn hình.

Bảng tỉ lệ 4K UHD DMD:

Màn hình 16:9	480i/p	576i/p	720p	1080i/p	2160p
4x3	Chia tỉ lệ thành 2880 x 2160				
16x9	Chia tỉ lệ thành 3840 x 2160				
21x9	Chia tỉ lệ thành 3840 x 1644				
32x9	Chia tỉ lệ thành 3840 x 1080				
V-Stretch	Lấy hình ảnh trung tâm 3840 x 1620 và sau đó chia tỉ lệ hiển thị thành 3840 x 2160				
Full	Phóng to đến 5068 x 2852 (Phóng to 132%), sau đó lấy hình ảnh trung tâm 3840x2160				
Tự động	Nếu nguồn là 4:3, tự động thay đổi kích thước thành 2880 x 2160				

Quy tắc ánh xạ tự động 4K UHD DMD:

Tự động	Độ phân giải đầu vào		Tự động/Chia tỉ lệ	
	Độ phân giải ngang	Độ phân giải dọc	3840	2160
4:3	800	600	2880	2160
	1024	768	2880	2160
	1280	1024	2880	2160
	1400	1050	2880	2160
	1600	1200	2880	2160
Laptop màn hình rộng	1280	720	3840	2160
	1280	768	3600	2160
	1280	800	3456	2160
SDTV	720	576	2700	2160
	720	480	3240	2160
HDTV	1280	720	3840	2160
	1920	1080	3840	2160

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Geometric Correction

Chỉnh hình chiều dọc

Điều chỉnh độ méo hình ảnh theo chiều dọc và tạo hình ảnh vuông. Chỉnh vuông hình dọc được dùng để chỉnh sửa hình chiếu méo có biên phía trên và dưới bị nghiêng về một bên. Chức năng này nhằm mục đích sử dụng với các ứng dụng trực dọc.

H Keystone

Điều chỉnh độ méo hình ảnh theo chiều ngang và tạo hình ảnh vuông. Chỉnh vuông hình ngang được dùng để chỉnh sửa hình chiếu méo có biên bên trái và bên phải không đều nhau. Chức năng này nhằm mục đích sử dụng với các ứng dụng trực ngang.

Điều chỉnh bốn góc

Cài đặt này cho phép hình ảnh được chiếu được điều chỉnh từ mỗi góc để tạo hình ảnh vuông góc khi mặt phẳng chiếu không phẳng.

Warping

Bật hoặc tắt điều chỉnh sori dọc.

Warping Adjustment

Tính năng điều chỉnh độ cong hỗ trợ mẫu lưới 5x3 cho phép điều chỉnh căn chỉnh trên toàn bộ hình ảnh. Nhấn phím ▲/▼/◀/▶ để lấy nét điểm và nhấn phím **Enter** để chọn điểm. Sau đó nhấn ▲/▼/◀/▶ để dịch chuyển vị trí điểm đã chọn.

Màu khung lưới

Chọn màu lưới cho mẫu sori dọc dọc giữa Lục, Đỏ thẫm, Đỏ và Xanh ngọc.

Thiết lập lại

Khôi phục cài đặt gốc cho cài đặt hiệu chỉnh hình học.

Mặt nạ biên

Sử dụng chức năng này để khử nhiễu mã hóa video trên mép nguồn video.

Zoom kỹ thuật số

Sử dụng để thu nhỏ hoặc phóng to hình trên màn hình chiếu. Thu phóng kỹ thuật số không giống như thu phóng quang học và có thể làm giảm chất lượng hình ảnh.

Lưu ý: Các cài đặt thu phóng vẫn được giữ lại khi tắt đi và bật lại máy chiếu.

Dịch chuyển hình

Điều chỉnh vị trí hình chiếu theo chiều ngang (Vị trí ảnh phương ngang) hoặc dọc (Vị trí ảnh phương dọc).

Thiết lập lại

Khôi phục cài đặt gốc của các cài đặt hiển thị.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu thiết lập

Tìm hiểu cách thiết lập máy chiếu.

Menu phụ

- Cài đặt ống kính
- Mẫu thử
- Vị trí chiếu
- Ngôn ngữ
- Tùy chỉnh Menu
- Điều chỉnh tốc độ quạt
- Điều chỉnh nguồn
- Bảo mật
- Cài đặt bàn phím
- Màu nền
- Thiết lập điều khiển
- Device Reset

Cài đặt ống kính

Thu phóng

Sử dụng các nút ◀ và ▶ để điều chỉnh kích thước hình ảnh chiếu.

Tiêu điểm

Sử dụng các nút ◀ và ▶ để điều chỉnh tiêu cự hình ảnh chiếu.

Chức năng ống kính

Khóa ống kính để ngăn động cơ ống kính di chuyển, điều này sẽ vô hiệu hóa tất cả các chức năng của ống kính.

Lưu ý: Khi chức năng ống kính được đặt ở chế độ "Khóa", các nút Tiêu điểm, Thu phóng, Dịch chuyển ống kính, Hiệu chỉnh ống kính, và Bộ nhớ thấu kính sẽ không khả dụng.

Dịch chuyển ống kính

Sử dụng các nút ▲, ▼, ◀, ▶ để điều chỉnh vị trí ống kính nhằm dịch chuyển vùng chiếu.

Hiệu chỉnh ống kính

Hiệu chỉnh vị trí ống kính để đưa nó về vị trí trung tâm. Để tránh làm hỏng máy chiếu và ống kính, hãy luôn hiệu chỉnh ống kính trước khi thay ống kính.

Bộ nhớ thấu kính

Máy chiếu này có thể lưu tối đa năm cài đặt ống kính, ghi lại vị trí ống kính. Để ghi lại dữ liệu chính xác, vui lòng hiệu chỉnh ống kính khi thao tác bộ nhớ ống kính lần đầu tiên.

- **Áp dụng vị trí:** Chọn một bản ghi từ 1 đến 5 để áp dụng cài đặt ống kính.
- **Lưu vị trí hiện tại:** Chọn một bản ghi từ 1 đến 5 để lưu cài đặt ống kính hiện tại.
- **Thiết lập lại:** Xóa các bản ghi ống kính đã lưu.

Lưu ý:

- Thao tác hiệu chỉnh ống kính trước khi thiết lập bộ nhớ dịch chuyển ống kính.
- Cần đặt "Lưu vị trí hiện tại" trước "Áp dụng vị trí", nếu không chức năng áp dụng bộ nhớ sẽ bị mờ hoặc vô hiệu hóa.
- Thực hiện hiệu chỉnh ống kính sẽ xóa các bản ghi ống kính đã lưu.
- Khi hiệu chỉnh ống kính chưa hoàn tất, bộ nhớ dịch chuyển ống kính sẽ không khả dụng.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Mẫu thử

Chọn mẫu kiểm tra từ Khung lưới xanh, Khung lưới đỏ thẫm, Khung lưới trắng, Trắng hoặc tắt chức năng này (Tắt).

Vị trí chiếu

Chọn cách chiếu ưu thích giữa Mặt trước, Rear, Trần-phía trên và Phía sau-phía trên.

Ngôn ngữ

Chọn menu OSD đa ngôn ngữ.

Tùy chỉnh Menu

Vị trí thực đơn

Chọn vị trí menu trên màn hình hiển thị.

Menu Timer

Cài thời lượng nơi mà menu OSD vẫn hiển thị trên màn hình.

Ẩn thông tin

Bật chức năng này để ẩn thông báo thông tin.

Điều chỉnh tốc độ quạt

Khi chọn “Bật”, các quạt sẽ quay nhanh hơn. Tính năng này hữu ích tại các khu vực có nhiều độ cao nơi mà ít không khí.

Điều chỉnh nguồn

Bật nguồn trực tiếp

Chọn “Bật” để kích hoạt chế độ Nguồn trực tiếp. Máy chiếu sẽ tự động bật nguồn khi được có nguồn điện AC mà không cần ấn nút “Nguồn” trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.

Bật nguồn điện

Chọn “Bật” để kích hoạt chế độ Nguồn tín hiệu. Máy chiếu sẽ tự động bật nguồn khi tín hiệu đã được phát hiện, mà không cần nhấn phím “Nguồn” trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.

Lưu ý: Chức năng này có thể được áp dụng với nguồn tín hiệu HDMI.

Tắt nguồn tự động (phút)

Đặt thời gian cho bộ đếm giờ ngược. Bộ đếm giờ ngược sẽ bắt đầu chạy khi không có tín hiệu nào được gửi đến máy chiếu. Máy chiếu sẽ tự động tắt nguồn khi hết thời gian đếm ngược (tính theo phút).

Hẹn giờ tắt máy (phút)

Đặt thời gian cho bộ đếm giờ ngược. Bộ đếm giờ ngược sẽ bắt đầu chạy khi có hoặc không có tín hiệu nào được gửi đến máy chiếu. Máy chiếu sẽ tự động tắt nguồn khi hết thời gian đếm ngược (tính theo phút).

Lưu ý: Hẹn giờ tắt máy sẽ được cài lại mỗi khi tắt nguồn máy chiếu.

Chế độ chờ

Thiết lập cài đặt chế độ nguồn.

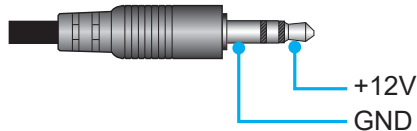
Chế độ chờ	Tiêu thụ điện năng	Điều khiển mạng	Tắt nguồn tự động
Eco.	< 0,5W	-	-
Truyền tin	< 8W	Hỗ trợ	-
Communication (20 mins)	< 8W	Hỗ trợ	20 phút

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

12V Trigger A / 12V Trigger B

Dùng chức năng này để bật hoặc tắt bộ khởi động.

Lưu ý: Giắc cắm mini 3,5mm dẫn dòng điện ra 12V 500mA (tối đa) để điều khiển hệ thống role.



- **Bật:** Chọn “Bật” để bật bộ khởi động.
- **Tắt:** Chọn “Tắt” để tắt bộ khởi động.

Bảo mật

Bảo mật

Bật chức năng này để nhắc nhập mật khẩu trước khi sử dụng máy chiếu.

- **Bật:** Chọn “Bật” để sử dụng xác nhận bảo mật khi bật máy chiếu.
- **Tắt:** Chọn “Tắt” để có thể bật máy chiếu mà không cần xác nhận mật khẩu.

Bộ đếm thời gian an toàn

Chọn chức năng thời gian (Tháng /Ngày /Giờ) để đặt số giờ có thể sử dụng máy chiếu. Một khi thời gian này đã qua, bạn sẽ được yêu cầu nhập lại mật khẩu.

Đổi mật khẩu

Dùng để cài hoặc sửa mật khẩu được báo nhắc khi bật máy chiếu.

Cài đặt bàn phím

Khóa bàn phím

Khi chức năng khóa bàn phím là “Bật”, bàn phím sẽ bị khóa. Tuy nhiên, bạn có thể sử dụng máy chiếu bằng điều khiển từ xa. Khi chọn “Tắt”, bạn sẽ có thể sử dụng lại Bàn phím.

Màu nền

Sử dụng chức năng này để hiển thị màu lam, đỏ, lục, xám, hoặc không khi không có tín hiệu.

Lưu ý: Nếu màu nền được thiết lập thành “Không”, khi đó màu nền là màu đen.

Thiết lập điều khiển

Người dùng 1 / Người dùng 2 / Người dùng 3

Gán chức năng cho các nút Người dùng 1, Người dùng 2 và Người dùng 3 trên điều khiển từ xa. Như vậy cho phép bạn sử dụng chức năng này một cách dễ dàng mà không cần vào menu OSD.

Device Reset

Cài đặt OSD

Phục hồi cài đặt mặc định gốc cho thiết lập menu OSD.

Reset All Settings

Phục hồi về cài đặt mặc định gốc cho mọi cài đặt.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu nguồn vào

Tìm hiểu cách thiết lập cài đặt đầu vào máy chiếu.

Menu phụ

- Tự động tìm nguồn tín hiệu
- Đặt lại tên nguồn đầu vào
- Input Hide
- Cài đặt HDMI CEC

Tự động tìm nguồn tín hiệu

Chọn tùy chọn này để cho phép máy chiếu tự động tìm nguồn đầu vào khả dụng.

Đặt lại tên nguồn đầu vào

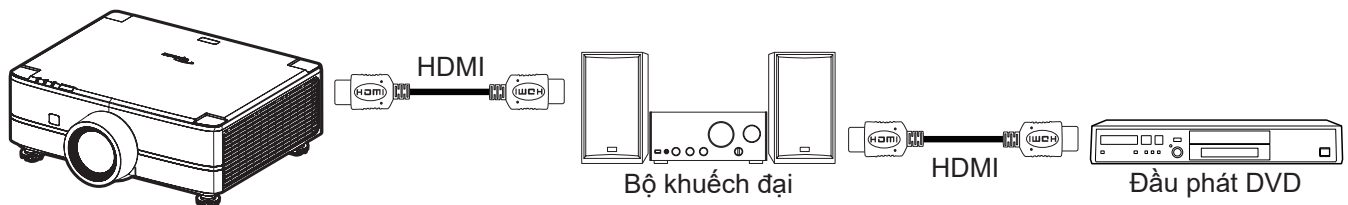
Dùng để đổi tên chức năng đầu vào để nhận dạng dễ dàng hơn. Các tùy chọn có sẵn gồm HDMI 1, HDMI 2, HDMI 3 và HOME (Màn hình chính).

Input Hide

Chọn các tùy chọn đầu vào mà bạn muốn ẩn khỏi menu nguồn đầu vào. Các tùy chọn có sẵn gồm HDMI 1, HDMI 2, HDMI 3 và HOME (Màn hình chính).

Cài đặt HDMI CEC

Lưu ý: Khi kết nối các thiết bị tương thích chuẩn HDMI CEC với máy chiếu bằng các cáp HDMI, bạn có thể kiểm soát chúng trên cùng tình trạng **Bật nguồn** hoặc **Tắt nguồn** qua tính năng kiểm soát Liên kết HDMI trên menu OSD của máy chiếu. Tùy chọn này cho phép bật nguồn hoặc tắt nguồn một thiết bị hoặc nhiều thiết bị trong một nhóm qua Tính năng Liên kết HDMI trong cấu hình chuẩn và đầu phát DVD của bạn có thể được kết nối với máy chiếu thông qua bộ âm li hoặc hệ thống nhà hát tại gia.



Liên kết HDMI

Bật/tắt chức năng Liên kết HDMI.

Liên kết cho bật nguồn

Lệnh bật nguồn CEC.

- **Liên kết tương hỗ:** Cả máy chiếu và thiết bị CEC sẽ được bật cùng một lúc.
- **PJ --> Thiết bị:** Thiết bị CEC sẽ được bật chỉ sau khi đã bật máy chiếu.
- **Thiết bị --> PJ:** Máy chiếu sẽ được bật chỉ sau khi đã bật thiết bị CEC.

Liên kết cho tắt nguồn

Lệnh tắt nguồn CEC.

- **Liên kết tương hỗ:** Cả máy chiếu và thiết bị CEC sẽ tắt cùng lúc.
- **PJ --> Thiết bị:** Thiết bị CEC sẽ chỉ tắt sau khi máy chiếu tắt.
- **Thiết bị --> PJ:** Máy chiếu sẽ chỉ tắt sau khi thiết bị CEC tắt.

Thiết lập lại

Khôi phục cài đặt gốc của các cài đặt đầu vào.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu Âm thanh

Tìm hiểu cách thiết lập cài đặt âm thanh.

Menu phụ

- Âm lượng
- Tắt tiếng
- Audio Output Settings
- Định dạng đầu ra kỹ thuật số

Âm lượng

Chỉnh mức âm lượng.

Tắt tiếng

Dùng tùy chọn này để tạm tắt âm.

- **Tắt:** Chọn "Tắt" để tắt tiếng.
- **Bật:** Chọn "Bật" để mở tiếng.

Lưu ý: Chức năng "Tắt tiếng" có ảnh hưởng đến cả âm lượng của loa trong và ngoài.

Audio Output Settings

Chọn đầu ra âm thanh từ Analog, SPDIF và eARC.

Lưu ý: eARC hỗ trợ Dolby ATMOS Pass Through đến Dolby ATMOS Soundbar hoặc AVR có hỗ trợ Dolby ATMOS.

Định dạng đầu ra kỹ thuật số

Chọn định dạng đầu ra kỹ thuật số giữa Bitstream và PCM.

Thiết lập lại

Khôi phục cài đặt gốc của các cài đặt âm thanh.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu Điều khiển

Menu điều khiển được dùng để thiết lập các cài đặt cho phép máy chiếu giao tiếp với các máy chiếu hoặc thiết bị điều khiển khác.

Menu phụ

- Mã nhận dạng (ID)
- LAN
- Điều Khiển

Thông tin bổ sung

- Sử dụng bảng điều khiển web
- Sử dụng lệnh RS232 của Telnet

Mã nhận dạng (ID)

Có thể thiết lập định nghĩa Mã nhận dạng (ID) qua menu (biên độ từ 0-99), và cho phép người dùng điều khiển máy chiếu cá nhân bằng lệnh RS232.

Lưu ý: Để biết danh sách lệnh đầy đủ của RS232, vui lòng tham khảo sổ hướng dẫn sử dụng RS232 trên trang web của chúng tôi.

LAN

Định cấu hình cài đặt mạng của máy chiếu.

Tình trạng mạng

Hiển thị tình trạng kết nối mạng. (Chỉ đọc)

Địa chỉ MAC

Hiển thị địa chỉ MAC. (Chỉ đọc)

DHCP

Bật DHCP để tự động lấy Địa chỉ IP, Mặt nạ mạng con, Gateway, DNS 1 và DNS 2.

Địa chỉ IP

Chỉ định địa chỉ IP của máy chiếu.

Mặt nạ mạng con

Chỉ định mặt nạ cấp dưới của máy chiếu.

Gateway

Chỉ định gateway của máy chiếu.

DNS 1 / DNS 2

Chỉ định DNS của máy chiếu.

Thiết lập lại

Thiết lập lại cài đặt mạng về giá trị mặc định gốc.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Điều Khiển

Bạn có thể điều khiển máy chiếu này từ xa bằng một máy tính hoặc thiết bị bên ngoài thông qua kết nối mạng có dây. Làm như vậy cho phép người dùng điều khiển một hoặc nhiều máy chiếu từ một trung tâm điều khiển từ xa, ví dụ như bật hoặc tắt máy chiếu, điều chỉnh độ sáng hoặc độ tương phản của hình ảnh. Dùng menu phụ Điều khiển để chọn thiết bị điều khiển cho máy chiếu.

Crestron

Điều khiển máy chiếu bằng bộ điều khiển Crestron và phần mềm liên quan. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <http://www.crestron.com>.

Extron

Điều khiển máy chiếu bằng thiết bị Extron. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <http://www.extron.com>.

Liên kết PJ

Điều khiển máy chiếu bằng lệnh PJLink v2.0. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <http://pjlink.jbmia.or.jp/english>.

Phát hiện thiết bị AMX

Điều khiển máy chiếu bằng thiết bị AMX. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <http://www.amx.com>.

Telnet

Điều khiển máy chiếu bằng lệnh RS232 qua kết nối Telnet. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo "Chức năng RS232 by Telnet" ở trang 64.

HTTPS

Điều khiển máy chiếu bằng trình duyệt web. (Cổng: 8088) Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo "Cách sử dụng trình duyệt web để điều khiển máy chiếu của bạn" ở trang 55.

Điều khiển 4

Điều khiển máy chiếu bằng bộ điều khiển Control 4 và phần mềm liên quan. (Cổng: 53595)

Cổng điều khiển

Điều Khiển	Crestron	Cổng 41794
	Extron	Cổng 2023
	Liên kết PJ	Cổng 4352
	Phát hiện thiết bị AMX	Cổng 9131
	Telnet	Cổng 23
	HTTPS	Cổng 8088
	Điều khiển 4	Cổng 53595

Lưu ý:

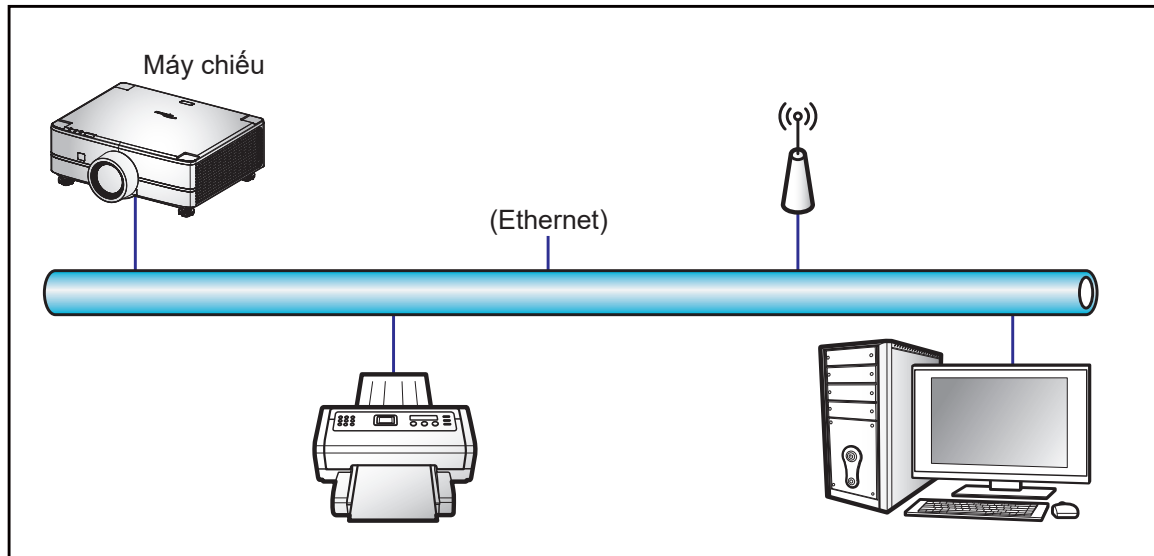
- Crestron là thương hiệu đã đăng ký của Crestron Electronics, Inc. tại Mỹ.
- Extron là thương hiệu đã đăng ký của Extron Electronics, Inc tại Mỹ.
- AMX là thương hiệu đã đăng ký của AMX LLC tại Mỹ.
- PJLink được áp dụng cho giấy phép đăng ký thương hiệu và logo tại Nhật, Mỹ và các quốc gia khác bởi JBMIA.
- Để có thêm thông tin về các loại thiết bị ngoại vi khác nhau vốn có thể được kết nối với cổng LAN/RJ45 và điều khiển máy chiếu từ xa, cũng như các lệnh hỗ trợ cho các thiết bị ngoại vi này, vui lòng liên hệ trực tiếp với Nhóm Hỗ trợ Dịch vụ.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Cài đặt điều khiển mạng

Chức năng LAN RJ45

Để người dùng vận hành đơn giản và tiện lợi, máy chiếu cung cấp nhiều tính năng kết nối mạng và quản lý từ xa. Chức năng LAN/RJ45 của máy chiếu qua mạng như quản lý từ xa: Các cài đặt Bật/Tắt nguồn, Độ sáng và Độ tương phản. Ngoài ra, bạn có thể xem thông tin tình trạng máy chiếu như: Nguồn video, Tắt âm, v.v...



Chức năng đầu cuối mạng LAN có dây

Có thể điều khiển máy chiếu này bằng PC (laptop) hoặc thiết bị ngoại vi khác qua cổng LAN/RJ45 và tương thích với Crestron/Extron/AMX (Device Discovery)/PJLink.

- Crestron là thương hiệu đã đăng ký của Crestron Electronics, Inc. tại Mỹ.
- Extron là thương hiệu đã đăng ký của Extron Electronics, Inc tại Mỹ.
- AMX là thương hiệu đã đăng ký của AMX LLC tại Mỹ.
- PJLink được áp dụng cho giấy phép đăng ký thương hiệu và logo tại Nhật, Mỹ và các quốc gia khác bởi JBMIA.

Máy chiếu được hỗ trợ bởi các lệnh quy định từ bộ điều khiển và phần mềm liên quan của Crestron Electronics, ví dụ như RoomView®.

<http://www.crestron.com/>

Máy chiếu này tương thích để hỗ trợ (các) thiết bị tham chiếu Extron.

<http://www.extron.com/>

Máy chiếu này được hỗ trợ bởi AMX (Device Discovery).

<http://www.amx.com/>

Máy chiếu này hỗ trợ tất cả các lệnh của PJLink Loại 2.

<http://pjlink.jbmia.or.jp/english/>

Để có thêm thông tin chi tiết về các loại thiết bị ngoại vi khác nhau vốn có thể được kết nối với cổng LAN/RJ45 và điều khiển máy chiếu từ xa, cũng như các lệnh hỗ trợ cho các thiết bị ngoại vi này, vui lòng liên hệ trực tiếp với Nhóm Hỗ trợ Dịch vụ.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Cách sử dụng trình duyệt web để điều khiển máy chiếu của bạn

1. “Bật” tùy chọn DHCP trên máy chiếu để cho phép máy chủ DHCP tự động gán địa chỉ IP.
2. Mở trình duyệt web trên PC và nhập địa chỉ IP của máy chiếu (“Điều Khiển > LAN > Địa chỉ IP”).
3. Nhập tên người dùng và mật khẩu, và nhấp “Đăng nhập”.
Giao diện web cấu hình máy chiếu sẽ mở ra.

Lưu ý:

- Tên người dùng mặc định là “admin”.
- Các bước trong phần này dựa trên hệ điều hành Windows 10.

Thực hiện kết nối trực tiếp từ máy tính của bạn với máy chiếu*

1. Chuyển tùy chọn DHCP sang “Tắt” trên máy chiếu.
2. Định cấu hình Địa chỉ IP, Mặt nạ mạng con, Gateway và DNS trên máy chiếu (“Điều Khiển > LAN”).
3. Mở trang **Mạng và Internet** trên PC, và gán các thông số mạng tương tự cho PC như đã thiết lập trên máy chiếu. Nhấp “Đồng ý” để lưu lại các thông số.



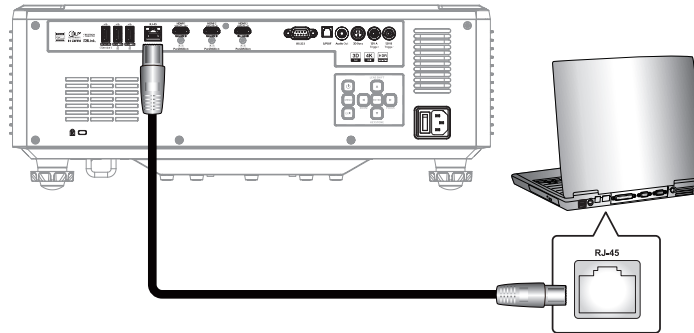
4. Mở trình duyệt web trên máy tính của bạn, rồi nhập địa chỉ IP và cổng được chỉ định ở bước 3 vào trường URL. Sau đó nhấn phím "Enter".

Lưu ý: Bảng cổng, tham khảo trang 53.

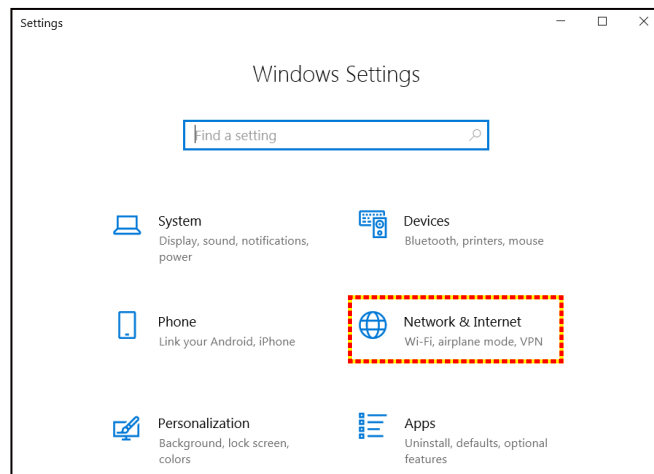
SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

LAN RJ45

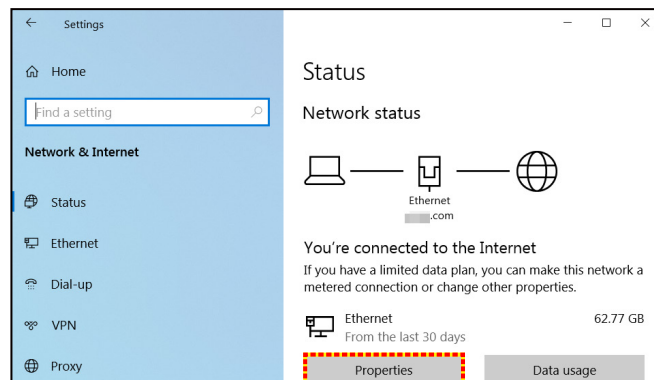
1. Cắm cáp RJ45 vào các cổng RJ45 trên máy chiếu và PC (laptop).



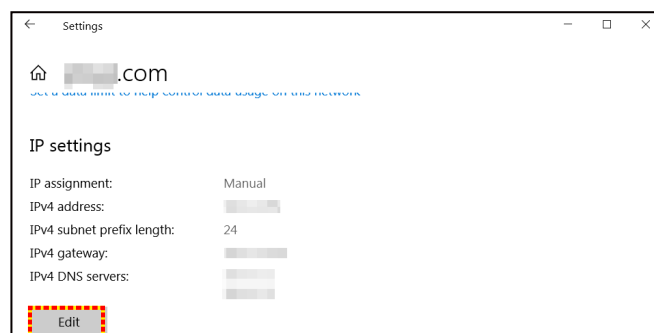
2. Trên PC (Laptop), chọn **Bắt đầu**  > **Cài đặt**  > **Mạng và Internet**.



3. Trong phần **Ethernet**, chọn **Thuộc tính**.

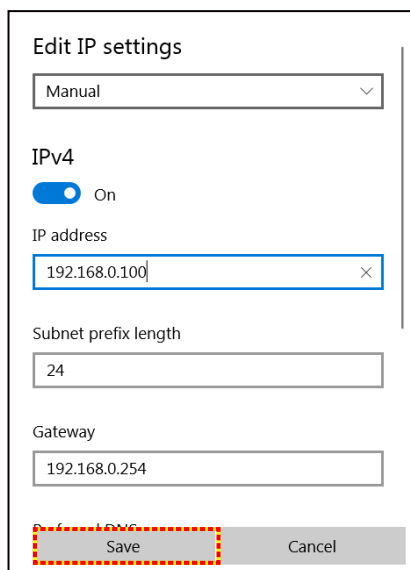


4. Trong phần **Cài đặt IP**, chọn **Chỉnh sửa**.



SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

5. Điền các mục địa chỉ IP và Gateway rồi chọn "Lưu".



Edit IP settings

Manual

IPv4

On

IP address

192.168.0.100

Subnet prefix length

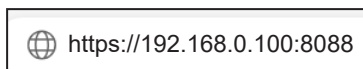
24

Gateway

192.168.0.254

Save Cancel

6. Nhấn nút "Menu" trên máy chiếu.
7. Mở trên máy chiếu **Điều Khiển > LAN**.
8. Nhập các thông số kết nối sau:
- DHCP: Tắt
 - Địa chỉ IP: 192.168.0.100
 - Mặt nạ mạng con: 255.255.255.0
 - Gateway: 192.168.0.254
 - DNS: 192.168.0.51
9. Nhấn "Enter" để xác nhận các cài đặt.
10. Mở trình duyệt web, chẳng hạn như Microsoft Edge hoặc Chrome với phiên bản Adobe Flash Player 9.0 trở lên.
11. Trong thanh Địa chỉ, nhập địa chỉ IP và cổng của máy chiếu: 192.168.0.100 : 8088.



https://192.168.0.100:8088

12. Nhấn "Enter".

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Máy chiếu được cài đặt để quản lý từ xa. Chức năng LAN/RJ45 sẽ hiển thị như sau:

Đăng nhập

Khi bạn mở trang web này lần đầu, bạn sẽ nhìn thấy màn hình như ở phía dưới.
Vui lòng thay đổi mật khẩu mặc định.

Change Password

Please change the default password and login again.

New Password

Password cannot be empty.

Confirm New Password

Save

Sau khi thay đổi mật khẩu mặc định, bạn phải đăng nhập lại. Khi bạn mở trang web, nhập mật khẩu mới vào trường "Mật khẩu" và nhấp vào **Đăng nhập**.

Web Control System

Username

admin

Password

Login

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Administrator

Tên máy chiếu đã đặt ở đây cũng sẽ được dùng để điều khiển bằng PJLink. Chỉ có thể sử dụng ký tự chữ và số để đặt tên máy chiếu. Số ký tự tối đa là 32.

Bạn chỉ có thể sử dụng ký tự chữ và số trong mật khẩu. Số ký tự tối thiểu là 8. Nếu bạn nhập một ký tự không hợp lệ, cảnh báo "Ký tự không hợp lệ" sẽ hiện lên.

Nếu các ký tự trong mật khẩu mới và ký tự trong trường nhập lại mật khẩu (mới) không trùng khớp, sẽ có thông báo lỗi hiện lên. Trong trường hợp này, hãy nhập lại mật khẩu.

The screenshot shows the Administrator interface with a dark sidebar on the left containing menu items: Administrator, Projector Control, Alert Setup, Network Setup, Information, Crestron V2, and Logout. The main content area is divided into two panels. The left panel, titled 'Projector Information', contains fields for 'Projector Name' (with the value 'VDUH2L2LV') and 'Projector ID' (with the value '0'), and a 'Save' button at the bottom. The right panel, titled 'Change Password', contains three input fields: 'Old Password', 'New Password', and 'Confirm New Password', each with a placeholder 'please input...'. A 'Save' button is located at the bottom right of this panel.

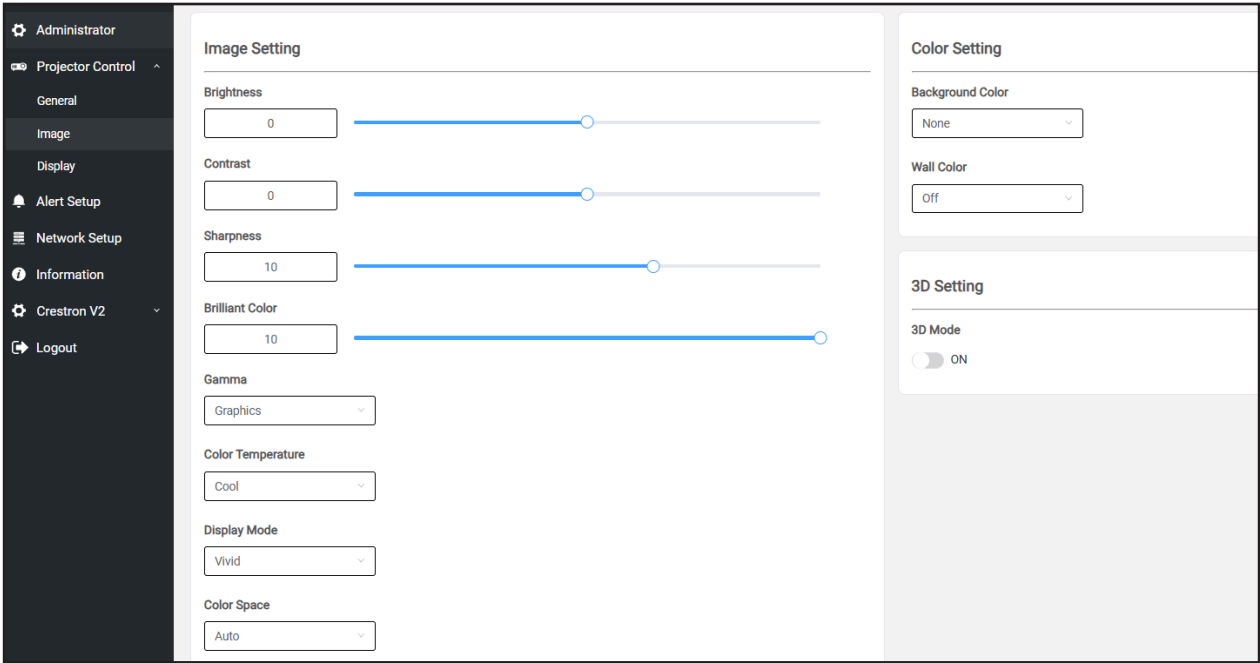
Điều khiển máy chiếu

Bạn có thể điều khiển máy chiếu bằng mục này. Các mục điều khiển sẽ được mô tả trong phần này.

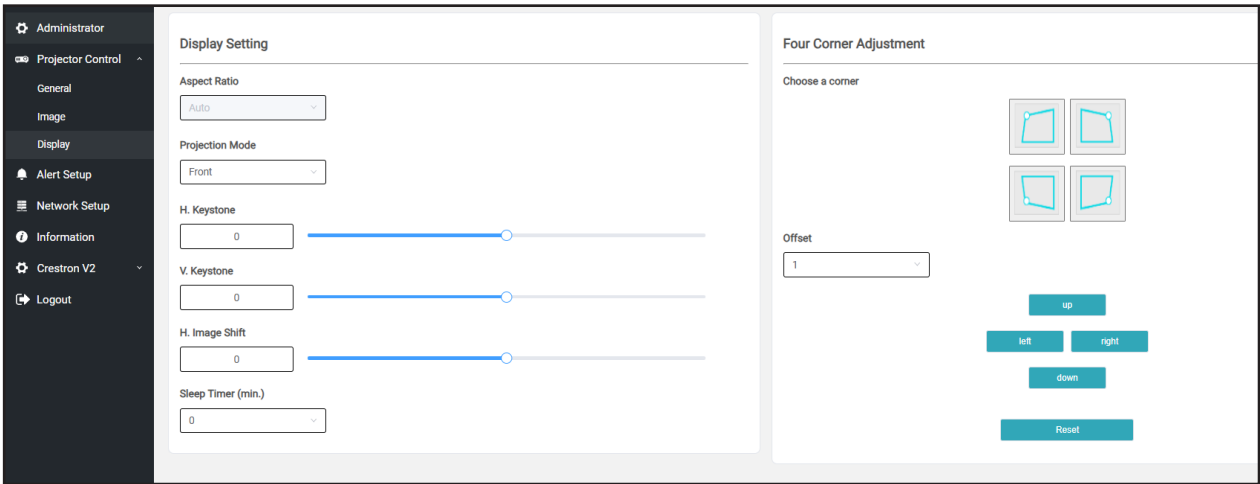
The screenshot shows the Administrator interface with the same sidebar. The main content area is divided into two panels. The left panel, titled 'General Control', contains several toggle switches: 'Power' (ON), 'Resync' (ON), 'Reset OSD' (ON), 'AV Mute' (OFF), 'Freeze' (OFF), 'High Altitude' (OFF), 'Direct Power On' (OFF), 'Source' (set to 'Home'), '12V Trigger A' (OFF), and '12V Trigger B' (OFF). The right panel, titled 'Volume Setting', contains a 'Mute' toggle (OFF) and a 'Volume' slider set to 5. Below this is a 'Power Setting' section with two dropdown menus: 'Power Mode' (set to 'Eco') and 'Brightness Mode' (set to 'Power 100%').

[Chung]

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU



[Hình ảnh]



[Hiện thị]

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Cài đặt cảnh báo

Bạn có thể gửi email cảnh báo khi có lỗi xảy ra. Bạn có thể tiến hành cài đặt thư cảnh báo trong phần này.

1. Loại cảnh báo: Kiểm tra loại lỗi mà bạn muốn gửi thư cảnh báo.
2. Thông báo thư cảnh báo: Kiểm tra và tiến hành cài đặt như sau:
 - Cài đặt SMTP: Cài đặt như sau:
 - a) Máy chủ SMTP: Địa chỉ máy chủ (tên máy chủ) (máy chủ SMTP)
 - b) Cổng: Cổng bảo mật SMTP. Ví dụ: 25, 465, 587, 2525
 - c) Tên người dùng: Tên người dùng trong máy chủ e-mail
 - d) Password: Mật khẩu máy chủ thư
 - e) Người gửi: địa chỉ email của người gửi
 - Cài đặt email: Cài đặt như sau:
 - a) Tiêu đề thư
 - b) Nội dung thư
 - c) Tới: Nhập địa chỉ e-mail của người gửi.
3. Nhấp vào "Lưu" để sửa giá trị.
4. Gửi thư kiểm tra.

Khi bạn nhấn [Gửi thư kiểm tra], hệ thống sẽ gửi thư mẫu kiểm tra. Văn bản sẽ là "Email Test xxx.xxx.xxx.xxx *".

The screenshot shows the 'Alert Setup' configuration window. On the left is a dark sidebar with navigation options: Administrator, Projector Control, Alert Setup (highlighted), Network Setup, Information, Crestron V2, and Logout. The main area is divided into three panels. The 'Alert Setting' panel at the top has a section for 'Alert Mail Notification' with a toggle switch set to 'OFF'. Below it is the 'Email Setting' panel, which contains a 'Mail Subject' field with the text 'Alert from projector system', a 'Mail Content' text area with the text 'An error/warning was generated by projector system that requires your attention.', and a 'To' field with a dropdown menu showing '-'. At the bottom of the Email Setting panel are 'Save' and 'Send Test Mail' buttons. To the right is the 'Alert Type' panel, which lists three alert types: 'Fan Error', 'LightSource Error', and 'High Temp Warning', each with a toggle switch set to 'OFF'.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Cài đặt mạng

Cài đặt mạng cho máy chiếu.

Administrator

Projector Control

Alert Setup

Network Setup

Information

Creston V2

Logout

IP Setting

DHCP

ON

OK

LAN Control

Creston

ON

Creston XIO Cloud

ON

Extron

ON

PJLink

ON

Authentication

OFF

Password

OK

AMX

ON

Telnet

ON

Control4

ON

Thông tin

Trạng thái hiện tại của máy chiếu được hiển thị. Bạn có thể kiểm tra tên mẫu máy chiếu, phiên bản chương trình cơ sở, phiên bản điều khiển web và cấu hình mạng hiện tại.

Administrator

Projector Control

Alert Setup

Network Setup

Information

Creston V2

Logout

Projector Information

Model Name

VDUHZLBLV

Projector Name

VDUHZLBLV

Serial Number

Q7LD419K21AEC0067

Version

System Firmware Version

C11

Android Firmware Version

S20

MCU Firmware Version

M07

Web Control

Web Control Version

4.1

Ethernet

IP Address

192.168.56.100

Subnet Mask

255.255.255.0

Default Gateway

192.168.56.254

MAC Address

00:50:41:A1:38:F4

Wireless LAN

IP Address

192.168.0.100

Subnet Mask

24

Default Gateway

192.168.0.254

MAC Address

D0:C0:BF:52:93:6A

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Crestron V2

Xem trạng thái kết nối và định cấu hình cài đặt liên quan đến Crestron.

The screenshot displays the Crestron V2 configuration page. On the left is a dark sidebar with navigation links: Administrator, Projector Control, Alert Setup, Network Setup, Information, Crestron V2 (expanded), Configuration, Certificate Upload, and Logout. The main content area is split into two panels. The left panel, titled 'XIO Cloud', shows a 'Connection Status' section with a red disconnected icon and the text 'XIO Cloud'. The right panel, titled 'Crestron V2', shows a 'Connection Status' section with a red disconnected icon and the text 'Control System'. Below this is an 'Interface' section with a dropdown menu set to 'Control System'. The 'Secure' section has a toggle switch set to 'OFF'. The 'Auto Discovery' section also has a toggle switch set to 'OFF'. The 'IP Address' section has a text input field with the placeholder 'please input...'. The 'IP ID' section has a text input field with the value '2'. The 'Port' section has a text input field with the value '41794'. A blue 'Connect' button is located at the bottom right of the right panel.

[Cấu hình]

The screenshot displays the Crestron V2 configuration page, specifically the 'Certificate Upload' section. The sidebar is the same as in the previous screenshot. The main content area is split into two panels. The left panel, titled 'Control System & VC4', has a 'Choose File' section with 'Select', 'Upload', and 'Clear' buttons. Below this is a blue button labeled 'Delete all certificates'. The right panel, titled 'Fusion', also has a 'Choose File' section with 'Select', 'Upload', and 'Clear' buttons. Below this is a blue button labeled 'Delete all certificates'.

[Tải chứng chỉ lên]

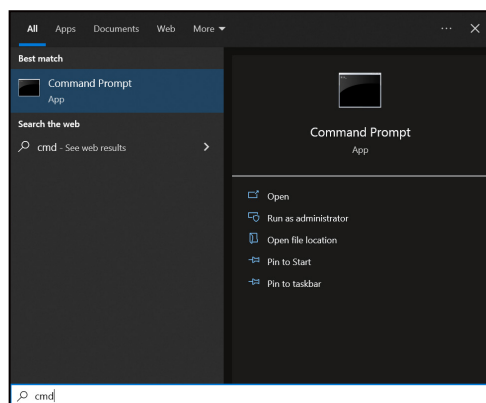
SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Chức năng RS232 by Telnet

Như một hình thức điều khiển thay thế, máy chiếu này có lệnh điều khiển RS232 qua TELNET dành cho giao tiếp LAN / RJ45.

Hướng dẫn khởi động nhanh cho "RS232 by Telnet"

- Kiểm tra và xem địa chỉ IP trên menu OSD của máy chiếu.
 - Đảm bảo PC/laptop có thể truy cập trang web của máy chiếu.
 - Đảm bảo cài đặt "Windows Firewall" được cài sang Disabled (Đã tắt) trong trường hợp lọc chức năng "TELNET" qua PC/laptop.
1. Nhấn vào **Tim kiếm**  và sau đó nhập "cmd" vào ô tìm kiếm. Nhấn phím "Enter".



2. Mở ứng dụng Command Prompt.
3. Nhập định dạng lệnh như sau:
 - telnet ttt.xxx.yyy.zzz 23 (Đã nhấn phím "Enter")
 - (ttt.xxx.yyy.zzz: Địa chỉ IP của máy chiếu)
4. Nếu Kết nối Telnet đã sẵn sàng và người dùng có thể nhập lệnh RS232, hãy nhấn phím "Enter" và kết nối Telnet sẽ sẵn sàng để điều khiển bằng lệnh RS232.

Thông số kỹ thuật cho "RS232 by TELNET":

1. Telnet: TCP.
2. Cổng Telnet: 23 (để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với đội ngũ dịch vụ của Optoma).
3. Tiện ích Telnet: Windows "TELNET.exe" (chế độ bảng điều khiển).
4. Để kết thúc phiên Telnet này, hãy đóng cửa sổ ứng dụng Command Prompt.
5. Kết nối trực tiếp tiện ích Windows Telnet sau khi kết nối TELNET đã sẵn sàng.
 - Giới hạn 1 cho Telnet-Control: Không thể có ít hơn 50 byte cho lưu lượng mạng liên tiếp đối với ứng dụng Telnet-Control.
 - Giới hạn 2 cho Telnet-Control: Không thể có ít hơn 26 byte cho lệnh RS232 liên tiếp đối với Telnet-Control.
 - Giới hạn 3 cho Telnet-Control: Độ trễ tối thiểu cho lệnh tiếp theo phải nhiều hơn 200 mili giây (ms).

Thiết lập lại

Khôi phục cài đặt gốc của các cài đặt điều khiển.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu thông tin

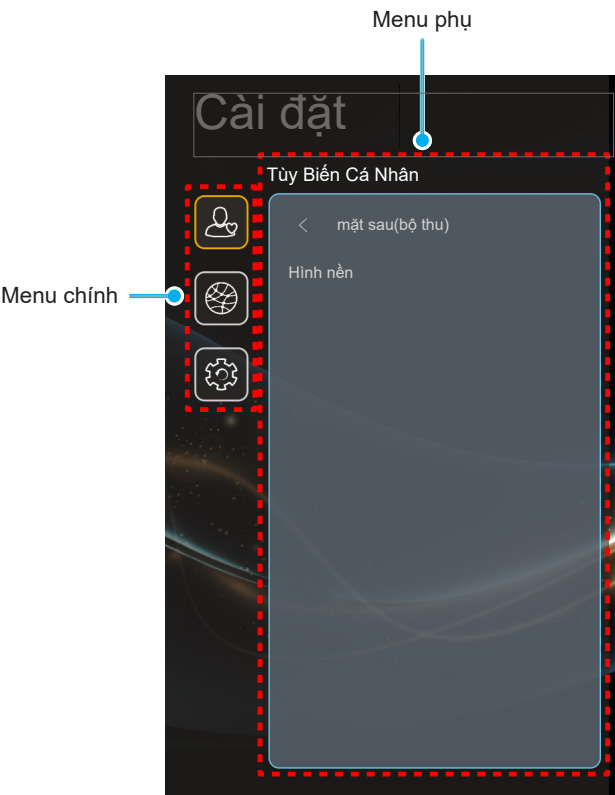
Xem thông tin máy chiếu về trạng thái và cài đặt. Thông tin máy chiếu chỉ được đọc.

- Điều khiển
- Số Seri
- Source Info.
- Picture Mode
- thông tin màu sắc
- Chế độ chờ
- Light Source Hours
- Brightness Mode
- Mã nhận dạng (ID)
- Địa chỉ IP
- Tình trạng mạng
- Địa chỉ MAC
- Trạng thái điều khiển từ xa Bluetooth
- Phiên bản FW

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Cài đặt hệ thống

Trên màn hình Khởi chạy, chọn menu **Cài đặt** (⚙️) để định cấu hình nhiều cài đặt hệ thống khác nhau.



Cây menu cài đặt

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Giá trị
TùyBiếnCáNhân	Hình nền			
Mạng	Wireless	Wi-Fi		Tắt
				Bật
		Available Networks SSID (Khi WiFi bật)	Nhập mật khẩu cho [Tên Wi-Fi]	
			Kết nối internet	
			Địa chỉ IP	
			Địa chỉ MAC	
			Mật nạ mạng con	
			Gateway	
			DNS 1	
			DNS 2	
			Cường độ tín hiệu	
			Cài đặt proxy	Không
				Manual
			Cài đặt IP	DHCP
				Tĩnh
			Hủy bỏ	
			Quên	

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

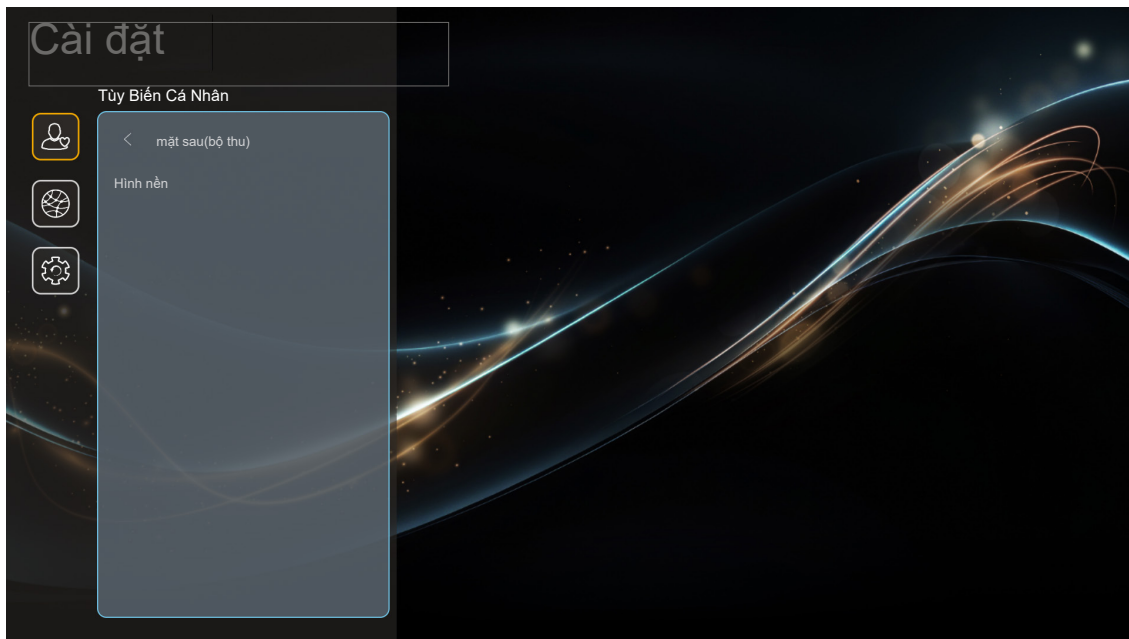
Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Giá trị	
Mạng	Wireless	Tùy chọn khác	Thêm mạng mới		
			Hotspot di động	Hotspot Wi-Fi di động	Bật
					Tắt
				Tên mạng	
				Bảo mật	
				Mật khẩu	
Hệ thống	Display Share				
	File Manager				
	Bàn phím	Current keyboard			
		Quản lý bàn phím	Other Keyboard	Bật	
				Tắt	
		Bàn phím Kika		Bật	
				Tắt	
	Ngày giờ	Lựa chọn		-12:00, -11:00, -10:00, -09:30, -09:00, -08:00, -07:00, -06:00, -05:00, -04:00, -03:30, -03:00, -02:00, -01:00, 00:00, +01:00, +02:00, +03:00, +03:30, +04:00, +04:30, +05:00, +05:30, +05:45, +06:00, +06:30, +07:00, +08:00, +08:30, +8:45, +09:00, +09:30, +10:00, +10:30, +11:00, +12:00, +12:45, +13:00, +14:00	
		Giờ mùa hè		Bật	
				Tắt	
		Use 24-hour format		Bật	
				Tắt	
	Cập nhật hệ thống				
	Pháp lý	Điều khoản và điều kiện sử dụng			
		Privacy Policy			
		Chính sách cookie			
		Bản quyền nguồn mở			

Lưu ý:

- Các chức năng sẽ khác nhau tùy vào định nghĩa của từ mẫu máy chiếu.
- Mọi thông số kỹ thuật chịu sự thay đổi mà không cần thông báo.

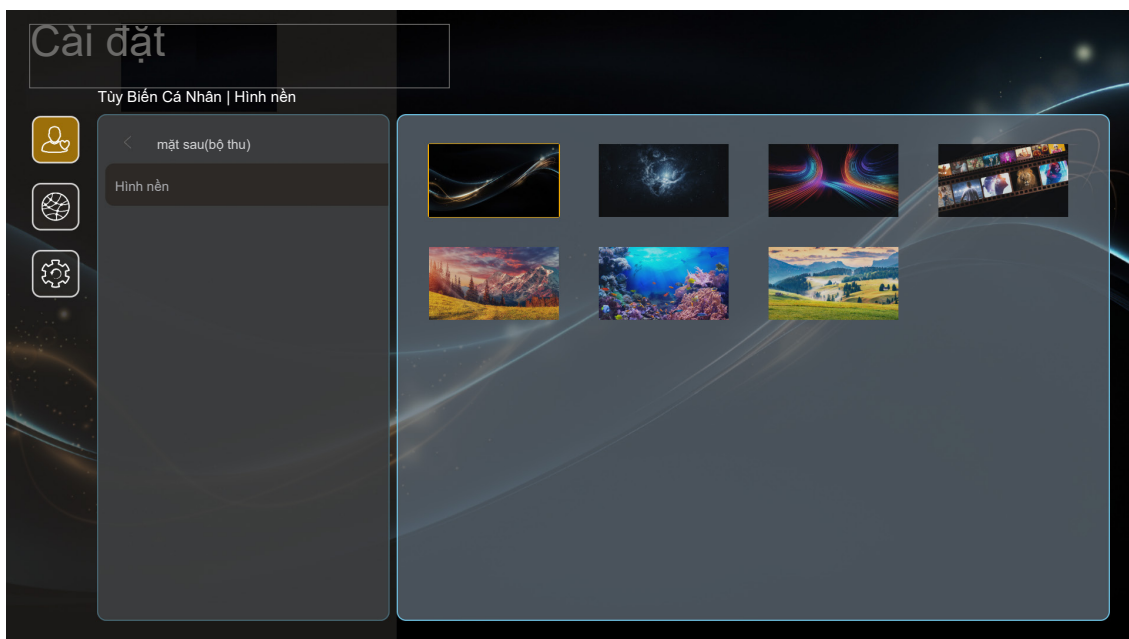
SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Cá nhân hóa menu



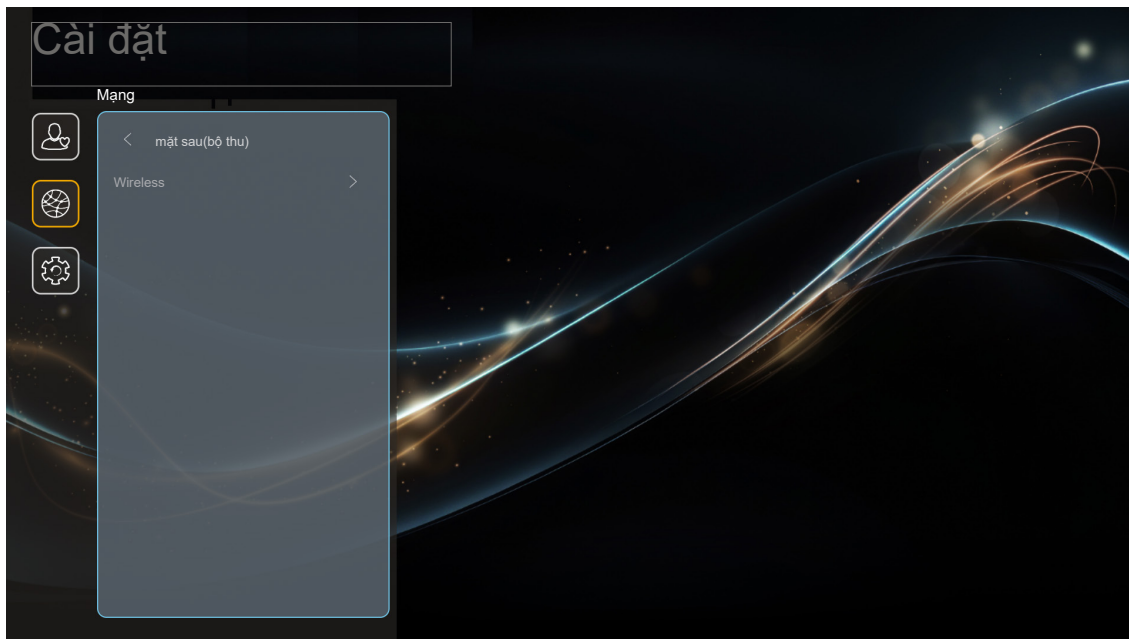
Hình nền

Cài đặt hình nền cho màn hình chính.



SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu mạng



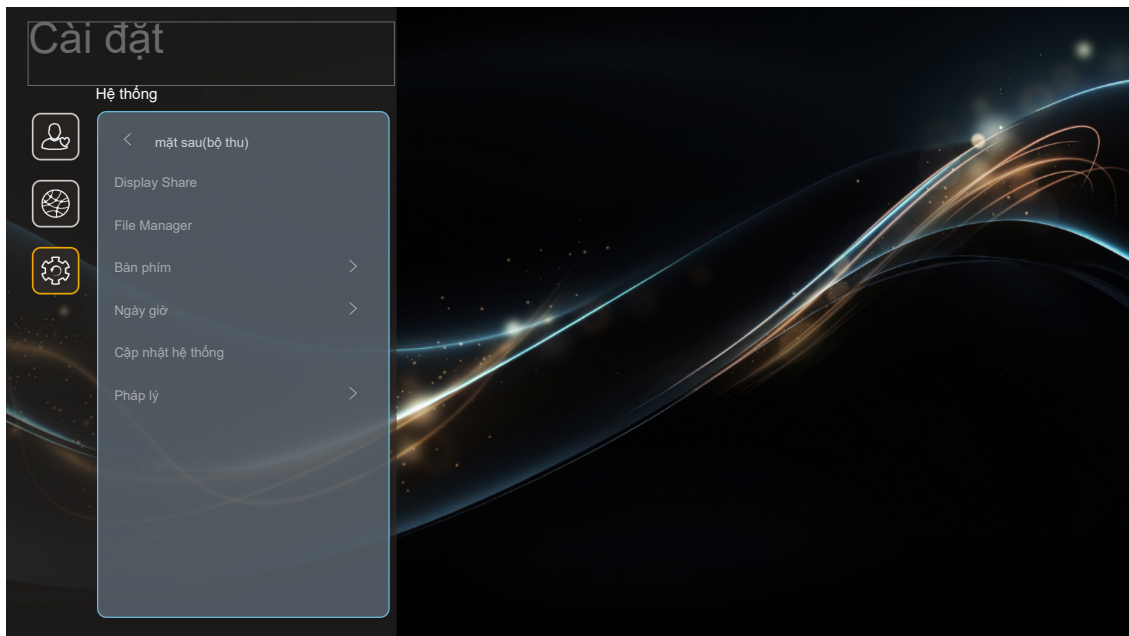
Wireless

Định cấu hình cài đặt mạng không dây.

- **Wi-Fi:** Cài tùy chọn Wi-Fi sang “Bật” để bật tính năng mạng không dây.
- **Available Networks SSID:** Chọn Bộ thu phát không dây mong muốn và nhập hoặc định cấu hình các thông số kết nối cần thiết (nếu cần), ví dụ: mật khẩu, cài đặt proxy và địa chỉ IP. Để biết thông tin, bạn có thể xem lại cường độ tín hiệu.
Chọn “Hủy bỏ” để trở về menu Mạng mà không cần lưu các cài đặt. Chọn “Quên” để xóa cấu hình mạng không dây.
Lưu ý: Bất cứ khi nào bạn cần nhập các biểu tượng, hệ thống sẽ tự động bật lên bàn phím ảo.
- **Tùy chọn khác:** Định cấu hình cài đặt mạng không dây nâng cao, chẳng hạn như "Thêm mạng mới" (nhập tên mạng thủ công) và "Hotspot di động" (định cấu hình máy chiếu để hoạt động như một điểm truy cập không dây cho các thiết bị khác).

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu hệ thống



Display Share

Mở **Display Share** ứng dụng. Xem trang 72.

File Manager

Mở **File Manager** ứng dụng. Xem trang 73.

Bàn phím

Chọn và quản lý bàn phím.

Ngày giờ

Định cấu hình cài đặt ngày giờ.

- **Lựa chọn:** Chọn múi giờ tại địa điểm của bạn.
- **Giờ mùa hè:** Đặt thành "Bật" nếu khu vực bạn sống sử dụng quy ước giờ mùa hè.
- **Use 24-hour format:** Đặt thành "Bật" để hiển thị thời gian theo định dạng 24 giờ. Cài sang "Tắt" để hiển thị thời gian theo định dạng 12 giờ (Sáng/Tối).

Cập nhật hệ thống

Hệ thống sẽ tự động dò tìm các bản cập nhật mỗi khi máy chiếu được kết nối với Internet (OTA).

Pháp lý

Xem xét các văn bản pháp lý bao gồm "Điều khoản và điều kiện sử dụng", "Privacy Policy", "Chính sách cookie" và "Bản quyền nguồn mở".

Lưu ý: Bạn cũng có thể xem lại các tài liệu pháp lý qua mạng. Hãy tham khảo các địa chỉ web sau:

- Điều khoản và điều kiện sử dụng: <https://www.optoma.com/terms-conditions/>.
- Chính sách cookie: <https://www.optoma.com/cookies-policy/>.
- Privacy Policy: <https://www.optoma.com/software-privacy-policy/>.

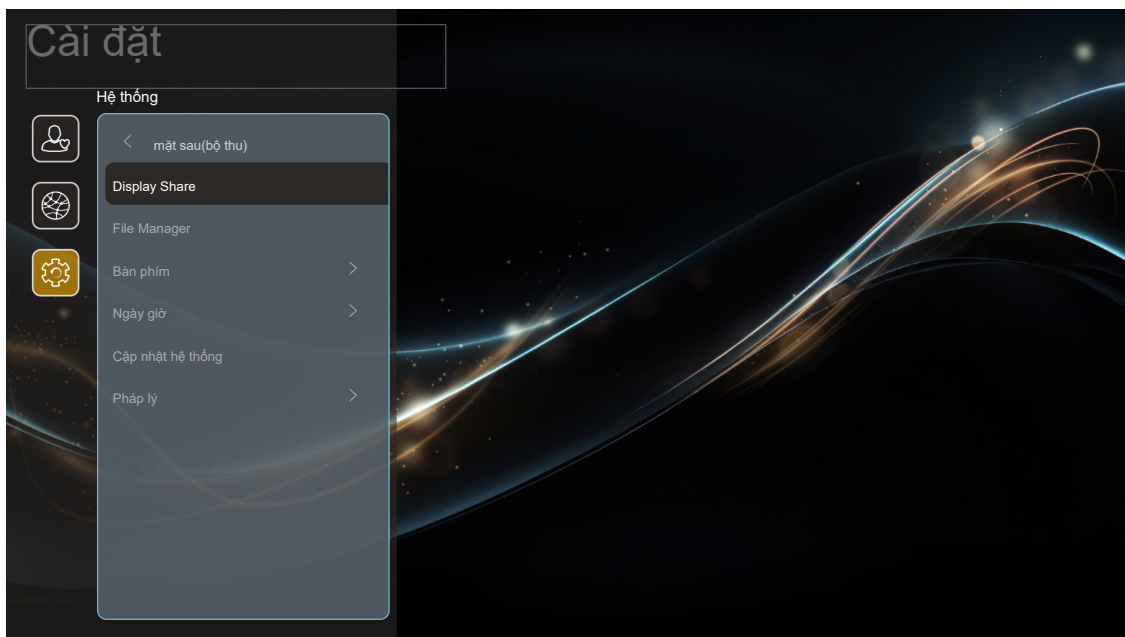
SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Chọn nguồn đầu vào thủ công

Nếu chức năng Tự động tìm nguồn tín hiệu bị tắt và nguồn đầu vào mong muốn không hiển thị trên màn hình chính, hãy chọn **Nguồn đầu vào** (🔍) trên màn hình chính hoặc nhấn nút ⏮ trên điều khiển từ xa và sau đó chọn nguồn đầu vào mong muốn của bạn.

Chọn ứng dụng

Để xem tất cả các ứng dụng đã cài đặt, hãy chọn menu **Cài đặt** (⚙️). Sau đó chọn ứng dụng bạn mong muốn (**Display Share** hoặc **File Manager**).



SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

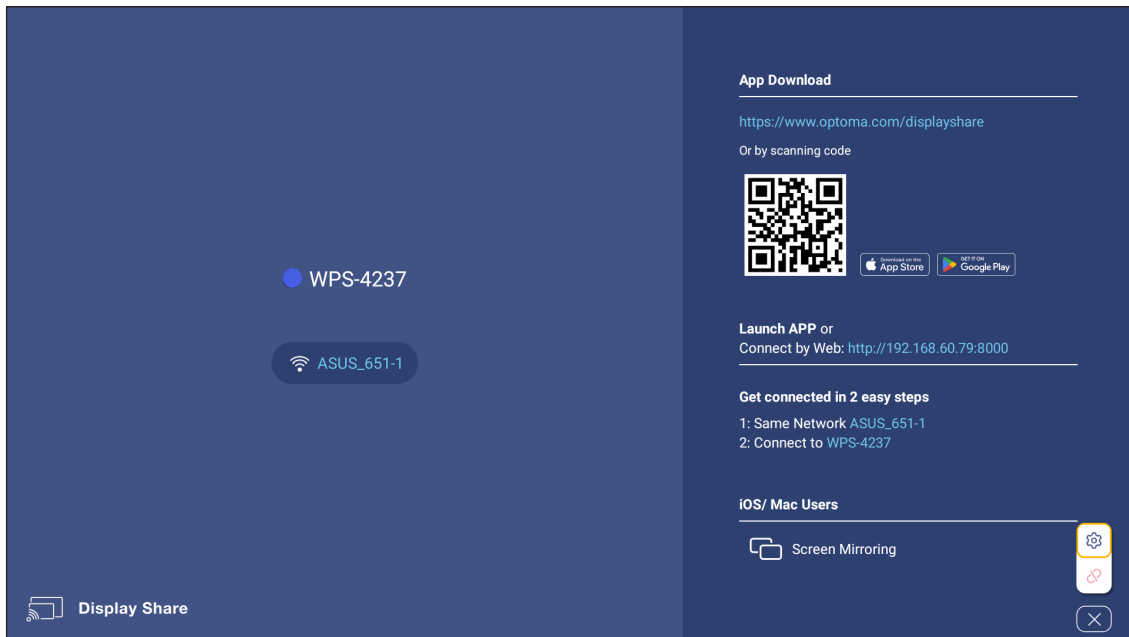
Display Share

Để nhận App, bạn có thể:

- nếu bạn dùng thiết bị di động, hãy quét mã QR trên màn hình.
- nếu bạn dùng máy tính, hãy đi tới đường dẫn.

Sau đó cài đặt ứng dụng Display Share vào máy tính hoặc thiết bị di động của bạn.

Trước khi bắt đầu, hãy đảm bảo rằng máy tính hoặc thiết bị di động của bạn cũng được kết nối cùng mạng Wi-Fi với máy chiếu. Sau đó làm theo hướng dẫn trên màn hình để vận hành App.



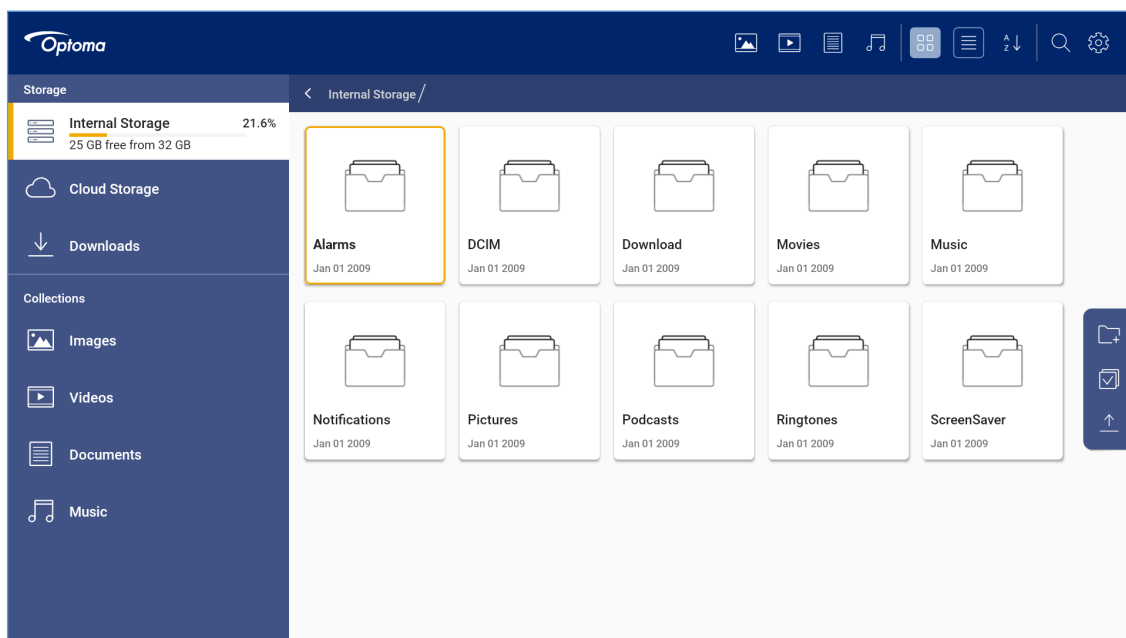
Lưu ý:

- Để kích hoạt chức năng phản chiếu màn hình iOS lần đầu, vui lòng đảm bảo máy chiếu được kết nối với Internet, sau đó chạy ứng dụng Display Share. Bạn chỉ cần thực hiện bước đầu tiên này một lần và sau khi kết nối ban đầu được thiết lập, bạn không cần phải mở ứng dụng Display Share để sử dụng chức năng phản chiếu màn hình iOS trong tương lai.
- Để sử dụng tính năng này, bạn phải kết nối và cấu hình Ethernet hoặc sử dụng Bộ chuyển đổi Wi-Fi Optoma EZC-USB (Phụ kiện tùy chọn, không bao gồm trong gói).

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

File Manager

Với app Quản lý tệp tin, bạn có thể quản lý các tệp được lưu trữ trong bộ nhớ trong, bộ nhớ gắn ngoài và lưu trữ đám mây.



Lưu ý: Để sử dụng tính năng này, bạn phải kết nối và cấu hình Ethernet hoặc sử dụng Bộ chuyển đổi Wi-Fi Optoma EZC-USB (Phụ kiện tùy chọn, không bao gồm trong gói).

THÔNG TIN BỔ SUNG

Độ phân giải tương thích

Tín hiệu đầu vào cho HDMI

Tín hiệu	Độ phân giải	Tốc độ cập nhật (Hz)	Các ghi chú cho máy Mac
VGA	640x480	60/67/72/75	Mac 60/75
	720x400	70	
SVGA	800x600	56/60/72/75	Mac 60/75
	832x624	75	Mac 75
XGA	1024x768	60/70/75/120	Mac 60/70/75
SDTV(480P)	720x480	60	
SDTV(576P)	720x576	50	
HDTV(720P)	1280x720	60/120	Mac 60
WXGA	1280x800	60	Mac 60
	1440x900	60	
WXGA	1366x768	60	
SXGA	1280x1024	60/75	Mac 60/75
	1440x900	60	
SXGA+	1400x1050	60	
UXGA	1600x1200	60	
HDTV(1080i)	1920x1080	60	
HDTV(1080p)	1920x1080	24/50/60/120/240	Mac 60
WQHD	2560x1440	120	
UHD(2160p)	3840x2160	24/30/50/60/120	
	4096x2160	24/50/60/120	

Định giờ hỗ trợ 3D

Định giờ 3D HDMI1.4a cho Blu-Ray 3D

Tín hiệu	Định giờ
720p (Gói khung)	1280x720@50Hz
720p (Gói khung)	1280x720@60Hz
1080p (Gói khung)	1920x1080@23,98/24Hz
720p (Trên và dưới)	1280x720@50Hz
720p (Trên và dưới)	1280x720@60Hz
1080p (Trên và dưới)	1920x1080@23,98/24Hz
1080i (Bên cạnh (Một nửa))	1920x1080@50(25)Hz
1080i (Bên cạnh (Một nửa))	1920x1080@60(30)Hz

Định giờ PC 3D

Tín hiệu	Định giờ
Khung tuần tự	1920x1080@120Hz
	1280x720@120Hz
	1024x768@120Hz

THÔNG TIN BỔ SUNG

Thông số kỹ thuật đa phương tiện - Video & Âm thanh & Ảnh

Bộ giải mã video	Hộp đựng
VP9	MKV (.mkv)
	WebM (.webm)
	MP4(mp4)
HEVC/H.265	MP4 (.mp4, .mov)
	Luồng truyền MPEG (.ts, .trp, .tp)
	MKV (.mkv)
MPEG1/2	Luồng chương trình MPEG (.DAT, .VOB, .MPG, .MPEG)
	Luồng truyền MPEG (.ts, .trp, .tp)
	MP4 (.mp4)
	AVI (.avi)
	MKV (.mkv)
MPEG4	MP4 (.mp4, .mov)
	3GPP (.3gp)
	AVI (.avi)
	MKV (.mkv)
H.263	MP4 (.mp4, .mov)
	3GPP (.3gpp, .3gp)
	AVI (.avi)
	MKV (.mkv)
H.264	FLV (.flv)
	MP4 (.mp4, .mov)
	3GPP (.3gp)
	Luồng truyền MPEG (.ts, .trp, .tp)
	ASF (.asf)
	WMV (.wmv)
	AVI (.avi)
	MKV (.mkv)
VC1	Luồng truyền MPEG (.ts, .trp, .tp)
	ASF (.asf)
	WMV (.wmv)
	AVI (.avi)
	MKV (.mkv)
JPEG động	AVI (.avi)
	MP4 (.mp4, .mov)
	MKV (.mkv)
VP8	MKV (.mkv)
	WebM (.webm)
AV1	MP4 (.mp4, .mov)
	3GPP (.3gpp, .3gp)
	MKV (.mkv)

THÔNG TIN BỔ SUNG

Bộ giải mã Âm thanh	Bộ chứa
MPEG1/2 Lớp 1	MP3 (.mp3)
	AVI (.avi)
	ASF (.asf)
	Matroska (.mkv, .mka)
	MP4 (.mp4, .mov, .m4a)
	Luồng truyền MPEG (.ts, .trp, .tp)
	Luồng chương trình MPEG (.DAT, .VOB, .MPG, .MPEG)
	WAV (.wav)
MPEG1/2 Lớp 2	AVI (.avi)
	Matroska (.mkv, .mka)
	MP4 (.mp4, .mov, .m4a)
	Luồng truyền MPEG (.ts, .trp, .tp)
	Luồng chương trình MPEG (.DAT, .VOB, .MPG, .MPEG)
	WAV (.wav)
MPEG1/2/2.5 Lớp 3	MP3 (.mp3)
	AVI (.avi)
	ASF (.asf)
	Matroska (.mkv, .mka)
	3GPP (.3gpp, .3gp)
	MP4 (.mp4, .mov, .m4a)
	Luồng truyền MPEG (.ts, .trp, .tp)
	Luồng chương trình MPEG (.DAT, .VOB, .MPG, .MPEG)
	FLV (.flv)
	WAV (.wav)
AC3(DD) (Dolby Digital)	AC3 (.ac3)
	AVI (.avi)
	Matroska (.mkv, .mka)
	MP4 (.mp4, .mov, .m4a)
	Luồng truyền MPEG (.ts, .trp, .tp)
	Luồng chương trình MPEG (.DAT, .VOB, .MPG, .MPEG)
EAC3(DDP) (Dolby Digital Plus)	EAC3 (.ec3)
	3GPP (.3gpp, .3gp)
	MP4 (.mp4, .mov, .m4a)
	Luồng truyền MPEG (.ts, .trp, .tp)
	Luồng chương trình MPEG (.DAT, .VOB, .MPG, .MPEG)
AAC-LC, HEAAC	AAC (.aac)
	AVI (.avi)
	Matroska (.mkv, .mka)
	3GPP (.3gpp, .3gp)
	MP4 (.mp4)
	MP4 (.m4a)
	Luồng truyền MPEG (.ts, .trp, .tp)
	Luồng chương trình MPEG (.DAT, .VOB, .MPG, .MPEG)
	FLV (.flv)
	RM (.rm, .rmvb, .ra) WAV (.wav)
VORBIS	Matroska (.mkv, .mka)
	WebM (.webm)
	Ogg (.ogg)

THÔNG TIN BỔ SUNG

Bộ giải mã Âm thanh	Bộ chứa
DTS	Luồng truyền MPEG (.ts, .trp, .tp)
	Luồng chương trình MPEG (.DAT, .VOB, .MPG, .MPEG)
	WAV (.wav)
	Matroska (.mkv, .mka)
DTS Master Audio	Luồng truyền tải MPEG (.ts, .trp, .tp, .mts)
	MP4 (.mp4, .mov)
LPCM	WAV (.wav)
	AVI (.avi)
	Matroska (.mkv, .mka)
	3GPP (.3gpp, .3gp)
	MP4 (.mp4, .mov, .m4a)
	Luồng truyền MPEG (.ts, .trp, .tp)
	Luồng chương trình MPEG (.DAT, .VOB, .MPG, .MPEG)
IMA-ADPCM MS-ADPCM	WAV (.wav)
	AVI (.avi)
G711 A/mu-law	WAV (.wav)
	AVI (.avi)
	Matroska (.mkv, .mka)
	3GPP (.3gpp, .3gp)

Bộ giải mã ảnh	Bộ chứa
ẢNH	.jpg, .jpeg
	.png
	.bmp

THÔNG TIN BỔ SUNG

EDID (Kỹ thuật số)

B0/Định giờ cố định			B0/Định giờ chuẩn			B0/Định giờ chi tiết	
Độ phân giải	Dọc [Hz]	H [KHz]	Độ phân giải	Dọc [Hz]	Tỷ lệ	Độ phân giải	Dọc [Hz]
720x400	70,0	31,5	1024x768	120,0	04:03	3840x2160	60,0
640x480	60,0	31,5	1280x720	60,0	16:09		
640x480	66,6(*67)	34,9	1280x720	120,0	16:09		
640x480	72,0	37,9	1280x800	60,0	16:10		
640x480	75,0	37,5	1280x1024	60,0	05:04		
800x600	56,0	35,1	1440x900	60,0	16:10		
800x600	60,0	37,9	1400x1050	60,0	04:03		
800x600	72,0	48,1	1600x1200	60,0	04:03		
800x600	75,0	46,9					
832x624	75,0	48,9					
1024x768	60,0	48,4					
1024x768	70,0	56,5					
1024x768	75,0	60,0					
1280x1024	75,0	80,0					
1152x870	75,0	67,5					

B1/Chế độ video		B1/Định giờ chi tiết		
Độ phân giải	Dọc [Hz]	Độ phân giải	Dọc [Hz]	Normal
640x480p 4:3	60,0	1920x1080	240,00	Vị trí ảnh phương dọc
720x480p 16:9	60,0	2560x1440	120,00	Vị trí ảnh phương dọc
1280x720p 16:9	60,0			
1920x1080i 16:9	60,0			
1920x1080p 16:9	60,0			
720x576p 16:9	50,0			
1280x720p 16:9	50,0			
1920x1080i 16:9	50,0			
1920x1080p 16:9	50,0			
1920x1080p 16:9	24,0			
1920x1080p 16:9	120,0			
2560 x 1080p 64:27	50,0			
2560 x 1080p 64:27	60,0			
3840 x 2160p 16:9	24,0			
3840 x 2160p 16:9	30,0			
3840 x 2160p 16:9	50,0			
3840 x 2160p 16:9	60,0			
4096 x 2160p 256:135	24,0			
4096 x 2160p 256:135	60,0			
3840x2160 16:9	120,0 *Chỉ dành cho HDMI 2.1			
4096x2160 256:135	120,0 *Chỉ dành cho HDMI 2.1			

THÔNG TIN BỔ SUNG

Dữ liệu âm thanh			
Định dạng	eARC	SPDIF	LPCM
LPCM(IEC 60958 PCM[30,31]	V	V	V
Dolby Digital (5.1)	V	V	
DTS	V	V	V
Dolby Digital Plus (7.1)	V		
DTS-HD	V	V	V
Dolby TrueHD/MAT	V		
ATMOS Passthrough	V		

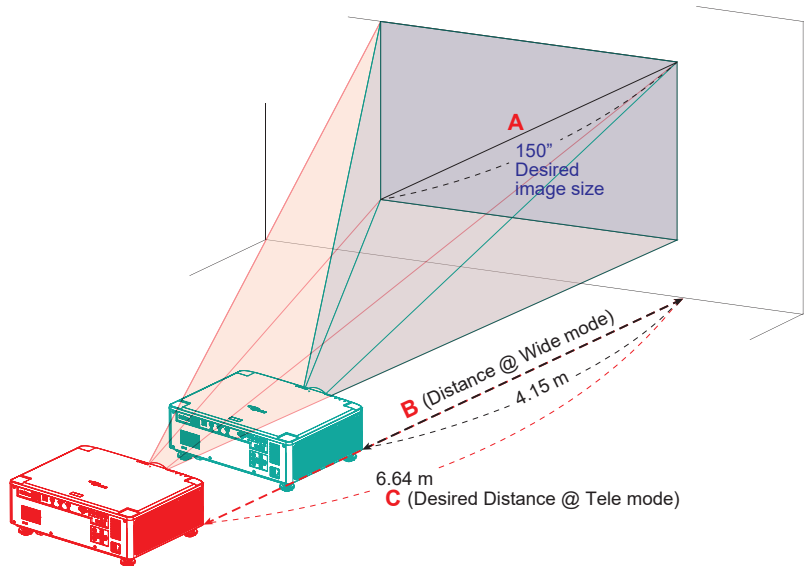
THÔNG TIN BỔ SUNG

Cỡ hình và khoảng cách chiếu

Khoảng cách mong muốn (m) <C>	Cỡ màn hình		Đỉnh	Cỡ màn hình	
	(Zoom tối thiểu)			(Zoom tối đa)	
	Đường chéo (inch) <A>	Rộng (cm) x Cao (cm)		Đường chéo (inch) <C>	Rộng (cm) x Cao (cm)
3,54	80	177 x 100	100	128	283 x 159
3,99	90	199 x 112	112	144	319 x 179
4,43	100	221 x 125	125	160	354 x 199
5,31	120	266 x 149	149	192	425 x 239
5,76	130	288 x 162	162	208	460 x 259
6,64	150	332 x 187	187	240	531 x 299
7,53	170	376 x 212	212	272	602 x 339
7,97	180	398 x 224	224	288	638 x 359
8,86	200	443 x 249	249	320	708 x 398
9,74	220	487 x 274	274	352,00	779 x 438
11,07	250	553 x 311	311	400,00	886 x 498
13,28	300	664 x 374	374	480,01	1063 x 598

Lưu ý: Tỷ lệ thu phóng: 1,6 lần

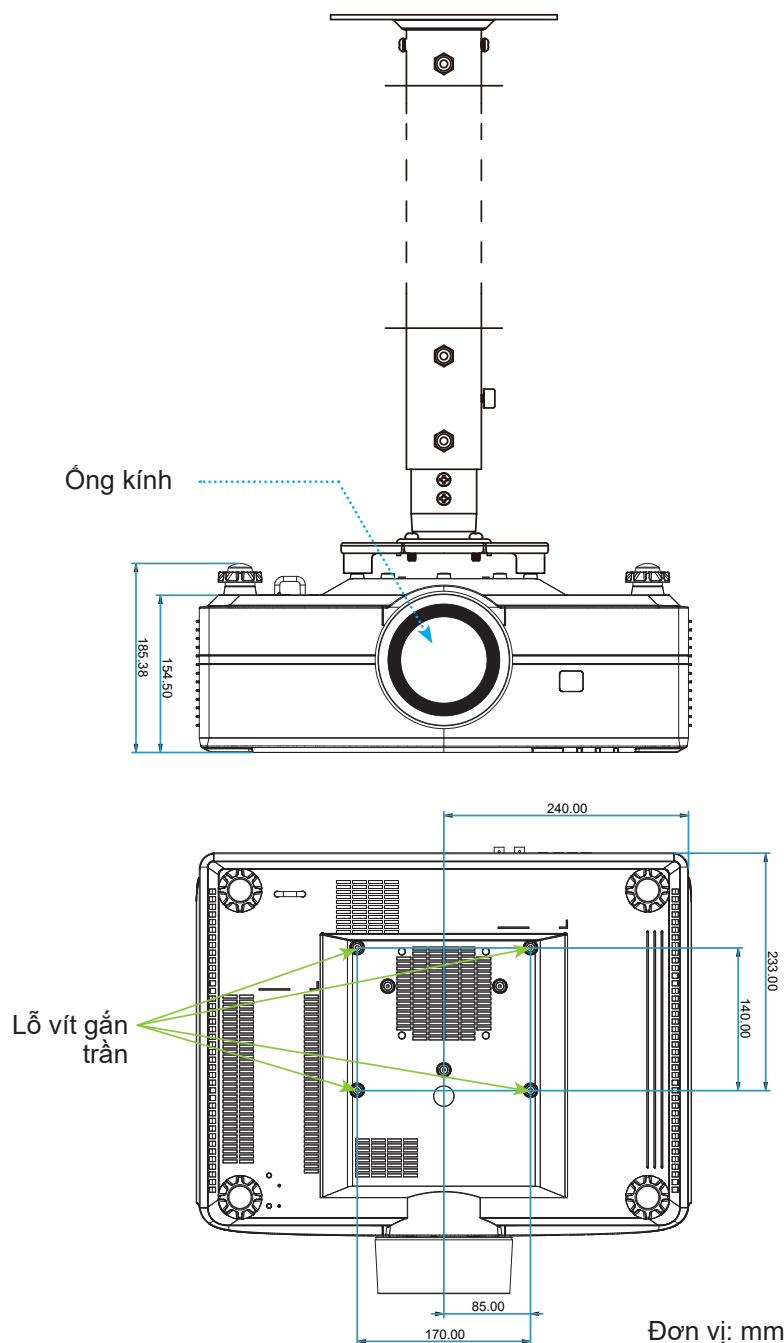
Cỡ hình mong muốn			Khoảng cách (m)	
Đường chéo (inch) <A>	Đường chéo (m)	Rộng (cm) x Cao (cm)	Phóng to tối đa (Rộng)	Phóng to tối thiểu <C> (Xa)
80	2,03	177 x 100	2,21	3,54
90	2,29	199 x 112	2,49	3,98
100	2,54	221 x 125	2,77	4,43
120	3,05	266 x 149	3,32	5,31
130	3,30	288 x 162	3,6	5,76
150	3,81	332 x 187	4,15	6,64
170	4,32	376 x 212	4,7	7,53
180	4,57	398 x 224	4,98	7,97
200	5,08	443 x 249	5,53	8,86
220	5,59	487 x 274	6,09	9,74
250	6,35	553 x 311	6,92	11,07
300	7,62	664 x 374	8,3	13,28



THÔNG TIN BỔ SUNG

Kích thước máy chiếu và lắp đặt giá treo trần

1. Để tránh làm hư hỏng máy chiếu, hãy sử dụng giá treo trần nhà Optoma.
2. Nếu bạn muốn sử dụng bộ giá treo trần từ hãng thứ ba, hãy đảm bảo sử dụng các ốc vít để gắn giá treo vào máy chiếu đáp ứng các thông số kỹ thuật sau:
 - Loại vít: M4*8 (4PCS)
 - Chiều dài vít tối thiểu: 8 mm



Lưu ý: Xin lưu ý rằng thiệt hại do lắp đặt máy chiếu không đúng cách sẽ không hưởng được chính sách bảo hành.

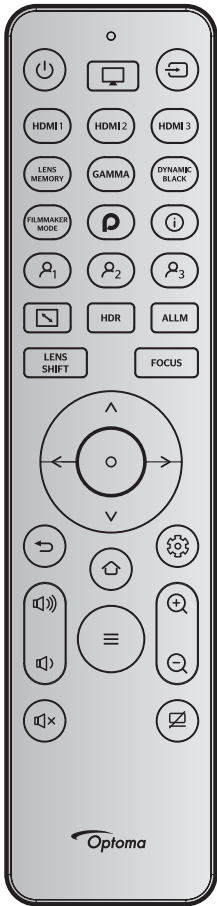


Cảnh báo:

- Nếu bạn mua giá treo trần nhà của công ty khác, hãy nhớ sử dụng đúng cỡ ốc vít. Cỡ ốc vít sẽ thay đổi tùy thuộc vào độ dày của tấm treo.
- Hãy nhớ chừa lại khe hở ít nhất 10 cm giữa trần nhà và đáy của máy chiếu.
- Tránh lắp đặt máy chiếu gần nguồn nhiệt.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Mã điều khiển từ xa hồng ngoại



Phím		Định dạng	Mã			
			Mã khách hàng		DATA Code	
			DATA0	DATA1	DATA2	DATA3
Nguồn		F1	32	CD	71	8E
Chế độ hình ảnh		F1	32	CD	05	FA
Nguồn tín hiệu		F1	32	CD	C3	3C
HDMI 1	HDMI1	F2	32	CD	16	E9
HDMI 2	HDMI2	F2	32	CD	30	CF
HDMI 3	HDMI3	F2	32	CD	98	67
Bộ nhớ thấu kính	LENS MEMORY	F1	32	CD	D5	2A
Gamma	GAMMA	F1	32	CD	7E	81
Mức đen động	DYNAMIC BLACK	F1	32	CD	44	BB
FILMMAKER MODE	FILMMAKER MODE	F1	32	CD	DF	20
PureEngine Ultra	P	F1	32	CD	D9	26

THÔNG TIN BỔ SUNG

Phím		Định dạng	Mã			
			Mã khách hàng		DATA Code	
			DATA0	DATA1	DATA2	DATA3
Thông tin		F1	32	CD	DB	24
Người dùng 1		F1	32	CD	36	C9
Người dùng 2		F1	32	CD	65	9A
Người dùng 3		F1	32	CD	66	99
Tỉ lệ khung hình		F1	32	CD	64	9B
HDR	HDR	F1	32	CD	DC	23
ALLM	ALLM	F2	32	CD	DD	22
Dịch chuyển ống kính	LENS SHIFT	F1	32	CD	D8	27
Tiêu điểm	FOCUS	F1	32	CD	D7	28
Lên		F2	32	CD	11	EE
Trái		F2	32	CD	10	EF
Nhập		F1	32	CD	0F	F0
Phải		F2	32	CD	12	ED
Dưới		F2	32	CD	14	EB
Quay lại		F1	32	CD	0D	F2
Trang chủ/ Trình khởi chạy		F1	32	CD	A0	5F
Menu Thiết lập Thiết bị		F1	32	CD	A8	57
VOL+		F2	32	CD	8C	73
Menu chính		F1	32	CD	0E	F1
ZOOM+		F2	32	CD	BC	43
VOL-		F2	32	CD	DA	25
ZOOM-		F2	32	CD	BD	42
Tắt tiếng		F1	32	CD	52	AD
Chặn AV		F1	32	CD	03	FC

THÔNG TIN BỔ SUNG

Khắc phục sự cố

Nếu bạn gặp một sự cố với máy chiếu, vui lòng tham khảo thông tin dưới đây. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc trung tâm dịch vụ địa phương.

Các sự cố về hình ảnh



Không có hình ảnh trên màn hình

- Đảm bảo mọi cáp và kết nối nguồn đều được cắm đúng và chắc chắn như được mô tả trong phần "Cài đặt".
- Đảm bảo tất cả các chân của đầu nối không bị cong hay gãy.
- Đảm bảo chưa bật tính năng "Tắt âm".



Hình ảnh lệch tiêu điểm

- Nhấn nút **FOCUS**, sau đó nhấn các nút ◀▶ cho đến khi hình ảnh sắc nét và dễ đọc. (Vui lòng xem trang 22).
- Đảm bảo màn chiếu nằm giữa khoảng cách yêu cầu với máy chiếu. (Vui lòng tham khảo trang 80).



Hình ảnh bị kéo giãn khi hiển thị tiêu đề 16:9 DVD

- Khi bạn phát DVD tiệm biến hay DVD 16:9, máy chiếu sẽ hiển thị hình ảnh tốt nhất ở định dạng 16:9 ở bên máy chiếu.
- Nếu bạn phát tiêu đề DVD định dạng V-Stretch, hãy đổi định dạng sang V-Stretch trong menu OSD của máy chiếu.
- Nếu bạn phát tiêu đề DVD định dạng 4:3, hãy thay đổi định dạng sang 4:3 trong OSD của máy chiếu.
- Vui lòng thiết lập định dạng hiển thị là loại tỉ lệ màn hình 16:9 (rộng) trên máy phát DVD.



Hình ảnh quá nhỏ hoặc quá lớn

- Nhấn nút **Zoom**, sau đó nhấn ◀▶ trên bàn phím máy chiếu để tăng hoặc giảm kích thước hình ảnh được chiếu. (Vui lòng xem trang 22).
- Đặt máy chiếu gần hoặc xa màn chiếu hơn.
- Nhấn "Menu" trên bảng điều khiển máy chiếu, truy cập "HIỂN THỊ → Tỉ lệ khung hình". Thử dùng các cài đặt khác.



Hình ảnh có các mặt nghiêng:

- Nếu có thể, chỉnh lại vị trí máy chiếu sao cho nó nằm giữa màn hình và thấp hơn đáy của màn hình.



Hình ảnh bị đảo ngược

- Chọn "CÀI ĐẶT → Vị trí chiếu" từ menu OSD và điều chỉnh hướng chiếu.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Các sự cố khác



Máy chiếu dừng đáp ứng với mọi điều khiển

- Nếu có thể, hãy tắt máy chiếu, sau đó rút dây nguồn và chờ ít nhất 20 giây trước khi cắm lại nguồn.

Các sự cố về bộ điều khiển từ xa



Nếu điều khiển từ xa không hoạt động

- Kiểm tra xem góc hoạt động của điều khiển từ xa có chứa trong phạm vi $\pm 15^\circ$ sang bộ thu hồng ngoại (IR) trên máy chiếu hay không.
- Đảm bảo không có bất kỳ vật cản nào giữa điều khiển từ xa và máy chiếu. Di chuyển trong phạm vi 6 mét (19,7 foot) so với máy chiếu.
- Đảm bảo pin được lắp đúng cách.
- Thay pin nếu pin đã cạn.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Chỉ báo cảnh báo

Khi các đèn cảnh báo (xem bên dưới) sáng lên hoặc nhấp nháy, máy chiếu sẽ tự động tắt:

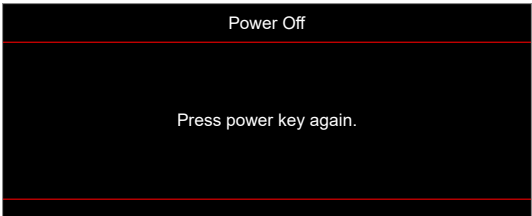
- Chỉ báo LED “Laser” sáng đỏ và nếu chỉ báo “Nguồn” nhấp nháy màu đỏ.
- Chỉ báo LED “Nhiệt độ” sáng đỏ và nếu chỉ báo “Nguồn” nhấp nháy màu đỏ. Dấu hiệu này cho biết máy chiếu đã quá nóng. Dưới các điều kiện bình thường, máy chiếu có thể được bật trở lại.
- Chỉ báo LED “Nhiệt độ” nhấp nháy màu đỏ và nếu chỉ báo “Nguồn” nhấp nháy màu đỏ.

Rút dây nguồn khỏi máy chiếu, đợi 30 giây rồi thử lại. Nếu đèn cảnh báo sáng lên hoặc nhấp nháy, vui lòng liên hệ với trung tâm bảo hành gần nhất để được trợ giúp.

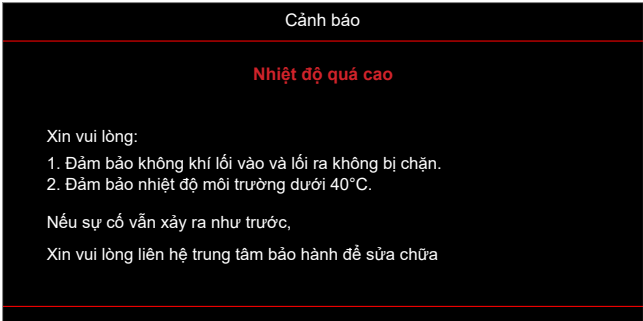
Thông báo sáng đèn LED

Tin nhắn	Đèn LED NGUỒN		Đèn LED nhiệt độ	Đèn LED laser
	(Đỏ)	(Lục)	(Đỏ)	(Đỏ)
Trạng thái chờ (Dây nguồn đầu vào)	Sáng ổn định	-	-	-
Nguồn bật (Làm nóng)	-	Nhấp nháy (tắt 0,5 giây/bật 0,5 giây)	-	-
Bật nguồn và Đèn	-	Sáng ổn định	-	-
Nguồn tắt (Làm nguội)	-	Nhấp nháy (tắt 0,5 giây/bật 0,5 giây). Đèn trở lại màu đỏ ổn định khi quạt làm mát tắt.	-	-
Lỗi (Sự cố laser)	Nhấp nháy	-	-	Sáng ổn định
Lỗi (Quạt hỏng)	Nhấp nháy	-	Nhấp nháy	-
Lỗi (Quá nhiệt)	Nhấp nháy	-	Sáng ổn định	-

- Tắt nguồn:



- Cảnh báo nhiệt độ:



THÔNG TIN BỔ SUNG

Thông số kỹ thuật

Mục	Mô tả
Độ phân giải tối đa	3840x2160 @60Hz for HDMI
Ống kính	- Tỷ lệ lệch tâm chuẩn 1,25 (Rộng)~2,0 (Xa) - F-stop: 3,0~3,1 (±5%) - Tiêu cự: 18,72~29,59 (±5%) - Khoảng thu phóng: 1,6x
Độ lệch	0
Kích cỡ ảnh	Hành trình cơ học: 80"~300" (Hiệu suất quang học ở mức 150")
Khoảng cách chiếu	- Hành trình cơ học 2,20m (Rộng) ~ 13,06m (Xa) - Rộng: 80" (2.20m) ~ 300" (8.22m) - Xa: 80" (2.20m) ~ 300" (13.06m)
Cổng I/O	- USB Type-A x1 - Nguồn ra 5V/1,5A (Không có nguồn ra ở chế độ chờ.) - Cổng bảo trì USB 2.0 nhanh. - USB Type-A x2 - Cổng ra USB 2.0 nhanh, nguồn ra 5V/0,9A - Nâng cấp giao diện đa phương tiện, WiFi dongle & bộ xử lý Android TV - HDMI 2.0 x2 - HDMI 2.0/HDCP2.2; đầu vào lên đến 3840x2160/60 - HLG/HDR10, HDR10+, MEMC; AI-PQ, Chế độ Độ trễ Thấp (~8,4ms@1080p240) - Đầu ra ARC/eARC - HDMI 2.1 x1 - HDMI 2.1/HDCP2.2; đầu vào lên đến 3840x2160/120 - HLG/HDR10, HDR10+, Dolby Vision, MEMC; AI-PQ, Chế độ Độ trễ Thấp (~8,4ms@1080p240) - Đầu vào ARC/eARC - RJ-45 x1 - Điều khiển mạng LAN: Control 4/ Crestron 2.0/ Phát hiện thiết bị AMX/ Extron/ PJLink class2/ Điều khiển web/Telnet - Điều khiển IoT: Optoma SmartHome, Alexa & Google Assistant - FOTA: Bộ xử lý Android TV - S/PDIF x1 (Hỗ trợ PCM, Dolby Digital) 3D Sync x1 (Đầu ra tín hiệu 3D Sync, đầu cắm Mini-Din 3 chân) 12V Trigger x2 (Đầu ra DC. Giắc cái 3,5 mm; tối đa 12V/0,5A) - Audio Out x1 (giắc cắm 3,5 mm, đầu cái, màu đen) - RS232 x1 (Loại đầu đực (D-sub 9 chân))
Màu sắc	1073,4 triệu màu
Tốc độ quét	- Tốc độ dò ngang: 15,375~91,146 KHz - Tốc độ dò dọc: 24~240Hz, 240 Hz cho 1080P
Tai nghe	Không có

THÔNG TIN BỔ SUNG

Mục	Mô tả
Tiêu thụ điện năng	- Tối đa (Chế độ sáng): - 281 W (thông thường), 323 W (tối đa) @110VAC - 271 W (thông thường), 312 W (tối đa) @220VAC - Tối thiểu (Chế độ Eco): - 130 W (thông thường), 150 W (tối đa) @110VAC - 130 W (thông thường), 150 W (tối đa) @220VAC
Dòng điện vào	3,8A
Hướng lắp đặt	Mặt trước, Phía sau, Trần, Phía sau-phía trên
Kích thước (Rộng x Dày x Cao)	- Bao gồm cả Khung sườn, Kích thước tối đa không có chân đế: 486 x 432,5 x 176 mm (19,1 x 17,0 x 6,9 inch) - Bao gồm cả Khung sườn, Kích thước tối đa có chân đế: 486 x 432,5 x 185,5 mm (19,1 x 17,0 x 7,3 inch)
Trọng lượng	- Khối lượng tịnh: 11,5 kg ±0,5 kg - Khối lượng tổng: 14,8 kg ±0,5 kg
Môi trường	Hoạt động với nhiệt độ từ 0~40°C và độ ẩm 10 - 80% (không ngưng tụ)

Lưu ý: Mọi thông số kỹ thuật chịu sự thay đổi mà không cần thông báo.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Văn phòng toàn cầu của Optoma

Để được bảo dưỡng hoặc hỗ trợ, vui lòng liên hệ với văn phòng địa phương.

Hoa Kỳ

Optoma Technology, Inc.
47697 Westinghouse Drive.
Fremont, Ca 94539

 888-289-6786
 510-996-4794
 services@optoma.com

Canada

Optoma Technology, Inc.
47697 Westinghouse Drive.
Fremont, Ca 94539

 888-289-6786
 510-996-4794
 services@optoma.com

Châu Mỹ Latin

Optoma Technology, Inc.
47697 Westinghouse Drive.
Fremont, Ca 94539

 888-289-6786
 510-996-4794
 services@optoma.com

Châu Âu

1 Bourne End Mills
Hemel Hempstead
Hertfordshire
HP1 2UJ
Vương quốc Anh
www.optoma.eu

 +44 (0) 1923 691 800
 +44 (0) 1923 691 888
 service@tsc-europe.com

www.optoma.eu

Điện thoại bảo hành: +44 (0)1923 691865

Benelux BV

Optoma Benelux BV
Europalaan 770 D
1363BM Almere
The Netherlands
www.optoma.nl

 +31 (0) 36 8200 250
 +31 (0) 36 548 9052

Pháp

Bâtiment E
81-83 avenue Edouard Vaillant
92100 Boulogne Billancourt, France

 +33 1 41 46 12 20
 +33 1 41 46 94 35
 savoptoma@optoma.fr

Spain

C/ José Hierro, 36 Of. 1C 28529 Rivas
Vaciamadrid, Tây Ban Nha

 +34 91 499 06 06
 +34 91 670 08 32

Đức

Optoma Deutschland GmbH
Am Nordpark 3
41069 Mönchengladbach
Đức

 +49 (0) 2161 68643 0
 +49 (0) 2161 68643 99
 info@optoma.de

Scandinavia

Postboks 9515 Åskollen
Kriveveien 29
Drammen
3036
Norway

 +47 32 98 89 90
 +47 32 98 89 99
 info@optoma.no

Hàn Quốc

<https://www.optoma.com/kr/>

Nhật Bản

<https://www.optoma.com/jp/>

Đài Loan

<https://www.optoma.com/tw/>

Trung Quốc

Room 2001, 20F, Building 4,
No.1398 Kaixuan Road,
Changning District
Shanghai, 200052, China

 +86-21-62947376
 +86-21-62947375
www.optoma.com.cn

Úc

<https://www.optoma.com/au/>

